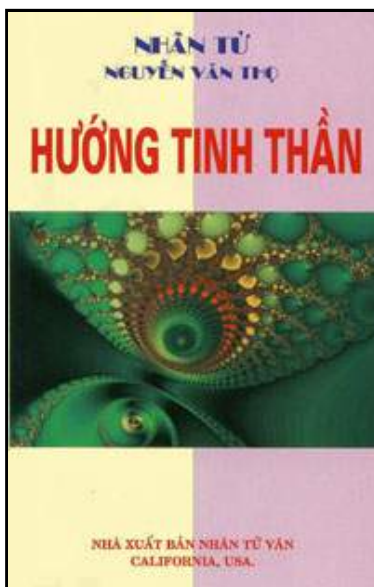


HƯƠNG TINH THẦN

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» [mục lục](#) | [tựa](#) | [chương 1](#) | [2](#) | [3](#) | [4](#) | [5](#) | [6](#) | [7](#) | [8](#) | [9](#) | [10](#) | [sách tham khảo](#)



MỤC LỤC

Tựa

CHƯƠNG 1 - ÍT NHIỀU TIÊU CHUẨN VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐỂ KHẢO SÁT VỀ TÔN GIÁO ĐỐI CHIẾU

I. ĐỊNH NGHĨA

II. NHỮNG DỮ KIỆN LỊCH SỬ ĐƯA TỚI KHOA TÔN GIÁO ĐỐI CHIẾU

1. Sự liên lạc giữa năm châu trở nên dễ dàng
2. Những tài liệu để khảo về các đạo giáo hiện nay đầy rẫy
3. Sự chuyển hướng tâm lý trong nhân loại

III. ÍT NHIỀU TÔN CHỈ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐỂ KHẢO VỀ TÔN GIÁO ĐỐI CHIẾU

1. Phương pháp sử học (méthode historique)
2. Phương pháp hiện tượng học (méthode phénoménologique)
3. Phương pháp văn học và ngữ học (critique littéraire et méthode philologique)
4. Phương pháp nhân chủng học (méthode anthropologique ou ethnologique)
5. Phương pháp tâm lý học (méthode psychologique)
6. Phương pháp xã hội học (méthode sociologique)
7. Đạo giáo với cổ tích - cổ sử
8. Nghệ thuật tôn giáo và phong tục
9. Phương pháp đối chiếu đạo giáo (méthode comparative)

CHƯƠNG 2 - ÍT NHIỀU NHẬN ĐỊNH KHÁI QUÁT VỀ TÔN GIÁO ĐỐI CHIẾU

I. CÓ NHIỀU ĐẠO GIÁO LÀ CHUYỆN DĨ NHIÊN

II. PHONG TRÀO KHẢO SÁT TÔN GIÁO TỪ XƯA ĐẾN NAY

III. TÔN GIÁO ĐỐI CHIẾU VÀ TRIẾT LÝ VỀ TÔN GIÁO ĐỐI CHIẾU

1. Mô tả các đạo giáo hay lịch sử các đạo giáo (Histoire des Religions)

2. Tìm cho ra những định luật chi phối các hiện tượng đạo giáo hay khoa học đạo giáo (Science des Religions)
3. Tìm cho ra ý nghĩa và giá trị các đạo giáo hay triết lý đạo giáo (Philosophie des Religion)

Tiêu chuẩn chân đạo

KẾT LUẬN

CHƯƠNG 3 - QUAN NIỆM TAM TÀI VÀ LƯƠNG NGUYÊN VỚI KHOA TÔN GIÁO ĐỐI CHIẾU

- I. QUAN NIỆM TAM TÀI (Conception tripartite de l'homme)
- II. QUAN NIỆM LƯƠNG NGUYÊN (théorie dualiste de l'homme)
- III. HỆ QUẢ CỦA HAI QUAN NIỆM TRÊN ĐỐI VỚI ĐẠO GIÁO

CHƯƠNG 4 - CÁC TẦNG LỚP TRONG CON NGƯỜI VỚI KHOA TÔN GIÁO ĐỐI CHIẾU

CHƯƠNG 5 - NHỮNG QUAN NIỆM KHÁC BIỆT GIỮA ĐÔNG VÀ TÂY VỀ TÔN GIÁO

BẢNG TOÁT LƯỢC NHỮNG ĐIỂM DỊ BIỆT GIỮA CÁC ĐẠO GIÁO ĐÔNG TÂY

CHƯƠNG 6 - TƯỢNG HÌNH VỚI KHOA TÔN GIÁO ĐỐI CHIẾU

- I. Ý NGHĨA TÂM ĐIỂM VÀ VÒNG TRÒN TRONG CÁC HỌC THUYẾT VÀ CÁC ĐẠO GIÁO Á ÂU
- II. TÂM ĐIỂM VÀ VÒNG HOÀNG ĐẠO
- III. TÂM ĐIỂM VÀ VÒNG TRÒN TRONG KHOA KIẾN TRÚC VÀ MỸ THUẬT
- IV. TÂM ĐIỂM VÀ VÒNG TRÒN VỚI BÍ QUYẾT TÌM ĐẠO TÌM TRỜI

CHƯƠNG 7 - DỊCH LÝ VỚI KHOA TÔN GIÁO ĐỐI CHIẾU

- I. QUAN NIỆM «NHẤT THỂ VẠN THỤ» VỚI CÁC ĐẠO GIÁO
- II. QUAN NIỆM THIÊN NHÂN TƯƠNG DỮ CỦA DỊCH KINH VỚI CÁC ĐẠO GIÁO
- III. QUAN NIỆM VẠN VẬT TUẦN HOÀN CHUNG NHI PHỤC THỦY VỚI CÁC ĐẠO GIÁO
- IV. DỊCH KINH VỚI QUAN NIỆM THIÊN ÁC
- V. Ý NGHĨA CUỘC BIẾN HÓA CỦA MUÔN LOÀI

CHƯƠNG 8 - ĐI TÌM ÍT NHIỀU NGUYÊN TẮC ĐỂ LÀM TIÊU CHUẨN CHÂN LÝ

- A. BA QUAN NIỆM ÂU CHÂU VỀ CHÂN LÝ VÀ TIÊU CHUẨN CHÂN LÝ
- B. THẾ NÀO LÀ CHÂN LÝ
- C. NHỮNG TIÊU CHUẨN ĐỂ ĐOÁN ĐỊNH CHÂN LÝ
- D. HỆ QUẢ

CHƯƠNG 9 - PHÂN LOẠI ĐẠO GIÁO: NGOẠI GIÁO VÀ NỘI GIÁO – THIÊN NHIÊN VÀ QUI ƯỚC

- I. NGOẠI GIÁO VÀ NỘI GIÁO
- II. THIÊN NHIÊN VÀ QUI ƯỚC

CHƯƠNG 10 - ĐỒNG QUI NHI THỤ ĐỒ

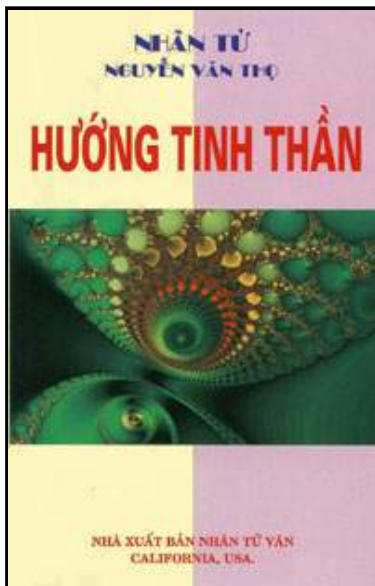
SÁCH THAM KHẢO

» [mục lục](#) | [tựa](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) | sách tham khảo

HƯƠNG TINH THẦN

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» [mục lục](#) | [tựa](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) | [sách tham khảo](#)



TỰA

Năm 1971, Linh Mục Hoàng Sĩ Quý mời tôi dạy **Triết Học Tôn Giáo Đối Chiếu** tại trụ sở Dòng Tên Alexandre De Rhodes, 161 Yên Đổ, Saigon.

Khi ấy Triết Học Tôn Giáo Đối Chiếu còn là một môn học rất là mới mẻ. Chưa từng ai đã dạy nó ở Việt Nam, và những tài liệu về vấn đề này trên thế giới cũng còn rất khan hiếm.

Tôi bắt tay vào việc, một cách hăng say. Các học viên là một số Cha, Thầy, bà Phước, và sinh viên từ ngoài vào dự.

Bây giờ, đọc lại tài liệu này đã được viết từ 30 năm nay, mới đầu tôi định thêm vào những điều mà tôi đã học hỏi về sau, nhưng đọc kỹ, tôi thấy nó tuy ngắn, gọn, nhưng kể cũng là đã khá đầy đủ. Nên tôi đem nguyên văn trình bày lại.

Tôi gọi sách này là **HƯƠNG TINH THẦN** vì quan niệm rằng bất kỳ đạo giáo nào trên thế giới cũng chỉ có mục đích là đưa nhân loại về hướng tinh thần mà thôi.

Trước kia Linh Mục Hoàng Sĩ Quý đã cho in ronéo và phổ biến hữu hạn. Nay tôi cho in ra không thêm bớt. Mong được quý vị học giả chỉ giáo thêm cho.

Westminster, 10-05-2001

Bác sĩ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ chuyết đề



» [mục lục](#) | [tựa](#) | chương [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) | [sách tham khảo](#)

HƯƠNG TINH THÂN

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» mục lục | tựa | chương [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) | sách tham khảo

chương 1

ÍT NHIỀU TIÊU CHUẨN VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐỂ KHẢO SÁT VỀ TÔN GIÁO ĐỐI CHIẾU

I. ĐỊNH NGHĨA

II. NHỮNG DỮ KIỆN LỊCH SỬ ĐƯA TỚI KHOA TÔN GIÁO ĐỐI CHIẾU

1. Sự liên lạc giữa năm châu trở nên dễ dàng
2. Những tài liệu để khảo về các đạo giáo hiện nay đây rầy
3. Sự chuyển hướng tâm lý trong nhân loại

III. ÍT NHIỀU TÔN CHỈ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐỂ KHẢO VỀ TÔN GIÁO ĐỐI CHIẾU

1. Phương pháp sử học (méthode historique)
2. Phương pháp hiện tượng học (méthode phénoménologique)
3. Phương pháp văn học và ngữ học (critique littéraire et méthode philologique)
4. Phương pháp nhân chủng học (méthode anthropologique ou ethnologique)
5. Phương pháp tâm lý học (méthode psychologique)
6. Phương pháp xã hội học (méthode sociologique)
7. Đạo giáo với cổ tích - cổ sử
8. Nghệ thuật tôn giáo và phong tục
9. Phương pháp đối chiếu đạo giáo (méthode comparative)

I. ĐỊNH NGHĨA

Tôn giáo đối chiếu (Religionswissenschaft; Étude comparée des Religions; Comparative Religions; The Comparison of Religions) là một khoa học có mục đích khảo cứu và so sánh các dữ kiện của nhiều đạo giáo khác nhau để tìm xem các tôn giáo giống nhau ở điểm nào, khác nhau ở điểm nào.

Nó cũng là một loại triết học vì có mục đích tìm kiếm ý nghĩa và giá trị các nền tín ngưỡng khác nhau của nhân loại.

II. NHỮNG DỮ KIỆN LỊCH SỬ ĐƯA TỚI KHOA TÔN GIÁO ĐỐI CHIẾU

1. Sự liên lạc giữa năm châu trở nên dễ dàng

Từ thế kỷ 15 cho đến nay, con người đã có những phương tiện tối tân để đi khắp các lục địa, và qua những trận chiến tranh, qua những sự hiểu lầm, qua những kinh thị dè bủ lẫn nhau, qua những sự tìm hiểu lẫn nhau, thông cảm lẫn nhau, con người dần dà cảm thấy mối giây liên lạc giữa con người với con người khắp năm châu rất là chặt chẽ.

Đông Tây nhờ đó mà gặp gỡ nhau. Các đạo giáo đông tây đã được phổ biến khắp các lục địa, hoặc bằng phương pháp giảng giáo, hoặc bằng cách dịch thuật, biên khảo. Nhờ có những phương pháp ấn loát tân kỳ và sự giao thông tiện lợi, nên các sách vở được phổ biến dễ dàng khắp năm châu. Do đó nhân loại dần dà cũng nhận ra được rằng không phải nguyên có tôn giáo của mình, từ ngữ của mình là hay là trọng,

mà tôn giáo của người, từ ngữ của người cũng hay, cũng trọng.

2. Những tài liệu để khảo về các đạo giáo hiện nay đầy rẫy

Thế kỷ VII, Đường Tam Tạng phải mất mười sáu năm (629–645) mới sang được Ấn Độ thỉnh kinh Phật về Trung Quốc, ngày nay chúng ta có thể ngồi nhà liên lạc bằng thư tín, cũng có thể có nhiều tài liệu về đạo giáo hơn Đường Tam Tạng.

Thực vậy, các loại thánh kinh các đạo giáo đều đã được phiên dịch ra nhiều thứ tiếng.

Năm 1800, Thánh kinh Thiên Chúa giáo được dịch ra 70 thứ tiếng.

Năm 1900, được dịch ra 561 thứ tiếng, năm 1950, được dịch ra 1118 thứ tiếng.^[1]

Thánh thư Coran của Hồi giáo cũng được dịch ra nhiều thứ tiếng. Chúng ta có thể mua được dễ dàng những bản Coran bằng tiếng Pháp hoặc tiếng Anh.

Các học giả và các giáo sĩ Âu Châu cũng đã phiên dịch các thánh thư Á đông sang các từ ngữ Âu Châu.

Năm 1771, Anquetil Duperron dịch Upanishads của Ấn Độ từ tiếng Ba Tư sang tiếng Pháp và Latin.

Năm 1784, Charles Wilkins dịch Bhagavad Gita của Ấn Độ sang tiếng Anh.

Năm 1850, Horace Hayman Wilson tìm được bộ kinh Vệ đà và dịch sang Âu ngữ.

Các thánh thư Khổng, Lão cũng được người Âu châu phiên dịch từ lâu. Năm 1593, Linh mục Mateo Ricci dịch Tứ Thư sang tiếng Latin.

Năm 1626, N. Trigault dịch Ngũ kinh sang tiếng Latin.

James Legge dịch Tứ Thư Ngũ Kinh sang tiếng Anh.

Couvreux dịch Tứ Thư, Kinh Thi, Kinh Thư, Xuân Thu, Lễ Ký sang tiếng Pháp và Latin.

R. Wilhelm dịch Kinh Dịch sang tiếng Đức.

H.A. Giles phiên dịch Lão Tử, Trang Tử sang tiếng Anh.

Léon Wieger dịch Lão Tử, Liệt Tử, Trang Tử sang tiếng Pháp, v.v.^[2]

Các kinh sách Phật giáo cũng được sưu tầm và phiên dịch rất nhiều sang các từ ngữ Âu Châu.

– Năm 1824, M. Hodgson sưu tầm được một số kinh Phật lớn ở Népal. Ông đem tặng cho:

. Á châu học hội Calcutta từ 1824 đến 1839.

. Á châu học hội Luân Đôn năm 1835.

. Á châu học hội Ba Lê năm 1837.

– Csoma, người Hung-gia-lợi đi bộ từ Hung-gia-lợi sang Tây Tạng, học tiếng Tây Tạng và đã tìm ra được hai bộ kinh lớn:

. Bộ Kanjur gồm 1083 quyển.

. Bộ Tanjur gồm 225 bộ nhỏ, mỗi bộ nặng từ 2 đến 3 kg.

– Schmidt de Saint Pétersbourg phiên dịch các kinh Phật từ tiếng Mông Cổ sang ngôn ngữ Âu châu.

– George Turnour sưu tầm và phiên dịch các sách Phật tìm thấy ở Tích Lan.

– Burnouf, năm 1837, nhờ đọc những bộ sách Phật mà Hodgson gửi tặng cho Á châu học hội Ba Lê, đã để ra 7 năm nghiên cứu để viết cuốn: Dẫn nhập vào lịch sử Phật giáo Ấn Độ (Introduction à l'histoire du

Bouddhisme Indien) xuất bản năm 1844.^[3]

Các kinh sách Bái hỏa giáo như Zend-Avesta^[4] nhờ công trình của các học giả như Anquetil Duperron, Rask, Burnouf, Westergaard, Spiegel và Haug cũng đã được bình dịch sang các tiếng Âu châu.^[5]

Từ năm 1879 đến 1910 Max Müller đã lần lượt cho xuất bản Bộ Thánh Thư Á Châu (Sacred Books of the East) gồm 50 quyển:

- Thánh Thư Hồi giáo (toàn bộ)
- Thánh Thư Lão giáo (toàn bộ)
- Thánh Thư Bái hỏa giáo (gần đủ bộ)
- Thánh Thư Khổng giáo (gần đủ bộ)
- Thánh Thư Kỳ Na giáo Ấn Độ (Jainisme) (một số)
- Thánh Thư Ấn Độ giáo (21 quyển)
- Thánh Thư Phật giáo (10 quyển)

Nhờ ở những nỗ lực phi thường của các học giả tiền bối ấy, mà ngày nay chúng ta không đến nỗi thiếu tài liệu để khảo sát các đạo giáo.

3. Sự chuyển hướng tâm lý trong nhân loại

Thế giới ngày nay đã bắt đầu tìm hiểu sâu rộng về các đạo giáo.

Từ cuối thế kỷ XIX, đã thấy có nhiều hội nghị tôn giáo quốc tế, trong đó các đại diện các tôn giáo được tự do thuyết trình về tôn giáo mình. Ví dụ Đại hội tôn giáo tại Chicago khai mạc ngày 11.9.1893, và Vivekananda đã là ngôi sao sáng trong Đại hội ấy; hoặc Đại hội các tôn giáo ở Lahore, Pakistan, tháng 12-1896.

Đại học Oxford từ năm 1939 đã thành lập khoa Tôn giáo đối chiếu. Vị giáo sư dạy về tôn giáo đối chiếu đầu tiên là Sarvapalli Radhakrishnan, sau này làm Tổng thống Ấn Độ. Giáo sư kế tiếp thay thế Radhakrishnan từ năm 1952 là R. C. Zaehner (công giáo).

Viện Văn hóa Pháp (Institut de France) và Đại học Paris cũng đã bắt chước mở khoa tôn giáo đối chiếu từ 1959 và linh mục Henri de Lubac dòng tên, đã được mời phụ trách. Khoảng 1963 Đại học Sorbonne cũng mời Olivier Lacombe dạy về môn triết lý đối chiếu.

Giáo hội La Mã từ sau cộng đồng Vatican II (1962- 1964) cũng đã khuyến khích giáo dân tìm hiểu và bắt tay thân thiện với các đạo giáo khác.

III. ÍT NHIỀU TÔN CHỈ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐỂ KHẢO VỀ TÔN GIÁO ĐỐI CHIẾU

Khảo về tôn giáo, ngày nay các học giả đã dùng nhiều phương pháp. Chúng ta sẽ bàn qua về những phương pháp ấy. Như trước hết chúng ta nên nhận định rằng muốn khảo về tôn giáo đối chiếu, điều cần nhất là phải thành tâm cầu học, thành khẩn đi tìm chân lý, lòng phải vô tư cởi mở, trí phải miệt mài suy cứu, như vậy sự học của mình mới có ích lợi, bằng không thời chỉ là chuyện mất thì giờ vô ích, đoạn thán qua ngày.

Tôn giáo đối chiếu là một môn học hết sức khó khăn. Tài liệu thì nhiều, nhưng biết khai thác, biết sắp xếp, biết gạn lọc các tài liệu ấy mới là cái khó.

Chúng ta cần có một khối óc vô tư. Nếu chúng ta thiên kiến và cố chấp, chúng ta không thể nào thấy

được những cái hay, cái đẹp của các tôn giáo bạn.

Một ví dụ:

Hồi thế kỷ XVI, có nhiều vị thừa sai công giáo đã sống rất nhiều năm ở Trung Hoa, nhưng ý kiến các vị đó về Khổng giáo lại đối nhau như mặt trời mặt trăng, khác nhau một trời một vực.

Lecomte, Fouquet, Prémare, Bouvet, Abel Rémusat thì xác nhận rằng Khổng Tử và các môn đồ ngài vốn có những ý niệm cao siêu về vũ trụ, và đã tôn thờ chân chúa trong một đền thờ cổ kính nhất hoàn vũ.

Ngược lại, Maigrot, Navarette và Longebardi thì lại cho rằng người Trung Hoa chỉ biết cầu khẩn trước những bài vị vô tri, hoặc những vong linh thấp kém, những thần minh u tối.

Một bên thì cho rằng dân Trung Hoa đã biết tôn thờ Thượng đế; một bên thì cho rằng họ tin vụ vợ, thờ quấy, duy vật vô thần, v.v. [\[6\]](#)

Tóm lại một bên vô tư nên nhìn thấy được những cái hay cái tốt của người. Một bên thời cổ chấp, thiên kiến nên không chịu tìm hiểu cho sâu rộng, hẩn hoi, nói quàng nói bậy.

Cái khó hơn hết là làm sao đi sâu được vào tinh hoa các đạo giáo, tìm ra được cái vẻ mặt cao siêu, đẹp đẽ vĩnh cửu, và phổ quát của siêu nhiên, sau những lớp hóa trang của lễ nghi, từ ngữ, hình thức, ý kiến và tâm tư con người.

Mục đích tối hậu của khoa tôn giáo đối chiếu chính là tìm cho ra tinh hoa các đạo giáo, tìm cho ra chân lý, chân đạo khuất lấp, ẩn áo sau những bức màn hiện tượng dày đặc của các tôn giáo, và cũng là sống một cuộc đời đạo hạnh chân thực, hẩn hoi, khinh khoáng, thanh sáng.

Sau đây là ít nhiều phương pháp đã được áp dụng để nghiên cứu về tôn giáo đối chiếu:

- (1) Phương pháp sử học (méthode historique)
- (2) Phương pháp hiện tượng học (méthode phénoménologique)
- (3) Phương pháp văn học và ngữ học (critique littéraire et méthode philologique)
- (4) Phương pháp nhân chủng học (méthode anthropologique ou ethnologique)
- (5) Phương pháp tâm lý học (méthode psychologique)
- (6) Phương pháp xã hội học (méthode sociologique)

Ngoài ra tôn giáo đối chiếu còn khai thác khoa khảo cổ (archéologie), lịch sử nghệ thuật tôn giáo (histoire de l'Art religieux), phong tục học (folklore) v.v...

(7) Sau khi đã khảo về từng đạo giáo mới áp dụng phương pháp đối chiếu đạo giáo (méthode comparative).

1. PHƯƠNG PHÁP SỬ HỌC (méthode historique)

Phương pháp sử học có mục đích khảo sát sự biến thiên của các đạo giáo qua các thời đại, và ảnh hưởng của thời cuộc đối với đạo giáo.

Muốn hiểu rõ sự biến thiên của đạo giáo chúng ta cần phải đặt nó vào những khung cảnh lịch sử tự nhiên.

Ví dụ muốn biết về sự biến thiên của đạo Do Thái, sự tiến triển của thánh kinh ta cần biết những nét chính yếu về lịch sử dân tộc Do Thái và các nước trong vùng cận đông. Đại khái:

1. Ai Cập thịnh trị: 1600–1200 tcn. Lúc ấy Do Thái bị lưu đày ở Ai Cập và dân số tăng từ 70 đến 3.000.000.

2. Do Thái xuất Ai Cập dưới sự lãnh đạo của Moise khoảng 1200 tiến vào Canaan lập quốc (1250–1200).

3. Thời kỳ lập quốc nhờ công lao của các Quan xét (Juges), Saul, David, Salomon (1200–931).

4. Thời kỳ Nam Bắc triều Juda và Israel (931– 731).

Thời này là thời suy, nên thấy xuất hiện nhiều tiên tri. Nhiệm vụ các Ngài là bảo vệ kẻ hèn yếu chống với cường quyền, và hô hào công bình xã hội, như: Élie (860, Israel), Élisée (850, Israel); Amos (750, Israel), Osée (750, Israel), Isaie (740, Juda), Michée (740, Juda).

5. Thời Assyrie toàn thịnh (900–607) với các vua danh tiếng như Sargon (721–705), Sennachérib (705–681) Asarhadon (680–669). Assyrie tàn phá Israel (Bắc triều) và bắt đi đày sang Assyrie năm 712. Các tiên tri kỳ này toàn thuộc Juda (Nam triều): Sophonie (630), Jérémie (627), Nahum (612), Habacue (600), Ezéchiel (600). Các thánh thư đã được soạn thảo trong kỳ này: Deutérome (622), Josué, Các Quan xét, Sách Samuel, sách các Vua (622)...

6. Thời Babylone toàn thịnh (606–536) Judée và Jérusalem bị tàn phá, dân Judée bị đày sang Babylone năm 586. Các vua danh tiếng thời ấy là Nabopolassar (625– 602), và Nabuchodonosor (604–562). Thời này là thời hoạt động của Ezechiel cùng lưu lạc với chúng dân sang Babylone. Các sách viết thời này: Deutéro - Isaie (đoạn 40– 55) (550).

7. Thời Ba Tư toàn thịnh (606–536) với các vua danh tiếng Cyrus (555–529), Cambyse (529–522). Năm 538 Cyrus giáng chiếu cho Do Thái trở về lập quốc. Thời này có các tiên tri Aggée (520), Zacharie (520), Malachie (450). Các thánh thư viết trong thời kỳ này: Job, Châm ngôn, Tinh Ca, Ruth, nhiều Thánh vịnh, Jonan, Tobie v.v... Phần thứ 3 của sách Isaie (Trito Isaie từ đoạn 55 đến 66) cũng được viết vào thời kỳ này.

8. Thời kỳ Hy Lạp toàn thịnh (330–146) với hai dòng vua: dòng họ Lagides cai trị Ai Cập, dòng họ Séleucides cai trị Syrie. Thời này Do Thái bị Hi Lạp đô hộ. Các sách viết thời này: Bản dịch kinh thánh Septante (300), Ecclésiaste, Esther, Daniel (165). Do đó người ta mới hiểu tại sao sách Esther và Daniel có những đoạn viết bằng tiếng Hi Lạp.

9. Thời kỳ La Mã toàn thịnh (146–470). Do Thái lại bị La Mã đô hộ. Các môn phái Phariséens, Saducéens, Esséniens thành hình.

Áp dụng những chuyển biến lịch sử trên vào công cuộc khảo sát đạo Do Thái, ta nhận thấy ít nhiều điểm quan trọng như sau:

(1) Vì bị lưu đày, nên nhân giới của người Do Thái trở nên rộng rãi hơn, và do đó quan niệm về Thượng đế cũng trở nên phổ quát, không còn tính cách địa phương như xưa.

(2) Vì không còn đền thờ để tụ tập thờ phụng, nên đạo giáo trở nên tinh túy hơn, nội tại hơn, bớt hình thức hơn.

(3) Những liên lạc ảnh hưởng mật thiết đối với các nước lân bang hùng mạnh như Assyrie, Babylone, Perse, Hi Lạp ảnh hưởng rất nhiều đến công trình sáng tác của thánh kinh. Ảnh hưởng lịch sử nói trên giúp ta hiểu những vay mượn của thánh kinh đối với các huyền sử Babylone về sự tạo thiên, lập địa, về Hồng thủy, về địa đàng, v.v. hoặc những vay mượn của thánh kinh đối với Bái hỏa giáo như tên quỷ Asmodée trong sách Tobie (Tobie 3,17), chuyện Chúa và Satan trong Job. [\[7\]](#)

(4) Những dữ kiện lịch sử trên cũng giúp ta hiểu sách Daniel chẳng hạn không thể nào được chép vào thời vua Nabuchodonosor (604–562) mà thực ra đã được chép vào thời Hi Lạp sau này (164), vì có đoạn

viết bằng tiếng Hy Lạp. Vì viết lâu về sau, nên đã có nhiều sai lầm khi đề cập đến thời các vua Babylone thời trước. Chẳng hạn Balthazar, Daniel cho là con vua Nabuchodonosor, và là vua Babylone, nhưng thực ra ông là con vua Nabonide, và Balthazar không hề làm vua bao giờ. Daniel nói về Darius le Mède, mà khảo lịch sử không có ai tên như vậy mà được làm vua cuối đời Babylone, trước khi bị Cyrus vua Ba Tư (Cyrus le Perse) chinh phục. Khung cảnh triều đình tân Babylone được mô tả bằng những danh từ gốc Ba Tư. Hơn nữa những nhạc khí triều Nabuchodonosor lại có những tên phiên từ tiếng Hi Lạp sang.^[8] Ngoài ra sách Daniel còn mô tả rõ ràng những trận tranh hùng giữa hai dòng vua Hi Lạp là giòng họ Lagides (Ptolémée) và Séleucides.^[9] Một quăng triều vua Antiochus Épiphane (Hi Lạp thuộc giòng Lagides, trị vì: 175–164) được mô tả rất kỹ lưỡng với nhiều chi tiết.^[10]

Do đó, nhiều truyện mà truyền thống trước kia cho là Daniel nói tiên tri, nay trở thành hậu thuật.^[11]

(5) Nhờ so sánh thánh kinh với những dữ kiện lịch sử, ta cũng tìm ra được rằng quyển Isaie chẳng hạn không phải do một mình Isaie viết vào khoảng thế kỷ VIII, mà thực đã do nhiều người viết vào những thời kỳ khác nhau.

a. Quyển I (từ đoạn 1 đến 39) viết vào khoảng thế kỷ VIII, khi Juda còn độc lập.

b. Quyển II (Deutéro–Isaie từ đoạn 40 đến 55), viết vào khoảng thế kỷ 6, khi vua Cyrus đã chinh phục và tàn phá Babylone, nên mới xưng tụng đích danh Cyrus là đấng Messie hay Kitô (45–I), và mô tả sự sụp đổ của Babylone (41: 17–19; 43: 19–20).

c. Quyển III (Trito - Isaie từ đoạn 56 đến 66) viết khi dân Do Thái đã được trở về Palestine phục quốc theo chiếu chỉ của Cyrus ban bố năm 538, vì thế nên mới nói Do Thái đã đền xong tội nợ, về sự quật khởi, phục hưng của Jérusalem, và những ngày hoàng kim sắp đến...

2. PHƯƠNG PHÁP HIỆN TƯỢNG HỌC (Méthode phénoménologique)

Phương pháp này có mục đích khảo sát xem từ những yếu tố đạo giáo căn bản, các đạo giáo đã biến hóa thành những hình thức khác nhau ra sao. Ví dụ khảo sát xem đạo giáo quan niệm thế nào về Thượng đế, về giải thoát, về lai sinh. Các đạo giáo có những cách thức thờ phụng bên ngoài ra sao, và quan niệm thế nào về đời sống tâm thần, v.v.

3. PHƯƠNG PHÁP VĂN HỌC VÀ NGỮ HỌC (Critique littéraire et méthode philologique)

Phương pháp văn học khảo về từ ngữ dùng trong các thánh thư, khảo về ý nghĩa, nguyên nghĩa những từ ấy, cũng như cách hành văn của thánh thư.

Phương pháp ngữ học so sánh từ ngữ nước này với nước kia để tìm ra những gốc rễ tương đồng, những ý nghĩa tương đồng.

Các nhà ngữ học cho rằng từ ngữ mà tương đồng, thì quan niệm cũng tương đồng, tín ngưỡng cũng tương đồng, do đó ngữ học có thể giúp ta tìm ra được chân đạo đại đồng nguyên thủy khi mà từ ngữ chưa qua phân. Đó là ước mơ của các nhà ngữ học.

Dẫu sao khảo về văn từ, về từ ngữ cũng là một công chuyện hết sức quan trọng để tìm hiểu đạo giáo. Các nhà học giả khảo về các đạo giáo thường học các cổ ngữ như Sanscrit, Hán, Hébreux, Araméen, Grec, v.v. để hiểu thánh thư cho thấu đáo, vì dịch thường là phản (traduttore, traditore), vì người dịch thường đem quan niệm tư tưởng, tín ngưỡng mình lồng vào nguyên tác, và những thêm bớt, cắt xén không phải không có.

Không hiểu rõ từ ngữ không tìm ra được tinh hoa đạo giáo. Một vài thí dụ:

Chữ Đạo 道 của Trung Hoa vừa có nghĩa là Thiên, là Thần là Bản thể của vũ trụ, vừa có nghĩa là tôn giáo, là đường.

Chữ Hư 虛, chữ Vô 無 của Lão và Phật, đều có nghĩa là Tuyệt đối thể chứ không phải là hư vô như các học giả Âu châu thường hiểu lầm.

Nhờ phương pháp ngữ học, người ta đã tìm ra được ít là ba dòng từ ngữ chính:

– Dòng Sémitique gồm các tiếng Do Thái, Cận đông, và Bắc Phi (Hébreux, Babylonien, Phénicien, Carthaginois, Arabe).

– Dòng Indo-Européen hay Aryen gồm các tiếng Ấn độ và Âu châu (Sanscrit, Pháp, Tây Ban Nha, Đức, Ý, Latin, Hi Lạp, Celtique, Slave, v.v.)

Nhờ khảo về văn từ, về cách hành văn mà học giả Julius Wellhausen (chết năm 1918) đã tìm ra được rằng bộ Ngũ Kinh mà trước kia ta tưởng là do Moise chép thật sự đã do nhiều người chép vào những thời kỳ khác nhau. Nó gồm:

– Tài liệu J. vì dùng chữ Yahweh (gọi là J. vì tiếng Đức viết là Jahweh), để chỉ Thiên Chúa. Tài liệu này viết ở Nam triều Juda vào khoảng năm 850.

– Tài liệu E vì dùng chữ Elohim để chỉ Thiên Chúa. Tài liệu này viết ở Bắc Triều Israel vào khoảng năm 750.

– Tài liệu D tức là bộ Deutéronome viết vào khoảng năm 630.

– Tài liệu P tức là bộ Lévitique (P = Priestly Code) viết vào khoảng năm 450 sau khi dân Do Thái đã từ chốn lưu đày trở về hưng quốc.[\[12\]](#)

Thuyết này đã được bộ Bible de Jérusalem công nhận.[\[13\]](#)

Nói về ngữ học chúng ta không thể nào không nhắc tới hai vĩ nhân là Champolion và Henri Rawlinson.

Champolion đã từ bia đá Rosette khắc chiếu chỉ vua Ptolomée V bằng ba thứ tiếng cổ Ai Cập, Tân Ai Cập, Hi Lạp, đã tìm ra được cách đọc loại chữ cổ Ai Cập (hiéroglyphe), sau bốn năm nghiên cứu (1818–1822).[\[14\]](#)

Năm 1835, Henri Rawlinson khám phá ra một tấm bia lớn ở trên núi Behistun cách Babylone 200 dặm về phía Đông, khắc ghi sự nghiệp vua Darius bằng ba thứ tiếng Ba Tư, Elamite và Babylone. Ông Rawlinson biết tiếng Ba Tư. Sau 18 năm nghiên cứu và so sánh ông đã tìm ra được cách đọc cổ ngữ Babylone (cunéiforme) và do đó cả một kho tàng văn học cổ Babylone đã có thể khai thác ra được.[\[15\]](#)

4. PHƯƠNG PHÁP NHÂN CHỦNG HỌC (Méthode anthropologique ou ethnologique)

Phương pháp này chuyên khảo về các đạo giáo và tín ngưỡng của các dân tộc còn sơ khai khắp năm châu như:

- Người lùn Pygmée ở vùng Congo (Phi)
- Người Bushmen hay Nigrito ở Nam Phi.
- Người Azande ở vùng Soudan (Phi)
- Người dân đảo Adaman (vịnh Bengale)
- Các sắc dân ở Mélanésie (Nam Dương quần đảo)
- Các bộ lạc da đỏ Mỹ như Nevaho, Apache, Chiricahua, Mescalero, Zuni Pueblo v.v...

Các học giả chủ trương rằng tìm hiểu về đạo giáo và tín ngưỡng những dân tộc còn sơ khai sẽ gián tiếp giúp ta hiểu được đạo giáo của người tiền sử và sẽ tìm được xem các đạo giáo lúc ban sơ ra sao.

Sự khảo cứu này giúp ta hiểu biết rằng người xưa quan niệm Tuyệt đối là vô ngã, vô biên, mà họ gọi là Linh khí (Mana). Linh khí ấy có thể trụ vào những linh nhân, linh vật, linh mộc, linh thảo, làm cho chúng trở nên thiên liêng đáng trọng kính. Đó là những vật tổ (totem) vật linh (Fétiche) hay những vật cần phải kiêng dè, úy kỵ (tabou) v.v...

Đọc bài **Chính khí ca 正氣歌 của Văn Thiên Tường 文天祥**, chúng ta sẽ hiểu thế nào là linh khí, linh nhân, linh vật hơn:

«Anh hoa chính khí đất trời,
Khoác hình vật chất khắp nơi vẫy vùng.
Tràn mặt đất tuôn sông, kết núi,
Vút trời mây chói lói trăng sao,
Trần ai lẫn bóng anh hào,

Muôn nghìn khí phách rạt rào tầng xanh...» [\[16\]](#)

(Thiên địa hữu chính khí, 天地有正氣
Tạp nhiên phú lưu hình. 雜然賦流形
Hạ tắc vi hà nhạ, 下則為河嶽
Thượng tắc vi nhật tinh. 上則為日星
Ư nhân viết hạo nhiên, 於人曰浩然
Phái hồ tắc thương minh. 沛乎塞蒼明)

5. PHƯƠNG PHÁP TÂM LÝ HỌC (Méthode psychologique)

Phương pháp này khảo sát về tâm lý con người, những mơ ước của con người, những khát vọng siêu nhiên vốn có nơi con người, cũng như những ảnh hưởng đạo giáo đối với con người.

Ta cũng có thể tìm hiểu về những phương pháp các đạo giáo đã dùng để kích động, lôi cuốn con người, thu phục con người, v.v.

6. PHƯƠNG PHÁP XÃ HỘI HỌC (Méthode sociologique)

Phương pháp này khảo về đời sống các đoàn thể đạo giáo lớn nhỏ, các cách tổ chức cũng như những cách thức đã dùng để bành trướng, để duy trì, để đối phó với thời cuộc, v.v.

Ta thấy đoàn thể có một ảnh hưởng quyết định về chính tà, chân giả, dở hay. Và tùy mỗi đoàn thể chân lý lại có một bộ mặt khác.

Một ví dụ: Đạo Do Thái và Đạo Tin Lành chấp nhận Cựu Ước tất cả chỉ có 39 quyển, các quyển khác đều là ngụ thư.

Trái lại Cựu Ước Công giáo gồm những 46 quyển (ngoài 39 quyển mà Do Thái và Tin Lành công nhận, Công giáo còn có thêm Jusith, Tobie, Macchabées I và II, Livre de la Sagesse, Ecclésiastique, Baruch ấy là chưa kể những phần phụ thêm và sách Esther, và Daniel). Như vậy những quyển mà Do Thái và Tin Lành là ngụ thư, thì Công giáo lại cho là Thánh Thư. [\[17\]](#)

Ví dụ Công giáo tin Đức Mẹ vô nhiễm nguyên tội, nhưng Giáo hội chính thống lại không tin vậy, [\[18\]](#)

V.V.

7. ĐẠO GIÁO VỚI CỔ TÍCH - CỔ SỬ

Khoa khảo cổ cũng có công thực lớn đối với khoa tôn giáo đối chiếu.

Gần đây nhờ sự khai quật các tầng lớp đất miền Cận Đông, người ta đã tìm thấy những văn tự, những hình tích có từ trước thời Hồng thủy ở Sippar và ở Ur.

Nguyên ở Sippar (Accad), người ta đào được một thư viện gồm 60.000 văn bản.

Ở Nippur (Cahneh), người ta cũng đã đào được 50.000 văn bản khoảng 300 năm trước Thiên Chúa, trong đó có toàn bộ sách vở của một thư viện gồm 20.000 quyển biên khảo về mọi bộ môn văn học.

Nhờ vậy mà ta biết được huyền thoại về tạo thiên lập địa của Babylone, truyện vườn Địa Đàng Eridu gần Thành Ur, truyện Hồng Thủy Babylone hay Anh Hùng ca Gilgamesh và Utnapishtim (Noe Babylone) và thấy chúng tương tự như các chuyện trong Cựu Ước về các vấn đề nói trên. [\[19\]](#)

8. NGHỆ THUẬT TÔN GIÁO VÀ PHONG TỤC

Khảo về lịch sử nghệ thuật tôn giáo cũng như về phong tục cũng giúp ta hiểu biết về đạo giáo rõ hơn.

9. PHƯƠNG PHÁP ĐỐI CHIẾU CÁC ĐẠO GIÁO (Méthode comparative)

Cuối cùng chúng ta mới khảo về các đạo giáo, so sánh các đạo giáo. Công trình này được thực thi qua ba giai đoạn:

(1) Lược thuật về các đạo giáo (Hiérogaphie)

(2) So sánh và phân loại đạo giáo (Hiérologie)

(3) Nhận định về giá trị các đạo giáo về nội dung cũng như về hình thức. Tìm ra một lý thuyết về đạo giáo (Hiérosophie) [\[20\]](#)

Ba giai đoạn này chính là ba giai đoạn của mọi khoa học.

– Giai đoạn (1) là giai đoạn quan sát và mô tả các hiện tượng đạo giáo (Observation et description des phénomènes religieux)

– Giai đoạn (2) là giai đoạn đi tìm cho ra những định luật chi phối các hiện tượng ấy (Établissements des lois)

– Giai đoạn (3) là giai đoạn đi tìm những lý thuyết khả dĩ giải thích thỏa đáng được mọi hiện tượng tôn giáo (Élaboration des théories)

Các sách khảo sát về tôn giáo đối chiếu thường theo phương pháp nói trên.

Ở đây chúng ta chỉ chú trọng nghiên cứu triết lý về tôn giáo đối chiếu, nên chúng ta chỉ đặc biệt đi tìm cho ra những tiêu chuẩn chính yếu khả dĩ giải thích được mọi hiện tượng đạo giáo, tìm ra được những hiện tượng tương đồng tương dị giữa các đạo giáo, những tiêu chuẩn chân lý, và ý nghĩa cũng như công dụng chân thực của đạo giáo.

Tóm lại, chúng ta lần lượt khảo cứu:

(1) Ít nhiều tiêu chuẩn và phương pháp để khảo sát về khoa tôn giáo đối chiếu.

(2) Ít nhiều nhận định khái quát về tôn giáo đối chiếu.

(3) Quan niệm tam tài và lưỡng nguyên với khoa tôn giáo đối chiếu.

(4) Các tầng lớp trong con người với khoa tôn giáo đối chiếu.

(5) Những quan niệm khác biệt giữa Đông và Tây về tôn giáo (về Thượng Đế, về thân thể, và định mệnh con người).

(6) Tượng hình (Symboles) với khoa tôn giáo đối chiếu.

(7) Dịch lý với khoa tôn giáo đối chiếu.

(8) Đi tìm ít nhiều nguyên tắc để làm tiêu chuẩn chân lý.

(9) Phân loại đạo giáo: Ngoại giáo và nội giáo. Thiên nhiên và qui ước.

(10) Đồng qui nhi thù đồ.

CHÚ THÍCH

[1] H. Ringgren et A. V. Ström, Les Religions du Monde, p. 116.

[2] Xem Văn Hóa Á Châu, tập I số 5, trang 66 trở đi, và tập II, số 15 tháng 6 năm 1959 trang 13 trở đi.

[3] Xem Max Müller, Essai sur l'histoire des religions, từ tr. 251 đến 394.

[4] Bài hỏa giáo tức là Zôroastrisme ở Ba Tư do Zoroastre sáng lập vào khoảng 660 trước Thiên Chúa giáng sinh.

[5] Xem Max Müller, Essai sur l'histoire des Religions, tr. 227.

[6] Max Müller, Essai sur l'histoire des religions, p. xiv (préface).

[7] Asmodée, ce mot reproduit le zend Aêsma daêva.

Max Müller, Essai sur l'histoire des Religions, p. 207 và 514.

[8] Bible de Jérusalem, p. 982.

[9] Ibid., p. 982.

[10] Ibid., p. 982.

[11] Cf. Bible de Jérusalem, p. 982.

[12] John J. Dougherty, Searching the Scriptures, p. 65.

[13] Bible de Jerusalem, p. 4.

[14] Halley, Pocket Bible Handbook, p. 52 và 43.

[15] Halley, Pocket Bible Handbook, p. 52 và 43.

[16] [Chính Khí Ca](#), trích bản dịch của Nguyễn Văn Thọ.

[17] Xem Halley, Pocket Bible Handbook, p. 26, 27 và Bible de Jerusalem, p. xi.

[18] Antoine Wenger, a.a. Vatican II, p. 219.

[19] Halley, Pocket Bible Handbook, p. 48; 49; 61; 64; 76.

[20] Ba danh từ Hiérogaphie, Hiérologie, Hiérosophie là ba danh từ do linh mục H. Pinard de la Boullaye, S.J. tạo ra trong quyển Étude comparée des religions do Ông viết.

» [mục lục](#) | [tựa](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) | [sách tham khảo](#)

HƯƠNG TINH THÂN

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» [mục lục](#) | [tựa](#) | [chương 1](#) **2** [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) | [sách tham khảo](#)

chương 2

ÍT NHIỀU NHẬN ĐỊNH KHÁI QUÁT VỀ TÔN GIÁO ĐỐI CHIẾU

I. CÓ NHIỀU ĐẠO GIÁO LÀ CHUYỆN DĨ NHIÊN

II. PHONG TRÀO KHẢO SÁT TÔN GIÁO TỪ XƯA ĐẾN NAY

III. TÔN GIÁO ĐỐI CHIẾU VÀ TRIẾT LÝ VỀ TÔN GIÁO ĐỐI CHIẾU

1. Mô tả các đạo giáo hay lịch sử các đạo giáo (Histoire des Religions)
2. Tìm cho ra những định luật chi phối các hiện tượng đạo giáo hay khoa học đạo giáo (Science des Religions)
3. Tìm cho ra ý nghĩa và giá trị các đạo giáo hay triết lý đạo giáo (Philosophie des Religion)

Tiêu chuẩn chân đạo

KẾT LUẬN

I. CÓ NHIỀU ĐẠO GIÁO LÀ CHUYỆN DĨ NHIÊN

Nói về khoa tôn giáo đối chiếu thật là khó.

Cái khó ở đây không phải là sự khan hiếm tài liệu. Không, tài liệu không khan hiếm, vì ngày nay sách vở viết về tôn giáo đối chiếu không thiếu gì.

Cái khó ở đây cũng không phải là do đề tài khó. Đề tài tuy khó, nhưng nếu ta chịu suy tư, chịu khảo sát, thì cái khó cũng trở nên dễ.

Cái khó ở đây chính thực là làm sao tránh được sự va chạm, tránh được sự hiểu lầm, mà đồng thời vẫn phục vụ được chân lý, vẫn giữ nguyên được sự thành khẩn, sự bất khuất của người thức giả, thực tình muốn phục vụ lý tưởng và chân lý.

Cho nên trước khi vào đề tài tôi xin có đôi lời thanh minh cùng quý vị.

Trước tiên xin quý vị đừng coi tôi như một nhà truyền giáo của một tôn giáo nào. Nhận nói về vấn đề này, tôi đã nguyện với lòng để cho tâm tư rộng mở, rũ bỏ mọi chấp trước, thiên kiến, để cho sự nhận xét của tôi được trung thực.

Xin quý vị cũng đừng nghĩ rằng tôi có ác ý muốn đả kích một tôn giáo nào. Không! Trong khi khảo cứu về các đạo giáo, tôi đã cố giữ một lòng cung kính của một tín đồ, và tôi đinh ninh rằng các vị giáo chủ xưa nay đều là những bậc vĩ nhân, siêu phàm, nhập thánh, có thể dạy mình nhiều điều hữu ích. Và nếu các ngài không là những bậc vĩ nhân, siêu quần bạt tụy, thì làm sao mà được hàng muôn triệu con người kính thờ?

Khảo về các tôn giáo, tôi chỉ muốn tìm hiểu cho sâu rộng về các vấn đề quan thiết đến bản tính và định mệnh con người, ý nghĩa và cứu cánh của đời người cũng như của toàn thể vũ trụ.

Tôi cố gắng đi tìm cho ra chân lý vĩnh cửu, phổ quát, ẩn áo sau các bức màn tôn giáo biến thiên, đượm màu sắc dân tộc, địa dư và lịch sử.

Nếu Thượng đế là Chân lý, thì đi tìm Chân lý, tức là đi tìm Thượng đế.^[1]

Sự khác biệt giữa các đạo giáo cũng không làm cho tôi nản chí. Trái lại nó làm cho tôi vui thích.

Học về các đạo giáo, tôi có cảm tưởng như mình đi chu du sơn thủy, xem được các danh lam, thắng cảnh của đất trời, lúc thì thấy biển muôn trùng ào ạt sóng cồn; lúc thì thấy núi cao giăng mắc ven trời tung mình vút lên trên các chòm mây bạc; lúc thì thấy sa mạc bao la với những sóng cát vàng, đua đuổi nhau cho tới chân trời thăm; lúc thì thấy những khu rừng rậm rạp bao la; lúc thì thấy những cánh đồng phì nhiêu bát ngát.

Và, nếu bao giờ mà phương tiện lý tài cho phép, tôi sẽ đi khắp hoàn cầu để khảo sát các di tích đạo giáo ở khắp nơi.

Tôi sẽ đi thăm các hang động ở Âu Châu như Altamira (Tây Ban Nha), Pont de Gaume hay Lascaux (Pháp), để xem những bức bích họa thần kỳ, bao trùm một bầu không khí đạo giáo thần kỳ của những người tiền sử.

Tôi sẽ đi Trung và Nam Mỹ để xem các di tích đạo giáo của những dân Astéques và Incas.

Tôi sẽ sang Phi Châu để xem xét về các đạo cổ sơ của những dân tộc bản xứ. Tôi ao ước được bước chân lên những bậc đá các kim tự tháp Chéops, Chéphren và Mykérinos, muốn được chính mắt trông thấy con quái thú khổng lồ nằm trầm tư dưới chân kim tự tháp ở Gizeh, nhìn vào đôi mắt đá của nó, xem nó đã dấu ẩn những gì của những kỳ bí xa xưa.

Tôi cũng muốn được tới Thánh địa Palestine, viếng Jérusalem, Bethléem, Nazareth, biển hồ Tibériade, vườn Gietsemani, núi Golgotha để nhớ lại cuộc đời cao siêu của Chúa Cơ đốc và cảm thông nỗi đau thương của ngài trong những ngày thọ nạn cuối đời.

Tôi ước ao sang Rome để ngắm nhìn bảy ngọn đồi lịch sử của thành phố,^[2] chiêm ngưỡng vương cung thánh đường thánh Phêrô, thánh đường Sixtine, vào thăm thư viện Vatican, v.v.

Tôi cũng muốn tới thánh địa Hồi giáo La Mecque, hay viếng thăm các đền thờ Hồi giáo nổi tiếng ở Médine, ở Damas hay ở Isphahan.

Tôi ao ước được sang Ấn Độ để thực mắt nhìn thấy sông Hằng danh tiếng; đến Bénarès để xem ngày nay còn dấu vết nào của đức Thích Ca phảng phất nơi đây, hay tuế nguyệt đã xô lùi hình ảnh vị đại giáo chủ vào sâu trong lòng huyền thoại.

Tôi cũng muốn viếng thăm các đền thờ Ấn giáo, chiêm ngưỡng những tượng thần Brahma, Shiva, Vishnu, hoặc những nơi tu trì hay yên nghỉ của Ramakrishna, Vivekananda, Tagore, v.v.

Một ngày nào đó, tôi sẽ tới Athènes, trèo lên Acropole hay sẽ tới Olympe để cố mừng tượng cho thấy các vị thần Jupiter, Apollon, Hermès đang cưỡi mây du ngoạn trên vòm trời trong sáng của miền Địa Trung Hải.

Tôi cũng ao ước được sang Trung Hoa trèo lên đền thờ Trời cổ kính nhất thế giới, nếu những biến cố lịch sử dồn dập gần đây chưa nở lòng tàn phá.

Và nếu có dịp tôi sẽ sang xứ Anh Đào để khảo sát về Thần đạo ngắm nhìn những ngôi chùa duyên dáng xây cất giữa một vùng non nước hữu tình, với núi Phú Sĩ làm bối cảnh lẫn sau những làn mây trắng nhạt, ở tận phía xa xôi.

Tôi cũng sẽ không quên tìm đến xứ Ba Tư huyền bí với những dòng sông kỳ dị bỗng dưng biến mất trong sa mạc, xứ Ba Tư với những nét vàng son của đạo Bái Hỏa xa xưa.

Trong khi chưa có phương tiện đi du lịch khắp nơi và khảo sát, tôi sẽ để cho tâm thần phiêu du trong các thánh thư các đạo giáo, như thánh kinh Công giáo; Coran Hồi giáo, Upanishads, Bhagavad Gita Ấn Độ giáo; Kim Cương, Lăng Nghiêm, Pháp Hoa của Phật giáo; Tứ Thư, Ngũ Kinh Khổng giáo; Đạo Đức kinh, Nam Hoa kinh, Xung Hư Chân kinh, Thanh Tĩnh kinh, Âm Phù kinh và các bộ đơn kinh của Lão giáo.

Tôi cũng đã tham khảo các đạo giáo cận kim như Mormos, Bahai, Cao Đài, Thông Thiên Học, Subút; các môn phái huyền học như Rose-Croix, Kaballe, v.v.

Càng đọc tôi lại càng thấy thích thú, và liên tưởng đến một câu của Hoelderlin: «Những sự mâu thuẫn, dị biệt; những tiếng đàn ngang cung, lạc phách trong hoàn vũ này cũng giống như cuộc cãi vã của những cặp nhân tình. Cãi nhau đấy, rồi lại làm lành cùng nhau đấy; chia rẽ đấy, rồi lại đoàn tụ đấy. Các mạch máu phân tán đi, rồi lại trở về tim. Tất cả đều là một sự sống động duy nhất, vĩnh cửu và huy hoàng, rực rỡ.» [3]

II. PHONG TRÀO KHẢO SÁT TÔN GIÁO TỪ XƯA ĐẾN NAY

Phong trào khảo sát tìm hiểu các tôn giáo không phải gần đây mới có.

Ở Á Đông từ đời nhà Hán đến đầu đời nhà Tống, các Nho gia, đạo sĩ, tăng già đều có cái ý niệm «tam giáo thống nhất» và những thuyết sau đây đã được nêu lên: «Nho Phật nhất trí», «Lão Phật đồng thể dị dụng», «Tam giáo nhất trí», v.v. Trương Dung đời Nam Tề, lúc lâm chung, tay trái cầm Hiếu Kinh, và Lão Tử Đạo Đức Kinh, tay phải cầm Pháp Hoa Kinh, ấy là biểu tượng thuyết «Tam giáo nhất trí» vậy. [4]

Ở Âu Châu, sự khảo sát về các tôn giáo cũng đã có từ xa xưa. Cicéron (106–43), Plutarque (45–125), Salluste (86–35) đã viết nhiều về bản chất và tương quan giữa các thần minh La Hi. [5]

Thời Trung Cổ, Hồng Y Nicolas de Cusa đã có ý nghĩ thành lập một liên minh tôn giáo. [6]

Bẵng đi một thời gian, phong trào này lại được chính thức phục hưng ở Anh quốc, dưới triều đại nữ hoàng Elizabeth (1533–1603), vào khoảng đầu thế kỷ XVII, và người khởi xướng là ông Herbert de Cherbury (1581–1648). [7]

Gần đây, các đạo giáo cũng như muốn xích lại gần nhau để tìm hiểu nhau, bắt tay thân thiện cùng nhau nếu chưa đi được đến chỗ hợp nhất.

Phong trào hòa đồng Thiên Chúa giáo nhóm họp lần đầu tiên ở Edimburg năm 1910 và ở Stockholm năm 1925.

Năm 1948, Hiệp Hội giáo hội hoàn cầu đã được thành lập. [8]

Từ cuối thế kỷ XIX người ta cũng tổ chức nhiều hội nghị liên tôn, trong đó các đại diện các tôn giáo được tự do thuyết trình về đạo giáo mình, ví dụ: đại hội tôn giáo ở Chicago khai mạc ngày 11/9/1893, hoặc đại hội các tôn giáo ở Lahore (Pakistan) họp vào tháng 12, năm 1896, v.v.

Từ sau công đồng Vatican II (1962–1964), giáo hội Công giáo cũng đã chính thức khởi xướng phong trào hòa đồng tôn giáo.

Khảo lại lịch sử, ta thấy xưa nay nhân loại đã nhiều lần muốn tìm cho ra một thứ tôn giáo phổ quát, hòa đồng.

Ta đã từng thấy có:

1. Đạo Mani, do Mani sáng lập từ đầu thế kỷ III và đã được lưu truyền ở nhiều địa điểm từ đông sang tây trong vòng 1000 năm. Thánh Angustin cũng đã theo đạo này một thời gian.

2. Đạo Sikhs, do Nanak sáng lập ở miền Punjab, bắc Ấn Độ, khoảng đầu thế kỷ XVI và đến nay vẫn còn tồn tại. Đạo Sikhs phối hợp hai tôn giáo: Hồi và Ấn.

3. Vua Akbar (1546–1605) khoảng cuối thế kỷ 16 cũng đã có ý muốn thành lập một tôn giáo đại đồng qui tụ tinh hoa của mọi đạo giáo, tuy vua là tín đồ Hồi giáo.

4. Ở Calcutta thời có Thượng đế hội (Brahmasamaj) do Râm Mohin Roy sáng lập năm 1828. [\[9\]](#)

Ở Việt Nam ta thấy có đạo Cao Đài và Tam Tông Miếu hay đạo Minh Lý.

Các đạo giáo hoặc các phong trào nói trên đều muốn thu lượm lấy tinh hoa của các đạo giáo Á Âu, hoặc của tam giáo Nho Thích Lão.

Từ năm 1939 cho tới nay, nhiều đại học Âu Mỹ đã chính thức giảng dạy về khoa tôn giáo đối chiếu.

Như vậy, ngày nay, cho dù chúng ta làm gì hay nói gì về vấn đề này cũng đã lạc hậu lắm.

Phong trào khảo sát đối chiếu các tôn giáo, phong trào hòa đồng tôn giáo ngày nay đang được xúc tiến mạnh trên thế giới. nó được thúc đẩy có lẽ một phần cũng vì các đạo giáo đã nhận thức được những nhược điểm mình trước sự tấn công dồn dập của khoa học, cũng như trước hiểm họa vô thần và cộng sản.

Trước làn sóng đồ đang ào ạt dâng lên và lan tràn khắp chốn nơi, mọi tôn giáo cảm thấy như cùng ngồi trên một con thuyền, nếu không bắt tay nhau để “đồng chu cộng tế”, thì e có ngày chìm đắm.

Ngoài ra còn có nhiều lý do khác khiến nhân loại phải khảo sát lại các hệ thống tư tưởng đạo giáo của tiền nhân.

Xin đan cử ít nhiều lý do chính yếu:

1. Người xưa tưởng mình đã đạt được chân lý rất ráo về vũ trụ cũng như về con người. Nhưng lịch sử đã chứng minh rằng cho đến ngày nay kiến thức con người vẫn còn chưa tiến được bao lắm, và trong tương lai còn phải cố gắng tiến bộ hơn nữa.

2. Lịch sử cũng đã chứng minh rằng trong dĩ vãng con người đã có rất nhiều quan niệm sai lạc về vũ trụ cũng như về con người.

Ví dụ:

– Quan niệm xưa về không gian thời gian hết sức là thiếu cận, tưởng trái đất như một mặt phẳng im lìm ở trung tâm vũ trụ; tưởng vạn vật mới được tạo dựng nên cách đây khoảng chừng 6 hay 7 nghìn năm, và đang sắp sửa bị tiêu diệt vì tận thế.

– Quan niệm xưa về thế giới cũng rất hẹp hòi. Âu châu tưởng thiên hạ chỉ nguyên có khu vực Địa Trung Hải. Trung Hoa gọi thiên hạ là Trung quốc và ít nhiều nước phụ cận.

– Quan niệm xưa kia về con người cũng rất thiếu sót. Người xưa đâu có biết ngoài ý thức, con người còn có tiềm thức, đâu có biết con người hàm tàng những khả năng vô biên, và có thể tiến hóa mãi mãi.

– Người xưa thường tự túc, tự mãn coi thiên hạ bằng nửa con mắt và cho rằng chỉ có nước mình, dân mình, phương mình mới là có chân lý, ngoài ra nhân loại là man rợ, u mê, lầm lạc hết.

– Vì có nhiều vấn đề không thể, hay chưa thể kiểm chứng được, nên người xưa nhiều khi đã lấy uy quyền mà bắt buộc dân con phải nhận thế này là đúng, thế nọ là sai, dùng ngụy biện, ngụy chứng để lộng giả thành chân.

– Xưa nay, tuy đã có nhiều vị giáo chủ siêu việt giáng trần, nhưng vì tư tưởng các ngài quá cao siêu, nên những môn đệ, những tín đồ sau này thường lại không thấu triệt được những tư tưởng cao siêu của các ngài, nên đã bỏ mất tinh hoa, mà chỉ giữ được sáo ngữ và hình thức.

– Nhiều điều người xưa cho là chân lý vĩnh cửu phổ quát, nhưng theo đà văn minh tiến bộ, con người ngày nay nhận ra rằng thực ra đó chỉ là những qui ước, những sự tin tưởng, chấp nhận đã ăn sâu vào tâm tư quần chúng. Những qui ước ấy thực ra chỉ là những chân lý giả tạo có giá trị trong một khoảng thời gian nào, có năng lực đoàn kết nhân tâm trong khoảng một giai đoạn lịch sử nào, nhưng dần dà không chóng thì chày sẽ có người chứng minh được rằng đó không phải là thứ chân lý phổ quát, và vĩnh cửu, và như vậy chẳng chóng thì chày chúng sẽ bị đào thải và thay thế.

– Ngày nay nhiều người, nhất là những người có đầu óc, chịu suy tư, tìm hiểu không còn có cái tin tưởng dễ dãi, nhất là đối với những vấn đề trọng đại như tôn giáo. Ngược lại, họ luôn luôn soát xét và kiểm điểm. Tóm lại ngày nay nhiều người đã không còn có thái độ nô bộc, ù lì, bảo sao nghe vậy, mà họ đòi quyền được tìm, được kiểm, được xét, được suy, được kiểm chứng, được so sánh, cân nhắc ngay cả trong các vấn đề đạo giáo.

Có người hỏi Vivekananda xem có nên áp dụng phương pháp khảo sát, dùng trong khoa học, để khảo cứu đạo giáo không.

Vivekananda đáp: «Nên, và ông thêm: càng sớm càng tốt. Nếu một tôn giáo mà bị phá hủy bằng sự khảo sát, thì nó chỉ là một sự mê tín vô ích và bất xứng. Nó càng tiêu ma sớm, càng hay... Cái gì là cặn bã sẽ bị vứt bỏ; cái gì thiết yếu sẽ tồn tại và sẽ toàn thắng.» [\[10\]](#)

Keshab Chunder Sen cũng viết: «Đừng có bắt chước những kẻ mê tín, chấp nhận cái gì, vì tin suông. Khoa học phải là đạo các bạn, Chúa đã phán thế...

«Đừng có lừa bịp mình bằng những huyền nhiệm, thần bí! Đừng mơ mộng viễn vông! Hãy nhìn cho rõ, xét suy cho đúng. Phải giảo nghiệm mọi sự, và cái gì đúng mới chịu theo. Trong mọi niềm tin tưởng, trong mọi câu kinh nguyện của bạn, bạn hãy để cho đức tin và lý trí hòa hợp cho thành một khoa học chân thực.» [\[11\]](#)

Người Á Đông chúng ta sau hằng trăm năm nô lệ của người Âu châu lại càng phải có óc quật khởi hơn bao giờ hết.

Thánh Gandhi đã phải thốt ra những lời lẽ ai oán như sau: «Tây phương đã đánh bại ta trong chiến tranh, lại làm hư ta trong thời bình. Kẻ chống lại họ, thì đã bị giết chết. Kẻ đã đầu hàng họ như ta, thì phải chịu một kiếp nhục nhã hơn, ấy là phải mất linh hồn.

«Họ không những đã bóc lột của cải vật chất, mà còn làm cho ta mất đức tin, để rồi đem tư tưởng của họ nhét vào. Rốt cuộc, họ đã làm cho chúng ta lầm tưởng rằng hay hơn hết là chúng ta nên đồng hóa với họ. Và thế là chúng ta đã chết cho chúng ta.» [\[12\]](#)

III. TÔN GIÁO ĐỐI CHIẾU VÀ TRIẾT LÝ VỀ TÔN GIÁO ĐỐI CHIẾU

Trong khoảnh khắc ngắn ngủi này, tôi không thể trình bày dài dòng về khoa tôn giáo đối chiếu được.

Tôi chỉ có thể đưa ra ít nhiều phương pháp tổng quát để khảo về các đạo giáo, ít nhiều nhận định khái quát về giá trị của các đạo giáo.

Nếu muốn đi sâu vào vấn đề, chúng ta cần phải để ra nhiều tháng, nhiều năm khảo cứu, suy tư.

Nguyên về phần kinh điển chẳng hạn, ta đã thấy không biết cơ man nào mà xuể! Có học giả đã tính

số chữ của các kinh điển, thì thấy:

Thánh kinh Công giáo có 3.000.000 chữ.

Bộ Tam tạng của Phật giáo Tiểu thừa có 27 triệu chữ.

Bộ Đại thừa trong ấn bản tại Nhật năm 1927 có 40 triệu chữ in thành 55 quyển lớn.

Bộ Mật tông (Tantras) của Tây tạng, theo giáo sư Glasenapp gồm 50 ngàn quyển, thật là mênh mông như biển cả. [\[13\]](#)

Ấy là chưa kể đến các bộ thánh thư vĩ đại của Ấn giáo, Khổng giáo, Lão giáo, Bái hỏa giáo, Hồi giáo v.v...

Các đạo giáo lớn nhỏ cùng với các tông chi môn phái đạo giáo trên thế giới hiện nay có tới cả ngàn. Đạo nào, môn phái nào cũng cho rằng mình mới độc chiếm chân lý, đạo nào cũng cho mình là vàng dương chân thực tỏa quang huy làm át hết mọi ánh sao tà thuyết, tà giáo. Không nói đâu xa, ngay trong thành phố Sài Gòn này, đạo giáo thường thay đổi hình thái tùy theo mỗi một phố phường. Chúng ta gặp gỡ nhau thường ngày, có thể rất gần gũi nhau vì xã giao, vì nghề nghiệp nhưng thực ra rất xa cách nhau về tâm tư và tín ngưỡng, thế là cùng chen chúc nhau dưới một mái nhà, cùng đi lại như nhau trên một đường phố, một vỉa hè mà chúng ta thực sự sống trong những thế giới khác nhau, thế là gần trong gang tấc mà cách ngoài quan san, quan san đây không phải là núi non thành lũy hữu hình bên ngoài, mà chính là những núi non thành lũy tâm tư, đạo giáo vô hình ở phía bên trong.

Tuy nhiên, đứng trước thiên hình vạn trạng tôn giáo ấy, chúng ta vẫn tìm ra được những cách thức những lẽ lối để khảo sát, để so sánh không mấy khó khăn.

Các nhà khảo cứu về tôn giáo đối chiếu thường theo ba đường lối sau đây:

1. Mô tả các đạo giáo (Histoire des Religions)
2. Tìm cho ra những định luật chi phối các hiện tượng đạo giáo (Science des Religions)
3. Tìm cho ra ý nghĩa và giá trị các đạo giáo (Philosophie des Religions).

1. Mô tả các đạo giáo hay lịch sử các đạo giáo (Histoire des Religions)

Mô tả các đạo giáo thực ra không mấy khó khăn.

Chúng ta chỉ cần đặt mỗi đạo giáo vào bối cảnh lịch sử, địa dư của nó, khảo sát đời sống các vị giáo chủ, toát lược các thánh kinh, và nói sơ lược về sự biến thiên của mỗi đạo giáo qua các thời đại, cũng như những công trình kiến trúc, văn chương, nghệ thuật đặc biệt mà mỗi đạo giáo đã thực hiện được.

2. Tìm cho ra những định luật chi phối các hiện tượng đạo giáo hay khoa học đạo giáo (Science des Religions)

Thứ đến là đi tìm cho ra những định luật chi phối sinh hoạt đạo giáo, những duyên do thành bại của mỗi đạo giáo, những cung cách giảng giáo, những phương pháp dùng để lôi cuốn quần chúng, những nghệ thuật nắm giữ quần chúng của mỗi đạo giáo.

Sự khảo sát này đưa tới những nhận định hoặc những định luật sau đây:

- Đạo giáo được bành trướng nhờ sức hấp dẫn và thu hút quần chúng của các vị giáo chủ.
- Xây dựng nên những thần tượng là điều cần thiết để quảng bá đạo giáo, vì thế nên ta thấy các vị giáo chủ thường được thần thánh hóa tới mức tối đa.
- Một đạo giáo càng giản dị, càng bình dân bao nhiêu lại càng lôi cuốn được nhiều người bấy nhiêu.

– Một đạo giáo càng có nhiều giáo sĩ trung kiên, có nhiều giáo hữu chân thực bao nhiêu, càng có triển vọng bành trướng thêm bấy nhiêu.

– Càng biết cách giảng giáo, càng biết cách lôi cuốn quần chúng bằng những phương pháp tuyên truyền, cổ động, như kịch nhạc, đình đám, hội hè, rước sách, giảng giáo, càng dễ thu hút quần chúng.

– Càng có tôn ti trật tự bao nhiêu, càng nắm vững được quần chúng bấy nhiêu.

– Càng nhắc đi nhắc lại một điều gì thường xuyên bao nhiêu, càng ghi tạc vào lòng người bấy nhiêu, và cuối cùng những điều giảng giáo sẽ trở nên chân lý thực đối với người thụ huấn.

– Càng nhỏ tuổi càng dễ ấn tượng, càng dốt nát càng nghèo khổ càng dễ tin theo, cho nên trẻ con và lê thứ, bần dân là những lớp người dễ giảng giáo, dễ uốn nắn nhất.

Các phương thế mà ngày nay các đảng phái dùng để phổ biến chủ nghĩa; đả kích, hạ bệ đối phương; thu hút quần chúng hoặc bằng lý, hoặc bằng tình, hoặc bằng bạo lực; các phương thế để bành trướng thế lực, kiểm soát tâm tư, lòng quần chúng vào trong một khuôn khổ chung, giúp chúng ta hiểu rất nhiều về các nỗ lực tương tự của các đạo giáo trong công cuộc thu hút và nắm giữ quần chúng.

Thứ đến là khảo sát về những nguyên nhân xa gần đã ảnh hưởng đến sự phát sinh, sự bành trướng, sự tồn tại, và sự suy vi, mai một của các đạo giáo. Ví dụ ta khảo về:

– Ảnh hưởng của thời gian, của lịch sử đối với đạo giáo.

– Ảnh hưởng của địa dư đối với đạo giáo.

– Ảnh hưởng của chủng tộc đối với đạo giáo.

– Ảnh hưởng của các đạo giáo bạn hoặc trước, hoặc đương thời đối với đạo giáo.

– Ảnh hưởng của chính trị, của kinh tế đối với đạo giáo.

– Ảnh hưởng của các học thuyết triết học, của các phát minh khoa học đối với đạo giáo, v.v.

3. Tìm cho ra ý nghĩa và giá trị các đạo giáo hay triết lý đạo giáo (Philosophie des Religion)

Chúng ta có thể đi tìm những giả thuyết, những lý thuyết giúp ta phối kết được các đạo giáo, sắp xếp, phân loại được các đạo giáo, tìm ra được ý nghĩa và giá trị các đạo giáo, cũng như tìm cho ra được đâu là chân đạo, là đại đạo.

Các lý thuyết về đạo giáo thực ra rất nhiều. Dưới đây chỉ xin đan cử ít nhiều lý thuyết chính.

(1) Thuyết thoái hóa (Chân đạo tại tiền 真道在前)

Có nhiều người cho rằng các đạo giáo đều là biến thái của một chân đạo nguyên thủy. Đó là lý thuyết do André Lang, Wilhelm Schmidt, Nathan Söderbolm, R.Pettazoni chủ xướng.^[14]

Theo thuyết này, thì các dân tộc nguyên thủy đều tin có Thượng đế, tin vào một đấng tối cao. Sau này dần dà, nhân loại mới tin vợ thờ quấy. Nói cách khác độc thần có trước đa thần. Ta cũng có thể gọi thuyết này là thuyết thoái hóa, vì chủ trương càng xưa càng hay, càng nay càng dở.

(2) Thuyết tiến hóa (Théorie évolutionniste: Chân đạo tại hậu 真道在後)

Thuyết này chủ trương bất kỳ cái gì cũng phải tiến từ thấp đến cao, từ thô đến tinh.

– Sự tiến hóa ấy theo những quá trình in hệt như nhau ở khắp nơi, nhưng theo nhịp điệu nhanh chậm khác nhau.

– Sự tiến hóa thường theo định luật tiệm tăng, tiệm tiến, chứ không bật biến, bật phát.

– Các đạo giáo không hình thành được trong một ngày mà phải chập chững, dò dẫm lâu dài, không

phải độc đáo tuyệt luân, mà cũng đã phải vay mượn, nhờ vả vào các đạo giáo hoặc cựu thời hoặc đương thời.

Đa số các học giả khác về tôn giáo đã mặc nhiên theo lý thuyết trên đây, và nhiều sách vở thường bắt đầu bằng những đạo cổ sơ rồi đi dần dần đến những hình thức đạo giáo cao siêu hơn.^[15]

Người ta cho rằng người cổ sơ tin có một linh khí bàng bạc khắp đất trời, gọi là Mana theo từ ngữ dân Mélanésiens.^[16]

Linh khí ấy có thể trụ và cây, cỏ, người, vật. Như vậy vạn vật đều có hồn thiêng (animisme). Vật nào hấp thụ được nhiều linh khí thì trở nên linh thiêng hơn, vì thế được gọi là linh phù (fétiche), linh vật, hay vật tổ (totem).

Cái gì thuộc về linh khí ấy thì linh thiêng (sacré, tabou). Cái gì thuộc về hình hài sắc tướng bên ngoài thì là phàm tục (profane).

Từ quan niệm linh khí bàng bạc vô biên hay Thượng đế vô ngã ấy^[17] người ta đã dần dần đi đến những quan niệm chúng thần hữu ngã, hoặc nam, hoặc nữ, rồi cuối cùng đi đến quan niệm một chúa tể duy nhất.

Như vậy hình thức thô sơ nhất của các đạo giáo là linh khí, linh vật, rồi đến đa thần, độc thần.

Đạo giáo nào càng xuất hiện về sau càng cao siêu hơn, hoàn bị hơn.

Nhưng thực ra giả thuyết này không đúng với thực tế và lịch sử. Chẳng hạn ta thấy dân tộc Trung Hoa đã thờ Trời từ Hoàng Đế khoảng 2600 trước kỷ nguyên.

Vả lại chấp nhận lý thuyết trên thì đạo nào ra đời sau, sẽ hay hơn đạo ra đời trước. Và như vậy đạo Do Thái sẽ hay hơn đạo Babylone; Công giáo sẽ hay hơn đạo Do Thái; Hồi giáo sẽ hay hơn Công giáo, đạo Bahai sẽ hay hơn Hồi giáo, Cao Đài sẽ hay hơn Bahai. Đó là điều mà dĩ nhiên không ai chấp nhận được.

(3) Chân đạo ở vào thời đại trực (Chân đạo tại trung 真道在中)

Jaspers cho rằng thời đại quan trọng nhất đối với đạo giáo là thời đại trực (Achenzeit: période axiale). Đó là khoảng thời gian từ 800 đến 200 trước kỷ nguyên. Thời ấy là thời nhiều vị giáo chủ giáng trần và là thời nhân loại đạt tới một trình độ tâm thần cao siêu nhất. Thời ấy ta thấy có Lão Tử (600– ?), Phật (560–480), Khổng Tử (551–479), Mặc Tử, Trang Tử, Liệt Tử, Zoroastre (660–583), Platon (429–347), Ezéchiel (thế kỷ VI), Jérémie (650–590), v.v.^[18]

Cho dầu lý thuyết trên rất hấp dẫn nhưng nó vẫn không ăn khớp với thực tại.

Thực vậy cái mà ta tưởng là độc đáo, thường lại đã được trình hiện ra trong quá vãng. Trước Sáng thế ký của Do Thái đã có Sáng thế ký của Babylone mà ngày nay người ta mới tìm ra được khi khai quật các cổ tích, cổ văn ở Accad, Lagash, Nippur gần đế đô Babylone xưa,^[19] trước luật Moïse đã có luật Hammourabi,^[20] trước đạo Công giáo đã có đạo Do Thái và nhất là giáo phái Essenians. Những cổ văn vừa khám phá được ở Quram gần Biển Chết đã chứng tỏ rất nhiều điểm tương đồng giữa thư tịch phái Essenians với Tân Ước Công Giáo.^[21]

Giáo sư Duport Sommer còn đi xa hơn nữa. Ông đã chứng minh có rất nhiều điểm tương đồng giữa đời sống của vị Tôn Sư Công Chính với đời sống Chúa Cơ đốc.^[22]

Khảo thư tịch Á đông ta thấy trước Phật Thích Ca đã có nhiều vị Phật khác, trước Lão Tử còn có Hoàng Đế, trước Khổng Tử còn có Nghiêu Thuấn, Võ, Thang, Văn ...

Glassenapp viết: «Sự khác biệt vô cùng về cách thức phát biểu tư tưởng tâm tình và ý chí về phương diện đạo giáo nổi bật lên khi chúng ta nhận định được rằng chẳng những ngày nay hiện có vô vàn quan niệm về tôn giáo, mà trong suốt quá trình tiến hóa của nhân loại ước lượng khoảng chừng 600.000 năm và nhất là trong khoảng 6.000 năm có thể gọi được là văn minh, đã có vô vàn số quan niệm tôn giáo mà ngày nay không còn.

«Có lẽ nào vô vàn vô số tín ngưỡng ấy chẳng ít thì nhiều đã dựa trên một sự sai lầm mà chỉ có một tôn giáo xuất hiện ở một nơi và một thời nhất định lại có được một chân lý toàn bích.

«Trong khi khảo sát lịch sử các đạo giáo, ta thấy nhiều đạo đã có sinh có tử; nguyên điều này cũng đã dạy chúng ta rằng chẳng có một đạo nào có cái gì là rốt ráo, mà chúng ta có quyền coi mọi đạo như là những hình thức phát biểu được phần nào chân lý toàn bích.» [23]

(4) Thuyết Âu Châu: Tự nhiên và mặc khải (Chân đạo tại Thánh thư 真道在聖書)

Âu Châu thường phân chia tôn giáo ra làm hai loại:

– Đạo tự nhiên (religions naturelles) và đạo mặc khải (Religions révélées).

– Đạo tự nhiên như Ấn giáo, Phật giáo, Khổng giáo, Lão giáo đều do con người lập ra, và vì thế khuyết điểm.

– Đạo mặc khải như Do thái giáo, Cơ đốc giáo, Hồi giáo do chính Chúa Trời truyền, như vậy dĩ nhiên chính xác và hoàn bị.

Nhưng phân tách kỹ càng, thì thuyết này cũng không thể đứng vững.

Trước hết, Ấn giáo từ xa xưa vẫn coi các thánh thư mình đều là do Thượng đế mặc khải.

Trung Hoa cũng cho rằng Dịch kinh hay Hồng Phạm Cửu Trù đều là do Thượng đế mặc khải cho Phục Hi, Văn Vương và Đại Võ.

Đằng khác, vị giáo chủ nào mà chẳng được mặc khải, được giác ngộ.

Moise khi truyền luật cho dân Do Thái thì tuyên bố rằng luật ấy do chính Chúa truyền, nhưng sau này thánh Paul không chịu theo luật ấy nữa và gọi đó là luật Moise. Giáo hội Công giáo sau này cũng tự ý đổi 2 điều răn trong mười điều răn Thiên Chúa, và cho rằng mình có quyền làm như vậy.

Thánh thư Coran thì cho rằng Thượng đế không thể nào sinh Con; và Thượng đế là chí tôn vô đối, duy nhất, chứ không có 3 ngôi như Công giáo chủ trương. [24]

Thế là một mặt thì đạo nào cũng cho thánh kinh của mình đã được Thượng đế mặc khải, và hoàn toàn không thể nào sai lạc. Một mặt thì Thánh kinh đạo này lại phê bình Thánh kinh đạo kia là sai lầm hoặc còn khiếm khuyết, không toàn hảo!

(5) Thuyết xã hội: Chân giả tùy xã hội định đoạt

Durkheim (1858–1917) cho rằng: phần thiêng liêng là phần quan trọng nhất của đạo giáo, mà cái thiêng liêng ấy là do xã hội công nhận.

Như vậy nền móng đạo giáo không phải là do Trời mà là do xã hội, do đoàn thể con người lập nên.

Thuyết này có phần đúng, nhưng cũng có phần sai.

Đúng vì đã nêu cao được vai trò quan trọng của đoàn thể, của xã hội về phương diện đạo giáo. Sai vì đã lãng quên mất vai trò của các vị giáo chủ tức là vai trò của ít nhiều cá nhân siêu việt đã thay đổi được đường hướng suy tư, đối đãi của nhân loại.

(6) Chân đạo tại nhân tâm 真道在人心

Ngược lại đa số thánh hiền Đông Tây thời chủ trương rằng Chân đạo chẳng có ở đâu xa mà đã tiềm ẩn ngay trong lòng con người. Cái tinh hoa muôn thừa ấy hằng có ở trong lòng mọi người, mọi nơi mọi đời, nhưng phàm phu tục tử không thể nào nhận ra được. Thánh hiền chính là những người đã có công chỉ vẽ chân lý ấy cho nhân loại.

Như vậy chân đạo đã phát xuất từ một nguồn, đó là tâm thần con người, sau dần dà biến hóa thành nhiều thứ tôn giáo khác nhau. Ngày nay các tôn giáo phải cố làm sao tìm về cái đạo tương đồng nguyên thủy ấy.

Trong bài tựa cuốn «Kim Liên Chánh Tông» của đạo Lão, ta cũng thấy có quan niệm tương tự: «Đạo không đầu cuối, giáo có trước sau ... Đạo thời chân thường siêu việt; giáo thời dạy cách độ người. Đạo là bản thể ngàn đời không hề biến dịch; giáo là công dụng, có lúc thịnh, có lúc suy.»

Thẳng thắn mà xét thì vấn đề «Chân đạo tại nhân tâm» là một quan niệm mà chỉ có một số ít chính nhân, quân tử, hiền thánh mọi nơi mọi đời chấp nhận.

Nó đòi hỏi một sự suy xét sâu xa, một tâm hồn tế nhị có thể thấu nhận được những ý niệm từ đáy lòng hiện lên tâm thức. Đó là công việc mà những người tầm thường không làm nổi.

Quan niệm này vì không có tầm kích không gian thời gian, nên không lồng được vào khuôn khổ lịch sử, và trước mắt quần chúng nếu đó chẳng phải là tà thuyết, thì cũng là không ngôn, vì hoàn toàn vượt trên tầm suy tưởng của họ. [\[25\]](#)

Theo quan điểm này, thì đạo tự nhiên hay thiên tạo chính là đạo dựa vào lương tâm, lương tri con người, đạo qui ước hay nhân tạo là đạo dựa vào những sách vở, những kinh điển bên ngoài.

Dẫu sao, thì lương tâm lương tri cũng có giá trị phổ quát, đại đồng, bất biến, bất dịch. Dẫu sao, thì sách vở, kinh điển cũng là nhân tạo và chỉ có một giá trị lịch sử, địa dư, dân tộc hữu hạn.

(7) Chân đạo phải phổ quát và vĩnh cửu

Gần đây có một số triết gia và học giả như Aldous Huxley, Coomaraswamy, Frithjof, Shuon, René Guénon chủ trương có «một triết lý vĩnh cửu». Các ông cho rằng:

- Chân lý rất ráo về Thượng đế và về vũ trụ không thể trực tiếp phát biểu bằng lời lẽ được.
- Những chân lý ấy phải duy nhất, bất biến mọi nơi, mọi đời. Những tôn giáo mặc khải vì khác nhau ở rất nhiều điểm quan trọng, nên chỉ có thể đúng một cách tương đối. Mỗi một cuộc mặc khải đều thích ứng với nhu cầu của thời đại và với trình độ tâm thần của người thụ giáo.

Theo Coomaraswamy thời chỉ duy có một điều phi lý đó là chủ trương chỉ có một tôn giáo đã hoàn toàn nắm giữ được chân lý. Thực ra tôn giáo chỉ là những khía cạnh khác nhau của một chân lý duy nhất. Chân lý duy nhất ấy được trình bày khác nhau tùy thời và tùy trình độ tâm thần của xã hội liên hệ. [\[26\]](#)

(8) Quan niệm Tam Tài với đạo giáo

Sau hết ta cũng có thể dựa vào quan niệm Tam Tài để phân loại các đạo giáo, và để tìm cho ra bốn phận và mục đích chân thực của các đạo giáo.

1. Vì con người ai cũng có xác, nên trước hết là có Vật đạo hay Địa đạo.

Vật đạo hay Địa đạo cốt là lo cho con người có đủ ăn, đủ mặc, có một hoàn cảnh vật chất khả quan.

Đó cũng là một hình thức đạo giáo, vì hằng ngày trong khi cầu nguyện xin ơn, trong 100 người, thì 99 người cầu cho mình và cho gia đình được đủ ăn đủ mặc, bình yên khỏe mạnh.

Trong kinh Lạy Cha chúa Jésus cũng dạy mọi người xin cho được hằng ngày dùng đủ.

Ramakrishna nói: «Kẻ bụng rỗng không thể theo đạo.» [27]

Phương ngôn Việt Nam cũng nói: «Có thực mới vực được đạo.»

Vivekananda viết: «Tôi đã đi khắp Ấn độ và tôi rất đau lòng khi thấy cảnh nghèo nàn cơ cực của dân chúng. Tôi không cầm được nước mắt. Và ngày nay, tôi tin chắc rằng không lo giúp cho họ bớt nghèo nàn khổ sở thì giảng đạo cho họ cũng vô ích.» [28]

Vivekananda muốn đạo giáo phải dạy con người biết tự tin vào mình, biết kính trọng kẻ khác, có thể nuôi dưỡng được kẻ đói khát, lướt thắng được sự cơ cực, nâng cao được trình độ quần chúng. Theo Ông, muốn tìm Thượng đế hãy phục vụ con người. [29]

2. Vì con người ai cũng có tâm hồn, nên thứ đến có Nhân đạo.

Nhân đạo có mục đích dạy mọi người ăn ở sao cho hợp tình, hợp lý, xứng đáng với danh nghĩa con người để mọi người cùng nhau sống trong tình huynh đệ, không còn ai bị áp bức, cưỡng đoạt, lợi dụng, bóc lột.

Các tiên tri Do Thái như Élie, Amos, Osée v.v... đều là những người hăng say bênh vực quyền lợi dân chúng chống lại bạo quyền. Chúa Jésus, [30] cũng như Hillel, [31] cũng như Khổng Tử, [32] cũng như Thánh Thư Ấn Độ giáo, [33] không hện nhau, mà đều đồng thanh kêu gọi mọi người phải coi người khác như chính mình, cũng đều chủ trương «Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân» 己所不欲, 勿施於人! ... Các đạo giáo đều dạy chúng ta đem tình thương mà đối đãi với mọi người.

Như vậy chân đạo không xa lánh cuộc đời, mà chính hằng lo lắng sao cho xã hội loài người ngày một trở nên hoàn mỹ.

3. Sau hết, vì con người còn có tinh thần (Esprit), nên còn có Thiên đạo.

Thiên đạo có mục đích dạy con người một lẽ sống hoàn thiện phối kết với Thượng đế. Các đạo giáo Âu Châu gọi thể là cuộc sống huyền đồng (vie mystique). Khổng Tử, Lão Tử gọi thể là «Phối Thiên» 配天. [34] Bà la môn giáo gọi thể là sống hợp nhất với Atman, hay sống hợp nhất với Thượng đế. Phật giáo gọi thể là «đáo bỉ ngạn» 到彼岸 (sang tới bờ bên kia) hay nhập Niết Bàn.

Thiên đạo theo thánh kinh công giáo chính là thờ phượng Thượng đế bằng tâm thần và bằng chân lý, vì Thượng đế là Thần, nên chỉ có Thần con người mới có thể tìm cầu và kết hợp với Thượng đế. Thiên đạo theo Nho giáo chính là Đạo Trung Dung, vì Nho giáo chủ trương cần phải tìm cho ra Thượng đế làm trụ cốt, làm Tâm điểm cho hoàn vũ và cho lòng con người; gạt đục khơi trong tâm hồn để đạt tới tinh hoa nhân loại, trở nên thuần túy chí thiện. Thiên đạo đối với Phật giáo, Ấn Độ giáo, hay Lão giáo chính là vượt lên trên mọi hình tướng biến thiên phù phiếm, biến dịch để trở về với hay để thực hiện vĩnh cửu, bất diệt, bất hoại. Đó là thực hiện Kim cương thân, hoặc Pháp thân, hoặc Tiên đan.

Hoặc đi tìm Thượng đế, kết hợp với Thượng đế, hoặc băng qua hình tướng để trở về cùng Bản thể Tuyệt đối; hoặc vượt tầm không gian thời gian, để trở về cùng vĩnh cửu bất sinh, bất diệt, tất cả những từ ngữ tuy có khác nhau về hình thức nhưng nội dung vẫn chỉ là một: đó là sống đời toàn thiện kết hợp với Thượng đế...

Ba thứ đạo: vật đạo, nhân đạo, thiên đạo nói trên cao thấp, nông sâu hết sức khác nhau.

Vật đạo thấp nhất, rồi đến nhân đạo, rồi đến thiên đạo. Lắp liền ba thứ đạo ấy với nhau, ta sẽ được

một chiếc thang Jacob bắc từ đất lên đến trời, nối liền trời đất người. Đất là xác thân, là hoàn cảnh ở bên ngoài; người là tâm hồn ở bên trong; trời là tâm thần ở khuất lấp trong đáy lòng sâu thẳm. Như vậy ta mới hiểu: «Nước trời chẳng ở đâu xa mà đã ở ngay trong lòng chúng ta.» (Luc 17, 21).

Tiêu chuẩn chân đạo:

Như vậy chân đạo không phải là một mớ lý thuyết suông mà chính là những phương pháp khoa học, thiết thực để khai thác ngoại cảnh, cải tạo tâm hồn con người, giúp con người đi sâu được vào cảnh giới tâm linh để gặp gỡ Thượng đế, và sống phối kết với Thượng đế.

Ngày nay chân lý không còn là một chiếc tàu hỏa mà các đạo giáo Âu Châu là như đầu máy tàu, và các toa hạng nhất hạng nhì lịch sử, còn các đạo giáo Á Châu thời bị coi như là những toa hạng ba, hạng tư, toa chót toa đuôi, lồi thối luộm thuộm.

Không! Chân lý phải được coi như một vòng tròn mà mỗi đạo giáo, ít là về phương diện gian trần, là một đường bán kính. Các đạo giáo tuy khác xa nhau ở các tầng lớp bên ngoài, nhưng sẽ gặp gỡ nhau nơi tâm điểm, mà tâm điểm ấy chính là Thượng đế.

Như vậy đúng như lời Tolstoi đã nói: «Chúng ta sẽ gặp nhau, khi chúng ta về đến đích.» [\[35\]](#)

Suy cho cùng thì Thiên chúa giáo, Do Thái giáo, Phật giáo, Hồi giáo, Lão giáo, Khổng giáo và tất cả các đạo lớn trong thiên hạ cũng đều đề cao một đời sống công chính, đều chỉ vẽ rằng đức bác ái và tình huynh đệ là con đường đưa tới một đời sống hạnh phúc, cho cá nhân cũng như cho nhân quần xã hội.

Chắc chắn cũng là một Thượng đế, một Thần linh nội tại đã hoạt động trong lòng mọi người. Nếu chúng ta lưu tâm đến chân lý sống động hơn là đến giáo lý, tín điều – duyên do làm cho chúng ta chia rẽ nhau – thì có lẽ Thượng đế đã hoạt động hữu hiệu hơn. Nếu chúng ta phá bỏ những bức tường chia rẽ ngăn cách chúng ta, thì có lẽ Ngài có nhiều chỗ mà thực thi ý nguyện hơn. [\[36\]](#)

Vivekananda cho rằng đạo giáo cao siêu nhất là đạo giáo dạy cho con người biết tự tin mình; có những phương thế để cải tạo đời sống vật chất, xã hội, tinh thần để nhân loại ngày một tiến hóa hơn, trở nên cao đại, thanh quý hơn.

Và đây là những lời tâm huyết của Vivekananda: «Chúng ta phải biết tin tưởng vào chúng ta. Nếu các bạn tin vào 330 triệu thần minh huyền thoại của các bạn, nhưng nếu các bạn không tin vào nơi các bạn, thì các bạn sẽ không được cứu rỗi.

«Hãy tin vào các bạn, hãy bám víu vào niềm tin ấy. Tại sao chúng ta, một dân tộc 330 triệu người, thế mà trong hàng ngàn năm, chúng ta đã bị cai trị bởi một nhóm người ngoại quốc? Đó là tại vì họ tin tưởng vào họ, mà chúng ta không tin tưởng vào chúng ta ... Chúng ta phải chịu trách nhiệm về sự sa đọa của chúng ta. Những bậc tiền bối quyền quý của ta đã trèo đầu cưỡi cổ lên đám dân đen trong nước, nên họ mới trở nên hèn kém, đến nỗi, sống trong đọa đày, những kẻ xấu số ấy quên mất rằng họ cũng là những con người.

«Họ bị đọa đày vào những tình trạng bần cùng, đốn mạt đến nỗi họ tin tưởng rằng họ sinh ra để làm thân tôi mọi.

«Các bạn vỗ ngực cho rằng mình là những người yêu nước thương nòi, các bạn là những nhà cách mạng, có bạn có cảm thấy lòng dạ xuyên xao vì hàng triệu người thuộc dòng dõi thần linh và thánh hiền nay đã trở nên gần ngang hàng với muôn thú, vì triệu triệu người đang chết đói, vì triệu triệu người đã chết đói từ bao thế kỷ nay?

«Các bạn có cảm thấy không: sự đốt nát đang bao phủ xứ này như một đám mây mù?

«Các bạn có thấy bàng hoàng vì thế chẳng? Các bạn đã vì thế mà mất ăn mất ngủ chưa? Các bạn đã vì những thảm cảnh ấy mà muốn phát điên lên chưa? ...

«Từ bao thế kỷ nay, người ta đã dạy cho dân ta một thứ tôn giáo đốn hèn. Người ta đã dạy cho quần chúng trên khắp mặt đất này rằng họ chẳng có giá trị gì cả. Họ đã dọa dẫm đám dân đen từ nhiều thế kỷ nay và làm cho họ trở nên như những bầy súc vật...

“Hãy đứng lên, hỡi các bạn. Hãy tỉnh dậy hỡi các bạn. các bạn đừng bao giờ dừng chân trước khi chưa tới đích. Các bạn hãy tỉnh dậy, đừng bị thôi miên, đừng bị mặc cảm rằng mình yếu hèn ...

«Các bạn hãy đứng lên, chúng ta cần một thứ đạo dạy chúng ta trở nên những con người xứng đáng! Chúng ta cần có những học thuyết dạy cách cho chúng ta trở nên những con người xứng đáng. Và đây là đá thử vàng cho chúng ta biết thế nào là chân lý: Bất kỳ cái gì làm cho các bạn trở nên hèn yếu về phương diện xác chất về phương diện tâm trí, về phương diện siêu nhiên, các bạn hãy vứt bỏ đi. Đó là liều thuốc độc. Sự sống không có ở đó. Chân lý không có ở đó. Chân lý là sức mạnh. Chân lý là tinh hoa. Chân lý là ánh sáng. Chân lý là nguồn mạch mọi năng lực. Các bạn hãy từ bỏ những lối đạo hạnh làm suy nhược con người và hãy trở nên hùng mạnh. Tất cả những chân lý trọng đại trên đời này đều giản dị, giản dị như cuộc sống các bạn vậy!» [37]

Như vậy đạo giáo không phải là sự ù lì, chịu đựng, mà là sự cố gắng tìm cầu. Đạo giáo là một sự triển dương tẩm kích của lý trí và tâm hồn cho tới cùng cực.

Con người đạo hạnh chân chính luôn ước muốn có một đời sống phong phú hơn, sâu xa hơn, khoáng đạt hơn, hùng dũng hơn. nói cách khác, con người đạo hạnh muốn vươn lên cho tới chỗ cao đại. Sự cứu rỗi, sự giải thoát đối với họ chính là sự vượt tầm kích phạm nhân mà tiến vào tầm kích siêu nhân, thần thánh. Cũng có thể gọi đó là sống một cuộc sống đẹp đẽ hơn, ý nghĩa hơn, rộng rãi hơn, cao siêu hơn, sâu xa hơn... Đạo giáo chẳng qua là nhịp cầu bắc từ hữu hạn tới vô hạn, để giúp cái hữu hạn tiến về cái vô hạn.

Đạo giáo nhắc cho con người nhớ rằng phân thể bao giờ cũng phải lệ thuộc vào toàn thể. Phân thể vì vậy không thể nào tách rời khỏi toàn thể.

Vì thế nên Shelling mới định nghĩa đạo giáo là sự hợp nhất giữa ta và Bản thể tự hữu.

Max Müller thì cho rằng: đạo giáo là một sự cố gắng để quan niệm cái «bất khả quan niệm» để nghị luận cái «bất khả tư nghị», để ao ước muốn vươn lên cho tới vô cùng. [38]

KẾT LUẬN:

Sự khảo sát trên đây cho chúng ta thấy rằng chân đạo không phải ở đâu thời gian, ở cuối thời gian, ở giữa thời gian; chân đạo không có ở trong sách vở; chân đạo không ở bên Đông, cũng chẳng ở bên Tây, chân đạo không có quốc gia cũng như không có giang sơn bờ cõi; chân đạo cũng không ở trong đoàn thể, các tổ chức xã hội, chân đạo không ở trong đền đài, miếu mạo, hay ở trong tay những kẻ có uy quyền, mà chân đạo đã ở ngay trong tâm thần mỗi một người.

Thượng đế vì vô biên vô tận, nên chẳng những ở trên trời, mà còn ở khắp nơi trong vũ trụ bao la này cũng như đồng thời đã ẩn áo ngay sẵn trong lòng con người.

Như vậy con đường dẫn tới Thượng đế gần nhất là con đường nội tâm. Những tâm hồn tinh khiết, thanh cao, những khối óc thông minh, sáng láng chẳng chóng thì chày sẽ nhận ra được chân lý tối sơ ấy.

Ram Linson viết: «Giây liên lạc nối kết ta với Đại thể thực đã ở ngay trong tầng sâu các cơ cấu tâm tình ta, ở bên dưới các lớp lang ý thức sâu xa và thầm kín nhất.» [39]

Cho nên dẫu các đạo giáo từ xưa tới nay đã bày biện ra muôn vàn lễ nghi, hình thức bên ngoài, dẫu các thánh thư từ trước tới nay đã dùng mọi phương cách, đã dài dòng dạy dỗ con người; tất cả những cái đó cũng không ngoài mục đích giúp con người gạt đục khơi trong tâm hồn, để có thể cảm thông trực tiếp được với Thượng đế, bằng tâm thần mình.

Chân lý, chân đạo bao giờ cũng giản dị, cũng trong sáng, cũng vĩnh cửu và phổ quát. Chân lý chân đạo bao giờ cũng đem lại cho con người tự do và hạnh phúc, y thức như cơm áo bao giờ cũng đem lại no ấm cho con người. Cho nên tất cả những cái gì rắc rối, tào phồn, tất cả những cái gì thăng thục, trói buộc, đè nén con người, tất cả những cái gì làm cho con người trở nên ngu si, đần độn, khổ sở, khốn nạn về tinh thần cũng như về vật chất, tất cả những gì làm tiêu ma nghị lực con người, làm suy giảm nhân phẩm con người, tất cả những cái đó đều không phải là chân lý, chân đạo.

Trên phương diện thực hành, thái độ chân chính nhất của một người đạo hạnh chân thực là không mất thì giờ chê đạo này, đạo nọ; mà phải luôn luôn cố gắng tiến bước trên đường nhân nẻo đức, tiến tới hoàn thiện tinh hoa; luôn cố gắng cho lòng mình rộng mở để bao dung, thông cảm với người; cho lòng mình rung cảm trước những nỗi đau thương của đồng loại và ra tay tế độ.

Bất kỳ chúng ta theo đạo nào và dẫu cho đạo ấy cao siêu mấy đi chăng nữa, nếu mà lòng chúng ta vẫn còn thô lỗ, còn đầy oán hờn, còn đầy ghen ghét, còn đầy mưu gian chước độc, mà tâm trí chúng ta còn hẹp hòi, còn tối tăm, rối rít, còn khổ sở, còn đốn hèn, còn bị lo âu, còn bị dày vò, còn trống rỗng và vô vị, thì thực thà mà nói, chúng ta vẫn là những con người vô đạo, hay ít là những ảnh hưởng tốt đẹp của các đạo giáo chưa có chút tác động nào trên tâm thần chúng ta, đạo giáo mới chỉ là những thời trang phủ trên người chúng ta những lớp xa hoa phù phiếm mà thôi.

Tôi sở dĩ đã mạo muội nói về đề tài này cùng quý vị, là mong muốn được nói lên một tiếng nói nhỏ bé của tôi cốt để kêu gọi mọi người hãy tỏ ra khoan dung, độ lượng, thông cảm lẫn nhau và đừng để cho màu sắc tôn giáo làm phai nhạt tình huynh đệ, tình đồng bào đồng chủng.

Cái quan hệ của chúng ta không phải là ở chỗ theo đạo này, đạo nọ, mà cái quan hệ chính là ở nỗ lực tìm cầu chân lý, nỗ lực sống theo lý tưởng mình tin theo.

Ramakrishna viết: «Bất kỳ bạn theo đường nào, điều quan hệ là phải thành khẩn khao khát chân lý. Thượng đế biết rõ những bí ẩn của lòng bạn, và dẫu bạn có đi lầm đường cũng không sao, miễn là bạn thành khẩn, Thượng đế sẽ đưa bạn về đường ngay nẻo chính ... Mà có con đường nào thoát làm lạc đâu! Ai cũng nghĩ rằng đồng hồ mình đúng nhưng kỳ thực chẳng ai có giờ đúng. Cái đó cũng chẳng ngăn trở công việc.» [\[40\]](#)

Vậy chúng ta hãy nên chịu khó cố gắng tìm hiểu lẫn nhau, học lấy cái hay của nhau, tránh cái dở cho nhau, bắt tay nhau cùng xây dựng tương lai, cho trần hoàn chóng trở thành nơi lạc cảnh.

Nếu các đạo giáo đều cố gắng tạo nên những mẫu người lý tưởng theo nhãn quan của mình, thì ta cũng có thể hấp thụ tinh hoa của các đạo giáo để trở nên những con người lý tưởng chân thực. Nếu trong tương lai, nhân loại bắt tay được với nhau để cùng tiến tới tinh hoa hoàn thiện, thì đẹp để biết là bao. Thi hào Tagore đã nói: «Nhân cách vô biên của con người chỉ có thể thực hiện khi các chủng tộc hòa hợp thân ái với nhau...» [\[41\]](#) Ước mong cái ngày hoàng kim ấy sớm thực hiện.

CHÚ THÍCH

[\[1\]](#) «... (que) Dieu est vérité et (que) la vérité est divine.» G. Van Der Leeuw, La Religion dans son essence et ses manifestations, p. 592.

- [2] Đồi Coelius, Aventin, Exquilin, Viminal, Capitole, Palatin, Quirinal.
- [3] «Les dissonances du monde ressemblent aux disputes entre amoureux. La réconciliation survient au milieu du conflit et tout ce qui était séparé se retrouve. Les artères qui divergent reviennent au coeur; tout est vie, unique, éternelle, flamboyante.»
- G. Van Der Leuw, La religion dans son essence et dans ses manifestations, p. 586.
- [4] Bửu Cầm, Tống Nho, tr.17.
- [5] A.C. Bouquet, Comparative Religion, p.17.
- [6] Ibid., p. 17.
- [7] A.C. Bouquet, Comparative Religion, p.17.
- [8] H. Ringgren et A. V. Ström, Les Religions du Monde, p. 116.
- [9] E. Royston Pike, Dictionnaire des Religions.
- [10] «Les mêmes méthodes d'investigation que nous appliquons dans les sciences et la connaissance extérieure, doivent-elles être appliquées, dans la science de la religion? Je dis: Oui. Et j'ajoute: Le plus tôt sera le mieux. Si une religion est détruite par cette investigation, elle était donc une superstition inutile et indigne; plus tôt elle disparaîtra, et mieux cela vaudra. Je suis absolument convaincu que sa destruction sera le mieux qui put arriver. Tout ce qui est scorie sera enlevé; mais les parties essentielles ressortiront triomphantes.» (Vivékananda, l'Idéal d'une religion universelle, II, p. 138. – Romain Rolland, La vie de Vivékananda et l'évangile universel, II, p. 78).
- [11] «Vous n'acceptez rien, de confiance, comme font les superstitieux. La science sera votre religion, ainsi dit le Seigneur notre Dieu... Ne mystifiez pas votre esprit par des mystères occultes! Ne vous livrez pas à des rêves et des fantaisies! Mais avec une vision claire et un jugement sain, non troublé, prouvez tout chose, et tenez-vous ferme à ce qui a été prouvé vrai. Dans toutes vos croyances et toutes vos prières, la foi et la raison devront s'harmoniser en la vraie Science.» (Ibid., p. 79, note 2).
- [12] «Ils nous ont rompus dans la guerre et corrompus dans la paix. Ceux qui leur ont résisté ont péri, mais ceux qui, comme nous, leur ont cédé, ont peut-être connu un sort pire: Ils ont perdu leur âme. Ils ne nous ont pas seulement exploités, ils nous ont séduits ... Ils nous ont fait perdre notre foi pour nous bourrer de leur idées ... Ils ont fini par nous faire accroire que rien ne serait plus désirable pour nous que d'être eux. Et ainsi nous sommes morts à nous-mêmes!» (Xem Civilisation et notre délivrance, p.15 và Văn Hoá Á Châu, tháng 4, 1960, tr. 39).
- [13] (Véritable océan immensurable) Xem Mystères bouddhiques, p. 52 và Văn Hóa Á Châu, tháng 4, 1960, tr. 34.
- [14] Théories du monothéisme primitif et intermédiaires.
- H. Ringgren et A.V. Ström, Les Religions du Monde, p.18.
- [15] H. Ringgren et A. V. Ström, Les Religions du Monde, pp. 19 et ss.
- [16] Mana là tiếng của dân Mélanésien. Các dân tộc khác cũng có những tiếng tương tự để chỉ Mana như Manitou (Algonquins), Orenda (Ironquoi), Walanda (Sioux), Arungquilta (Arunta ở Australie), Mulungu (Bantu)... (Xem Jack Pinegan, The Archeology of World Religions, p. 12, 13).
- [17] Mana, force anonyme à la fois matérielle et spirituelle, répandue partout: «Dieu impersonnel», selon Durkheim (Xem Félicien Challaye, Petite Histoire des Grandes Religions, p. 262).

- [18] Xem Thời đại trực với truyền thống Á Châu của Dung Đạo, in trong Văn Hóa Á Châu, tháng 4, 1960, tr. 118.
- [19] Pocket Bible Handbook, tr. 61, 75.
- [20] Félicien Challeye, Petite Histoire des Grandes Religions, p. 135.
- [21] A. Powell Davies, The meaning of The Dead Sea Scrolls, p. 101, 108.
- [22] Edmund Wilson, The Scroll from the Dead Sea, p. 91.
- [23] H. De Glassenapp, Les Cinq Grandes Religions du Monde, p. 552, 553.
- [24] For Mohammed's very intense conviction, the unity of God – absolute and unqualified – is the foundation of all true religious faith. Hence the Christian doctrine of the Trinity – this bizarre idea of the three gods in one – seemed to him a blasphemous error; it is a covert form of polytheism, however disguised.
- ... It is very unseemly to believe of God the He should beget a son. (Edwin A. Burt, Man seeks the divine, p. 435).
- [25] Xem Lecomte du Noüy và học thuyết viễn đich của tác giả, tr. 336-337.
- [26] Xem R. C. Zaehner, Mysticism sacred and profane, p. 27.
- «Triết lý vĩnh cửu» được gọi là Philosophia perennis theo từ ngữ các học giả nói trên.
- [27] La religion n'est pas pour les ventres vides (Vie de Vivekananda, I, p. 34).
- [28] J'ai voyagé par toute l'Inde, et c'a été pour moi une torture de voir la pauvreté et la misère terribles des masses. Je ne puis retenir mes larmes. C'est à présent ma ferme conviction qu'il est inutile de prêcher aux malheureux la religion, sans soulager leur pauvreté et leurs souffrances (Ibid., 38).
- [29] Une Religion qui nous donne la foi en nous et le respect des autres, le pouvoir de nourrir les affamés, de vaincre la misère, de relever les masses. Si vous voulez trouver Dieu, servez l'homme (Ibid., 18).
- [30] Ainsi tout ce que vous désirez que les autres fassent pour vous faites-le vous mêmes pour eux. Voilà la Loi et les Prophètes. (Matthieu 7, 12. – Luc 6, 31).
- [31] Do not unto others that which is hateful to you. This is the whole of the Law, all the rest is commentary. (Rabbi Hillel, Talmud) (Xem Joseph Gaer, The Wisdom of the Living Religions, 161).
- [32] Confucius was asked: «Is there one word that sums up the basis of all good conduct?» All, he replied, «Is not reciprocity, that word? What you yourself do not desire, do not put before others.» (Analects XV, 23; XII, 2) (Trung Dung XIII).
- [33] Ne fais pas aux autres ce que tu ne voudrais pas qu'on te fit; et souhaite aux autres ce que tu désires le plus ardemment toi-même. C'est là l'essence du Dharma. Retiens-le bien. Mahabharata. (B. L. Atreya, Aspects de la Culture Indienne apud Originalité des Cultures, p. 158).
- [34] Trung Dung, ch. 31; Đạo Đức kinh, ch. 68.
- [35] Nous nous rencontrons quand nous serons arrivés. (La vie de Vivekananda II, p. 112).
- [36] A. Powell Davies, The Meaning of the Dead sea scroll, p. 131.
- [37] Cf. La vie de Vivekananda, I, p. 124-125.
- [38] Tout s'explique en la vie religieuse dès qu'on voit dans sentiment religieux le sentiment de l'Infini,

dans la religion un lien établi entre le fini et l'infini.

Pour Schelling (1775-1854) «La religion est l'unité absolue de notre être et de l'Être».

Pour Max Müller (1823-1900), la religion est «un effort pour concevoir l'inconcevable, pour exprimer l'inexprimable, une aspiration vers l'Infini.» (Félicien Challaye, Petite histoire des grandes religions, p. 266-267).

[39] Xem Lecomte du Noüy và Học thuyết Viễn đich của tác giả, tr. 299.

[40] Quel que soit le chemin que vous suiviez, le point vital est le désir ardent de la vérité. Dieu connaît les secrets de votre coeur; et il importe peu vous preniez le mauvais chemin; il faut seulement que vous ayez la sincérité. Lui-même vous ramènera dans le bon chemin ... On sait bien qu'aucun chemin n'est sans erreur. Chacun croit que sa montre va bien; mais en fait, personne n'a l'heure exacte. Cela n'empêche pas de travailler ... (Vie de Ramakrishna, p. 645).

[41] Sur la voie de tels rapprochements entre les plus hautes aspirations humaines, l'humanité pourrait accomplir de merveilleux progrès. Peut-être est-ce un aussi sublime avenir que prophétise la grand indou Rabindranath Tagore (1861-1941) lorsqu'il écrit empruntant aux Oupanishads une mystérieuse formule: «L'Infinie Personnalité de l'homme ne peut être accomplie que dans une grandiose harmonie de toutes les races humaines...» (Félicien Challaye, Petite Histoire des grandes Religions, p. 277).

» [mục lục](#) | [tựa](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) | [sách tham khảo](#)

HƯƠNG TINH THÂN

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» mục lục | tựa | chương [1](#) [2](#) **3** [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) | sách tham khảo

chương 3

QUAN NIỆM TAM TÀI VÀ LƯƠNG NGUYÊN VỚI KHOA TÔN GIÁO ĐỐI CHIẾU

I. QUAN NIỆM TAM TÀI (Conception tripartite de l'homme)

II. QUAN NIỆM LƯƠNG NGUYÊN (théorie dualiste de l'homme)

III. HỆ QUẢ CỦA HAI QUAN NIỆM TRÊN ĐỐI VỚI ĐẠO GIÁO

Muốn hiểu về đạo giáo, trước hết phải hiểu về con người cho thấu đáo.

Trên cửa thành Delphes đã có ghi: «Gnohti seauton» (Hãy biết mình). Câu đó sau này đã được Socrate lấy làm phương châm.

Con người thực ra là một cái gì kỳ bí. Chẳng thế mà khi Alexis Carrel viết một quyển sách nói về con người, ông đã lấy nhan đề là «Con người, kẻ xa lạ ấy». Cũng vì vậy mà những nhận định về con người xưa nay rất là khác nhau tùy nơi và tùy người.

Người thì cho rằng con người gồm có ba phần: Thần, Hồn, Xác. Đó là quan niệm tam tài.

Người thì cho rằng con người chỉ có xác và hồn. Đó là quan niệm lưỡng nguyên.

Chúng ta sẽ lần lượt học hỏi về hai quan niệm này và ảnh hưởng của chúng trên phương diện đạo giáo.

I. QUAN NIỆM TAM TÀI (Conception tripartite de l'homme)

Quan niệm tam tài rất phổ biến ở Á Châu. Các đạo giáo Á Châu đều chấp nhận quan niệm này. Con người gồm có:

Theo Khổng giáo: Xác, Tâm (Nhân tâm), Tính (Đạo tâm, Thiên địa chi tâm).

Theo Lão giáo: Xác (Tinh), Khí (Hồn), Thần.

Theo Phật giáo: Xác, Vọng tâm, Chân tâm.

Theo Ấn Độ giáo: Xác, Tiểu ngã (hồn), Đại ngã (Atman).

Trong hội nghị tôn giáo ở Lahore Pakistan, tháng 12, năm 1896, Ông Harzat Ahmad, đại diện chính thức Hồi giáo đã dùng thuyết Tam Tài để giải thích và toát lược thánh thư Coran. Ông cho rằng Coran chủ trương con người có bình diện:

– Bình diện thể chất hay Nafs-ammara.

– Bình diện tâm hồn hay Nafs-lawwama.

– Bình diện siêu nhiên hay Nafs-matmainnah.^[1]

Theo Papus,^[2] thì các triết gia huyền học hiện đại, khoa học huyền bí hiện đại, môn phái thần bí Allen Kardec, một số môn nhân Rose Croix, Cổ giáo Ai Cập, Mật giáo (Kaballe) Do Thái, Pythagore, Paracelse, và Thánh Paul cũng đều chủ trương thuyết Tam Tài về con người.

Môn phái Valentin (thành lập vào khoảng năm 140 do Valentin ở Alexandrie) cũng cho rằng con người có thể phân chia thành ba hạng:

- Phàm phu tục tử, xác đất, vật hèn (hyliques).
- Những người có nhân cách (les Psychiques).
- Những người có tiên cách (spirituels).^[3]

Quan niệm Tam Tài thực ra cũng được Thánh kinh công giáo chủ trương.

Quyển Con đường cứu rỗi của Charles Gerber, một tác giả thuộc giáo phái Cơ Đốc Phục lâm đã cho thấy:

- Chữ Thần được nhắc 827 lần trong Thánh kinh.
- Chữ Hồn được dùng 873 lần trong Thánh kinh.^[4]

Giáo phái «Chứng nhân của Jéhovah» sau khi lấy thánh kinh để chứng minh rằng nhân tâm hay hồn thường được chỉ bằng những từ ngữ Psyché (Hi Lạp) và Nephesh (Do Thái),^[5] còn dùng thánh kinh để minh chứng hùng hồn con người không bất tử.^[6]

Chữ Hồn và Thần đã được đề cập đến trong kinh Magnificat (Luc, I, 46, 47).^[7]

Quan niệm Tam Tài về con người đã được Thánh Paul chủ trương rất rõ ràng.

Trong Thánh thư I gửi cho dân Thessalonica, chương V, câu 23, ngài viết: «Ước gì toàn thân anh em: Thần, hồn, xác được giữ vẹn không chê trách được cho tới ngày Chúa Jésus Kitô chúng ta đến.»^[8]

Trong thánh thư gửi cho người thành Corinthe ngài phân biệt «con người tâm lý» (homme psychique) và «con người siêu nhiên» (homme spirituel).^[9]

Trong thư gửi cho người Do Thái ngài viết: «Vì lời Chúa sống động, linh nghiệm và sắc bén hơn bất kỳ gươm hai lưỡi nào, nó có thể thấu vào tới chỗ phân chia của hồn và thần.»^[10] Thiết tưởng không thể nói rõ hơn được.

Bản thánh kinh Jérusalem bình rằng đối với thánh Paul, thì «Psychê» (tiếng do Thái: Nephesh) chỉ nhân tâm. Nó cần phải nhường bước cho pneuma (thần) để con người có thể sống đời sống thần minh.^[11]

Averroès (1126–11980) – một triết gia Ả Rập ở Tây Ban Nha, một học giả Hồi giáo trứ danh đã từng bình giải các tác phẩm Aristote – cũng chủ trương rằng hồn con người có liên lạc mật thiết với khối óc, và sẽ chết theo khối óc, nhưng trong con người còn có Lý, trường sinh vĩnh cửu. Tu luyện Lý ấy, con người sẽ có thể kết hợp với «Lý sống động», với «Thần linh hoạt» phổ quát và vĩnh cửu.^[12]

Sự phân biệt con người thành «nhân» và «thần» cũng được thánh Augustin bàn phốt đến, khi ngài cho rằng Văn hóa thuộc về nhân đạo, Thánh thiện thuộc về Thiên đạo.^[13]

Các giáo phụ môn phái Alexandrie như Origène, Grégoire de Nysse áp dụng quan niệm Tam Tài để cắt nghĩa thánh kinh. Các ngài cho rằng thánh kinh có ba thứ nội dung:

- Nội dung xác chất đó là từ ngữ.

- Nội dung tâm hồn đó là nghĩa tâm lý.
- Nội dung tinh thần đó là nghĩa huyền học. [\[14\]](#)

Dante (1265– 1321) cũng công nhận thuyết tam tài về con người.

«Quan niệm Ông là một nền nhân bản coi vũ trụ là một toàn thể, và coi con người là nhân giới tiếp giáp giữa Thượng đế và vạn vật; là một thực thể duy nhất nhưng nối kết thế giới vật chất bằng ngũ quan, thế giới tư tưởng bằng tâm tư, và thế giới huyền vi bằng thần.» [\[15\]](#)

II. QUAN NIỆM LƯƠNG NGUYÊN (théorie dualiste de l'homme)

Thần học Công giáo không chấp nhận quan niệm tam tài về con người, mà chủ trương con người chỉ có hai phần: Hồn và xác.

- Hồn thì thiêng liêng, bất tử
- Xác thì tử vong.

– Nhưng khi còn sống hồn và xác kết hợp mật thiết với nhau thành một con người, và sau này khi tận thế và tới ngày phán xét chung, xác mọi người sẽ sống lại hợp với hồn để được thưởng hay chịu phạt đời đời.

Công đồng Latran IV (1215) và Vatican I (1869–1870) đã xác định con người chỉ có hai phần hồn và xác, và không chấp nhận quan niệm tam tài của Platon, của phái Gnostiques, của phái Manichéens, của phái Apollinaristes, v.v.

Công đồng chung thứ 8 họp tại Constantinople (869– 870) phi bác lý thuyết cho rằng con người có hai hồn, và đã xác định con người chỉ có một linh hồn biết nghĩa lý.

III. HỆ QUẢ CỦA HAI QUAN NIỆM TRÊN ĐỐI VỚI ĐẠO GIÁO

Vì tin rằng con người gồm đủ cả ba phần Trời Đất Người trong một thân, nên:

– Đối với các đại hiền triết Á đông, thì dưới lớp «nhân tâm», còn có «Thiên địa chi tâm» bao la huyền diệu, vĩnh cửu trường tồn, làm khuôn vàng thước ngọc huyền vi cho những hành động con người, làm tiêu chuẩn cho công trình tiến hóa con người.

– Thiên địa chi tâm huyền diệu, tinh hoa muôn thuở ấy là:

- . Atman (Đại Ngã) trong Ấn giáo.
- . Chân Như, Phật tính, Chân tâm, Bản lai diện mục trong Phật giáo.
- . Đạo hay Kim Đan trong Lão giáo.
- . Tính, Thiên tính, Minh đức hay Đạo tâm trong Khổng giáo.

– Thiên địa chi tâm trong con người đồng nhất với căn nguyên duy nhất ngoài đại vũ trụ, cho nên chính là Chân Như là Brahman là Trời, là Đạo.

– Như vậy, tâm hồn ta có hai phần: một phần thẳm sâu, ẩn áo, huyền vi và cao minh, linh diệu như Trời. Đó là bản thể, bản tính nhân loại hoàn thiện tuyệt đối, siêu xuất không gian, thời gian, hình thức, sắc tướng; một phần là ta, là tâm hồn ta, theo nghĩa thông tục, biến thiên, nhỏ nhoi, hèn mọn, đượm màu sắc không gian, thời gian, vẫn vướng trong hình thức, sắc tướng.

– Nói cách khác, tuy các đại hiền triết Á đông dùng danh từ khác nhau, nhưng chung qui, đều tin có

tuyệt đối thể, có Thượng đế ở đáy lòng.^[16] Cho nên mục phiêu các nhà triết học, các hiền thánh đông phương là cố tìm cho ra «Thiên địa chi tâm» tìm cho ra bản thể huyền diệu tâm hồn mình để cố vươn lên, cố thoát khỏi cái mình nhỏ nhoi, ti tiện, cố dùng mọi tiện nghi hoàn cảnh, cố dùng quang âm để hoàn thiện mình để phối hợp «nhất như» với «tuyệt đối thể» trong tâm khảm mình.^[17] Đó cũng chính là mục đích của các môn thiền định và Yoga.^[18]

– Đạt mục tiêu ấy sẽ thành Phật, thành tiên, thành thánh.

- . Đó là Niết Bàn (Nirvana)
- . Đó là Phối Thiên (Kết hợp với Trời)
- . Đó là «đắc Đạo» (Được Trời)

– Đạo giáo Á đông đều xây nền móng trên «tâm thần hằng cửu» nhân loại, nên chỉ chấp nhận một chân lý tuyệt đối bất khả tư nghị, ấy là bản thể tuyệt đối, ấy là chân tâm con người. Ngoài ra tất cả đều tương đối: Sách vở, phương pháp, các lời huấn dụ, giảng giáo chỉ là những phương tiện để đưa tới chân lý.

Quan niệm Tam Tài cũng giúp ta hiểu được những nhận định về con người của thánh Paul, cũng như những sự phân biệt về các tầng lớp trong con người mà ta thường thấy trong các thánh thư Ngài, hoặc trong Cựu ước.

Ví dụ:

- . Con người (Fils de l'homme) (phần Nhân)^[19]
- . Con Trời (Fils de Dieu) (Phần Thiên)^[20]
- . Thế nhân (Homme psychique)^[21]
- . Thiên Nhân (Homme spirituel)^[22]
- . Thế nhân hay phàm nhân thời tử vong.^[23]
- . Thiên nhân hay Thần nhân thời bất tử.^[24]

Quan niệm Tam Tài còn làm cho chúng ta thấu hiểu được duyên do các hiện tượng đạo giáo, chính trị, nhân văn, khoa học của loài người.

1. Con người vì có phần Thiên, nên bất kỳ dân tộc nào xưa nay cũng công nhận mình là dòng dõi thần minh, cũng coi các vị giáo chủ mình là Thần, Phật, Tiên, Thánh.

Jean Danielou viết: «Ngay trong khi thờ phượng, con người đã tỏ ra khả năng tự vượt, tự thắng, tự lập; trong khi tìm hiểu về mầu nhiệm Thượng đế, con người mới tìm thấy chân tướng mình.»^[25]

Vì con người có phần thiên, phần thần, nên mọi dân tộc xưa nay mới trọng vọng giá trị con người, coi con người trọng hơn vũ trụ bên ngoài, tin rằng con người có thể đi đến chỗ bất tử, trường sinh, vĩnh cửu.

Các vị chân nhân đã linh giác được rằng trong mình có Trời ẩn áo, nên mới dám nói:

«Ta và trời đất cùng sinh,

Ta và muôn vật sự tình chẳng hai.»^[26]

Hoặc: «Trời và người vốn là một.»^[27]

Hoặc: «Tính trời tức là con người.»^[28]

– Vì có phần Thiên, nên con người mới mong tu luyện để «Phối Thiên»,^[29] kết hợp làm một với Trời,^[30] trường sinh vĩnh cửu cùng trời đất.^[31]

2. Con người vì có phần Nhân, nên ta mới thấy xưa nay nhân loại đã cố đề cao một nền văn hóa nhân bản, đề cao luân lý, đề cao văn chương nghệ thuật, đề cao nhân phẩm con người, và muốn cho con người sống thanh cao, hạnh phúc trong một cộng đồng văn minh, tiến bộ, đoàn kết thương yêu. Đó cũng chính là những mục đích luân lý, xã hội của các đạo giáo.

3. Con người vì có phần địa, phần xác, nên mới luôn lo canh tác đất đai, áp dụng khoa học kỹ thuật để cải thiện các điều kiện kinh tế, sản xuất v.v... Vì có phần địa, phần xác nên trong lời kinh nguyện con người luôn luôn xin cho đủ ăn, đủ mặc, được mạnh khỏe, khỏi cơ cực v.v...

Ba phần ấy xác định toàn thể con người.

– Phần Thiên, phần Thần thì ở thẳm sâu trong đáy lòng con người, và mang nhiều danh hiệu như Chân tâm, Hư vô, Tuyệt đối, Brahman, Atman, Logos v.v... Chỉ những bậc hiền thánh mới đạt được tới tầng sâu con người và mới thực sự được giải thoát.

– Phần nhân là phần được các đạo giáo, các triết gia, luân lý gia, chính trị gia, văn nghệ sĩ khai thác nhiều nhất, mục đích là làm sao cho mọi người có được một đời sống hạnh phúc, sung sướng, xứng đáng với danh nghĩa con người.

– Phần địa, phần xác là phần được các khoa học gia, kỹ thuật gia hết sức chú trọng, khai thác nhất là từ hơn một thế kỷ nay.

Theo J. Laloup, thì Ấn Độ đã tìm hiểu sâu xa về Trời, Trung Hoa đã nghiên cứu kỹ lưỡng về nhân luân, Âu Châu tỏ ra xuất sắc về sự tìm hiểu và sự chinh phục thế giới vật chất.^[32]

– Thần học Công giáo không chấp nhận thuyết tam tài với chủ trương Trời chẳng xa người, và Trời đã tiềm ẩn trong lòng con người.

Nhưng đạo Công giáo đã có công rất nhiều trên phương diện thực tế vì đã làm cho Thượng đế trở nên gần gũi với con người bằng phép Thánh thể.

Thánh Pierre nói tin đạo tức là dễ có thể thông phần bản tính Thiên Chúa.^[33]

Thánh Paul khuyên: «Anh em hãy ngợi khen Thiên Chúa và mang Thiên Chúa trong mình anh em.»^[34]

Tóm lại bất kỳ ở Á hay Âu, người thường nhân chẳng bao giờ tin được rằng Thượng đế có thể gần gũi con người. Còn các bậc thánh hiền thì đều tin rằng Thượng đế chẳng ở đâu xa mà đã ngự ngay trong tâm thần con người, và lòng con người chính là đền thờ Thiên Chúa.^[35]

CHÚ THÍCH

^[1] cf. Harzat Ahmad, The philosophy of the Teachings of Islam, 1959, p. 19.

^[2] Xem Papus, ABC illustré de l'Occultisme, tr. 196.

^[3] Cette trinité est assez proche de celle établie par le Valentinisme: les hyliques sont enracinés dans la matière, les psychiques doués de libre-arbitre et les spirituels destinés à devenir anges, archanges etc... (Serge Hutin, Les Gnostiques, Ed. P.U.F., p. 79). Il est évident que les hyliques n'ont aucune idée de ce que sont les psychiques qui à leur tour, ne peuvent concevoir les spirituels qu'en se métamorphosant en eux. Au contraire les spirituels voient clairement tout le système: il n'y

a pas de connaissance ascendante possible, mais il y a un regard descendant. (Critique 173, Octobre, 1961. La Mystique byzantine, p.869. – Dictionnaire des Religions par E. Royston, Pike, p. 134).

[4] Cơ đốc Phục lâm là một giáo phái thành lập năm 1862.

L'esprit (Ruah en hébreu, pneuma en grec, mot qui se rencontre 827 dans la Bible) c'est le souffle de vie qui est communiqué par Dieu... L'âme (Néphesch en hébreu, psuché en grec, mot mentionné 873 fois dans la Bible), désigne avant tout la vie individualisée, la vie passagère... (Charles Gerber, Le chemin du salut, chapitre: L'homme est-il immortel?).

[5] En poursuivant l'examen des écritures, on s'aperçoit que dans la version de Louis Segond et le mot «âme» est employé pour traduire le mot hébreu Néphesh et le mot grec Psyché. Le mot néphesh se rencontre 745 fois dans les écritures hébraïques, tandis que le mot psyché apparaît 102 dans les Écritures grecques ... (Que Dieu soit reconnu pour vrai, p. 74).

[6] Il n'existe pas un seul texte biblique disant que l'âme humaine est immortelle. (Ib. 74).

– Cf. Ezéchiél 18,4: L'âme qui pèche, c'est celle qui mourra.

– Cf. Isaie 53, 10-12: C'est pourquoi je lui assignerai une part avec les grands ... parce qu'il aura livré son âme à la mort.

(La Sainte Bible par J. N. Darby).

Vulgate d'ich: Pro eo quod tradidit in mortem animam suam.

– Cf. L'Écclésiastique 17, 30: Puisque le fils de l'homme n'est pas immortel.

[7] Magnificat anima mea Dominum, et exaltavit spiritus meus in Deo salutari meo. (Linh hồn tôi ngợi Chúa chí tôn, Thần trí tôi mừng đấng cứu chuộc).

[8] I, Thessaloniens, V, 23.

[9] L'homme psychique n'accueille pas ce qui est de l'Esprit de Dieu c'est folie pour lui et il ne peut le connaître, car c'est par l'Esprit qu'on en juge. L'homme spirituel au contraire juge de tout et relève lui-même du jugement de personne. (I Corinthiens, 2, 14, 15).

[10] – Hébreux, IV, 12.

– Trong phúc âm Matthieu, chúa mắng thánh Phêrô vì không có tư tưởng của Thiên chúa mà có tư tưởng của nhân loại (Mat. 16, 23).

– Cũng trong Phúc âm Matthieu đoạn 22 câu 37 Chúa phán: «Hãy mến Đức Chúa Trời, chúa người, hết tâm, hết hồn, hết thần người.»

(Tu aimeras le Seigneur ton Dieu de tout ton coeur, de toute ton âme, et de tout ton esprit).

– Trong thánh thư của thánh Jude, cũng thấy viết: «Cuối cùng sẽ có những kẻ ngạo nghễ, đi theo con đường tà dục bất lương. Chính họ, những kẻ phạm nhân ấy, là những người gây rối: họ không có thần.» (A la fin du temps, il y aura des moqueurs, marchant selon leurs convoitises impies. Ce sont eux qui créent des divisions, ces être psychiques qui n'ont pas d'esprit).

[11] Paur Paul comme pour la tradition biblique, la psychê (hébreux: néphesh, (cf. Gn. 2, 7) est le principe vital qui anime le corps humain, I Cor. 15, 45. Elle est sa «vie» (Romains 16, 4; Ph. 2, 30; I Thess. 2, 9; cf. Mt. 2, 20; Mc. 3, 4; Lus. 12, 20; Jn. 10, 11; Ac. 20, 10 etc ... son âme vivante, 2 Co. I, 23 et peut servir à désigner tout homme, Rm. 2, 9; 13, I; 2 Co. 12, 15, Ac. 2, 41-43 etc ... Mais elle

reste un principe naturel, I co. 2, 14, cf. Jude 19, qui doit s'effacer devant le pneuma pour que l'homme retrouve la vie divine. (Bible de Jérusalem, p. 1525 note a).

[12] Averroès (1126-1198), nom latinisé d'Ibn Rochd, philosophe arabe d'Espagne, penseur musulman dont les Commentaires sur Aristote étaient tellement estimés par les Scolastiques qu'ils le désignaient comme le «Commentateur» par excellence. Il naquit à Cordoue, à l'époque où celle-ci étaient une cité maure, et occupa un poste important au Maroc, à la cour du Khalife.

Il pensait que l'âme humaine est étroitement associée avec le cerveau, et meurt avec cet organe, mais qu'il existe en l'homme une Raison, principe doté d'immortalité: en cultivant ce principe, on peut s'unir à la «Raison active» à l'Intellect agent «universel et éternel ...»

Il exista, au Moyen-Âge et à l'époque postérieure, un courant averroïste, celui des théologiens qui à l'exemple de Siger de Brabant, adoptèrent la théorie aristotélicienne, exposée par Avéroès de «l'Intellect agent» (d'où la négation de l'immortalité de l'âme individuelle) (E. Royston Pike, Dictionnaire des Religions, p. 34).

[13] Pour l'évêque d'Hippone, l'âme comprend sept degrés. Les deux premiers sont communs aux végétaux et aux êtres animés; le troisième degré au contraire est propre à l'homme: il lui permet de jouir de la culture humaine. Avant de parvenir au septième degré qui est celui de la contemplation de la vérité et donc de la sainteté, l'âme doit avoir accompli tout un voyage à travers la création. Il faut être devenu entièrement homme par esprit, avant d'espérer connaître la paix et la joie célestes (Critique, Octobre, 1961, no 173, Mystique byzantine, p. 863).

[14] L'École d'Alexandrie (Origène, Grégoire de Nysse) appliqua une méthode allégorique. Selon ses derniers, le contenu des écritures est triple. Il se partage en contenu charnel, donné par la lettre du texte, le contenu moral donné par le sens psychologique; le contenu spirituel donné par le sens mystique. (Ib. 869).

[15] The result, as Dante, a leading scholar puts it, is a «humanism» that can accept the Cosmos as a whole, and yet see in Man the horizon between God and Nature, a being utterly one and yet linked by his sense to the world of matter, by his mind to the world of thoughts and by his spirit to the world of Mystery. (The cultural approach to history, p.210).

[16] Il est inutile de lever les yeux vers le ciel pour trouver Dieu. Il est en nous, comme le «maître intérieur» (Antaryâmin) ou le «soi intérieur» (Antarâtma) (Arthur Avalon, La puissance du serpent, p. 56).

[17] Aucun Yogi ne cherche «le Ciel» mais l'union avec ce qui est la Source de tous les mondes (Arthur Avalon, La Puissance du serpent, p.18).

[18] Le mot Yoga vient du sanscrit Yog qui signifie «union», «contact»... Il est lié à cet enseignement dont le but ... est de réaliser l'union de l'être humain avec le divin qui réside en lui (Louis Chochod, Occultisme et Magie en Extrême Orient, p.187).

[19] Cf. L'Écclésiastique, 17, 30.

[20] Jean Prologue, 12. - Galates 4, 6-7. - Galates 3, 26.

[21] I, Cor. 2, 14. - I, Cor. 15, 14. - I, Cor. 15, 45-49.

[22] I, Cor. 2, 15. - I, Cor. 15, 44. - I, Cor. 15, 45-49. - Thần nhân cũng còn được gọi là con người mới (Éphésiens, 4, 24).

[23] Ecclésiastique, 17, 30. - I, Cor. 15, 53.

[24] I, Cor. 15, 53.

[25] «C'est dans l'adoration que l'homme manifeste son aptitude à se dépasser et à s'accomplir; en s'ouvrant au mystère de Dieu, il prend sa véritable nature.» (Jean Daniélou).

(J. La loup et J. Nélis, Culture et Civilisation, p.88)

[26] Thiên địa dữ ngã tịnh sinh, nhi vạn vật dữ ngã vi nhất. 天地與我並生，而萬物與我為一 (Nam Hoa kinh, Tề vật luận, E)

[27] Nhân Thiên bản tự vô sai biệt 人天本自無差別 (Đại đồng chân kinh, tr. 5, quyển Thượng)

[28] Thiên tính nhân dã, nhân tâm cơ dã; lập Thiên chi đạo dĩ định nhân dã 天性人也, 人心機也; 立天之道以定人也 (Âm Phù kinh)

[29] Thị vị phối thiên cổ chi cực 是謂配天古之極. Lão tử Đạo đức kinh, chương 68.

[30] Thánh nhân thành nhất chi ư Thiên. Thiên tức thánh nhân, thánh nhân tức Thiên. 聖人成一之於天. 天即聖人, 聖人即天. (Trình Thị kinh thuyết, VIII, tr. 5b).

[31] Alors que la philosophie grecque attendait une survie immortelle de l'âme supérieur (nous), enfin affranchie du corps, le Christianisme ne conçoit l'immortalité que dans la résurrection intégrale de l'homme, c'est-à-dire la résurrection du corps par l'Esprit, principe divin que Dieu a retiré de l'homme à la suite du péché Gn, 6, 3 et qu'il lui rend par l'union au Christ ressuscité Rm 14; 8, 11, homme céleste et Esprit vivifiant I Co. 15, 45-49. De «psychique» le corps devient alors «pneumatique», incorruptible, immortel, I Co. 15, 53, glorieux, I Co. 15, 43; cf. Rm. 8, 18; 2 Co. 4, 17; Ph. 3, 21; Col. 3, 4. Affranchi des lois de la matière terrestre, Jn. 20, 19, 26, et de ses apparences, Lc. 24, 16.

(Bible de Jérusalem, p. 1525 note a).

[32] Jean Laloup et J. Nélis, Culture et Civilisation, p. 140.

[33] II Pierre, I, 4.

[34] I Cor. 7, 20.

[35] I. Cor. 3, 16.

» [mục lục](#) | [tựa](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) | [sách tham khảo](#)

HƯƠNG TINH THÂN

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» mục lục | tựa | chương [1](#) [2](#) [3](#) **4** [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) | sách tham khảo

chương 4

CÁC TẦNG LỚP TRONG CON NGƯỜI VỚI KHOA TÔN GIÁO ĐỐI CHIẾU

Trong chương trước chúng ta đã bàn về quan niệm tam tài và lưỡng nguyên về con người. Chúng ta đã cho ta thấy một cách khái quát giá trị và ý nghĩa các đạo giáo.

Tuy nhiên, những hiện tượng đạo giáo đối với ta hãy còn hết sức phức tạp. Chúng ta phải tìm thêm ít nhiều tiêu chuẩn nữa để mọi sự trở nên sáng tỏ hơn.

Chúng ta sẽ phân tách con người thành nhiều bình diện hơn. Sự phân tách của chúng ta chỉ có mục đích nghiên cứu, tháo gỡ và phân loại các hiện tượng đạo giáo.

Sự phân tách con người thành ít hay nhiều bình diện cũng không thành vấn đề. Điều cần thiết là làm sao chúng ta trông nhìn được tinh tế, thấu triệt.

Xưa thánh Augustin cũng đã phân tâm hồn con người thành ra 7 tầng cấp. Hai tầng cấp đầu tiên giống như cây cỏ, muông thú. Tầng cấp thứ ba là tầng cấp con người. Trước khi lên đến tầng cấp thứ 7, là tầng cấp chiêm ngưỡng chân lý, hay là tầng cấp thánh thiên, tâm hồn con người phải thực hiện cả một cuộc hành trình qua tạo vật. Con người phải hoàn toàn trở thành con người bằng thần trí, rồi mới mong được hưởng sự bình yên và lạc thú thiên quốc.^[1]

Như vậy, nếu nay chúng ta chia con người thành nhiều tầng lớp, để lấy đó là tiêu chuẩn, làm cứ địa mà khảo sát các đạo giáo, thì không có gì là trái lý cả.

Phân tách con người thành nhiều tầng lớp với những loại hiện tượng đạo giáo khác nhau, với những công dụng, những giá trị khác nhau, sẽ giúp ta mở rộng quan niệm chúng ta về con người.

Thiết tưởng không thể quan niệm một cách hẹp hòi rằng con người chỉ nguyên có hồn, có xác, mà phải quan niệm con người có đủ trời đất, người trong thân. Phía trong thì liên kết với Thượng đế, với thần linh, quốc gia, xã hội, hoàn cảnh, không gian và thời gian. Mọi biến cố bên trong hay bên ngoài con người đều có ảnh hưởng đến con người. Như vậy con người là tất cả.

Dựa vào Nho giáo, vào Dịch kinh và các học thuyết đông tây, ta có thể vẽ lại con người với các tầng lớp nó như sau:

NGƯỜI:

.**Tính** (Logos)
 .**Khí** (Esprit)
 .**Tâm** (Psyché)
 .**Trí** (Mental)
 .**Xác** (Corps)
 .**Gia đình, xã hội** (Famille, société)
 .**Hoàn cảnh vật chất, bách nghệ**
 (Milieu physique, métiers et arts)

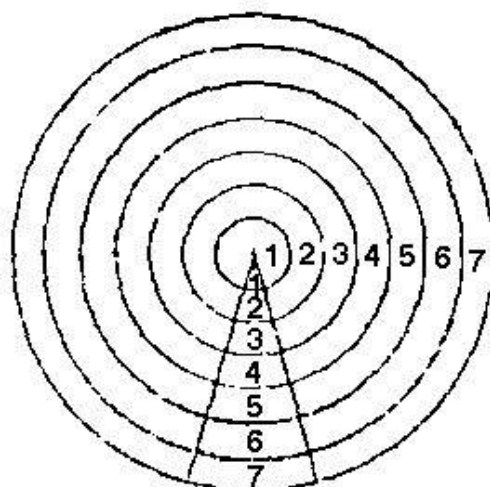
Phân tách con người thành nhiều bình diện khác nhau, ta thấy ngay rằng đạo giáo cũng có nhiều bình diện, nhiều loại hiện tượng tương ứng với những bình diện ấy.

Ta cũng nhận định được rằng đạo giáo tuy là một nhưng vẫn có thể phân chia thành nhiều tầng cấp cao thấp, tinh thô hết sức khác nhau.

Vả lại ta cũng nhận định thêm được rằng đạo giáo không phải do một người sáng lập, mà do muôn ngàn người đã đóng góp công phu, trong số đó có đủ mọi hạng người, từ vị giáo chủ, cho tới các môn đệ, cho tới hàng giáo phẩm, cho tới các học giả, các văn nhân, thi sĩ, nghệ sĩ, cuối cùng là quần chúng. Vì thế dĩ nhiên là đạo có nhiều sắc thái, nhiều trình độ để có thể thích ứng với mọi hạng người. Phạm phu, tục tử một sớm một chiều cũng có thể theo đạo, hành đạo, mà thánh hiền để suốt đời tìm hiểu, vẫn thấy đạo là cao siêu, khó biết, khó theo.

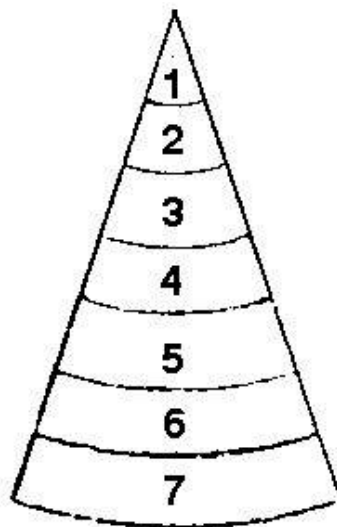
Sự phân tích trên còn cho ta thấy đạo giáo nào cũng có những lễ nghi hình thức bên ngoài, cũng có một số giáo lý, cũng có những giới răn, giới luật, cũng muốn đem lại cho con người một đời sống thanh sáng, cũng muốn đưa con người đến chỗ rốt ráo, tinh hoa, trở thành thánh thần. Thế là trong cái khác nhau về hiện tượng, chúng ta đã tìm thấy cái giống nhau của khuôn khổ, của căn cơ.

Ít nhiều đồ bản sau đây giúp ta hiểu rõ hơn những điều vừa mới trình bày ở trên.



1. **Tính** (Logos)
2. **Khí** (Esprit)
3. **Tâm** (Psyché)
4. **Trí** (Mental)
5. **Xác** (Corps)
6. **Gia đình, xã hội**
(Famille et société)
7. **Hoàn cảnh vật chất**
(milieu physique)

1. **Tính** (Logos)
2. **Khí** (Esprit)
3. **Tâm** (Psyché)
4. **Trí** (Mental)
5. **Xác** (Corps)
6. **Gia đình, xã hội**
(Famille et société)
7. **Hoàn cảnh vật chất**
(milieu physique)



1. **Huyền đồng, phiê Thiên**
(Mysticisme)
2. **Đời sống nghệ thuật**
(Esthétique et grâce)
3. **Luân lý và giới luật**
(Moral et ascèse)
4. **Giáo lý** (Dogme)
5. **Lễ nghi, hình thức**
(Rites, Cérémonies)
6. **Đoàn thể đạo giáo**
7. **Nghề nghiệp có tính chất tôn giáo** (sách vở, ảnh tượng v.v.)

1	Tính	Huyền đồng	Thánh	Phật
2	Khí	Sống nghệ thuật	Hiền	Bồ tát
3	Tâm	Luân lý, giới luật	Quân tử	La hán
4	Trí	Giáo lý	Sĩ	Duyên giác
5	Xác	Lễ nghi	Phàm phu	Thanh văn
6	Gia đình xã hội	Đoàn thể đạo giáo		
7	Hoàn cảnh vật chất	Nghề nghiệp có tính chất đạo giáo		

Mỗi tầng lớp con người, mỗi một loại hiện tượng đều có thể thu hút cả đời sống con người, và tùy theo hoạt động ở bình diện nào, con người sẽ có một bộ mặt khác, một vai trò khác, một lễ lối sống khác, một tầm mắt khác.

Cho nên ta đừng tưởng con người đều sống chung trong một thế giới, mà thực ra phải quan niệm họ sống trong nhiều thế giới khác nhau, có những tâm tư khác nhau, những sở thích khác nhau, những hoạt động khác nhau, tùy như họ đang sống trên bình diện nào, đang trút hết cả tâm thần ý chí vào loại hiện tượng nào.

Cũng vì thế mà mỗi đạo giáo đều có nhiều phương diện để thích ứng với mọi người.

Đối với phàm phu, tục tử, thì bày ra lễ nghi, chuông trống, đàn sáo, hương hoa bên ngoài. Cho hạng sĩ tử thì trưng ra một số lý thuyết, một số giáo lý, xếp đặt sao cho thành một hệ thống mạch lạc. Cho hạng người muốn tu tâm, thì đưa ra một nền luân lý hay những nếp sống khổ hạnh tu trì. Nhiệm vụ của các giáo hội đến đây là chấm dứt...

Tiến sâu hơn nữa, tiến cao hơn nữa là thuộc phạm vi mỗi cá nhân. Con người còn có thể biến đời sống mình thành bài thơ, thành khúc nhạc, thành một nghệ phẩm (Esthétique, grâce).

Nhưng con người còn có thể tiến hơn được nữa, tiến tới tuyệt đỉnh, tuyệt đích, tiến tới hoàn thiện, tiến tới chỗ kết hợp với Thượng đế, [2] tìm ra thanh bình trong hỗn loạn, tìm được vĩnh cửu giữa mọi biến thiên, tìm được sự hiệp hòa trong chia rẽ. Người xưa gọi thế là các bậc chân nhân, chí nhân vì đã đạt được mục đích của đời sống, đạt được lý tưởng của con người.

Ta có thể mượn tạm lời Trang Tử trong chương Ứng Đế Vương của Nam Hoa Kinh mà mô tả những bậc chân nhân, chí nhân ấy như sau:

Chân nhân rũ bỏ phù hoa, [3]

Vui trong Đạo cả cao xa tuyệt vời. [4]

Sống trong Vị Thủy chơi vơi, [5]

Cưỡi chim khinh khoáng, bay ngoài lục hư.

Làng Vô hà hữu ngao du, [6]

Sống trong «Vô hữu» lặng tờ tịch liêu. [7]

Vô vi như thể Trời cao,

Vô vi trác tuyệt nói sao cho cùng.

Bao trùm vô tận tinh không,

Mịt mù tông tích ai lòng cho ra.^[8]

Tâm hồn gương sáng, sáng lò,

Chiếu soi muôn vật đâu là riêng tây.^[9]

Các ngài như Quảng Thành Tử tuy còn ở trần gian mà vẫn sống trên thượng giới:

Kìa xem vạn vật vân vi,

Rồi ra tro bụi trở về bụi tro.

Thôi ở lại ta vô cùng cực,

Cửa vô cùng ta sắp vô chơi.

Cánh đồng vô tận chơi với,

Ta cùng nhật nguyệt sáng ngời hào quang.

Cùng trời đất miên man sống mãi,

Mặc cho đời phải trái cạnh tranh.

Mặc người tử tử, sinh sinh,

Ta nay muôn kiếp siêu linh, trường tồn.^[10]

Nhưng những hạng người trên đây, thường bị xã hội đương thời phản đối hay hãm hại,^[11] một là vì tư tưởng các ngài quá cao siêu phóng khoáng, thoát ra mọi khuôn khổ chật hẹp thường dùng để giam giữ phạm nhân, hai là vì các ngài dùng những từ ngữ siêu phàm, xưng mình là Thiên tử, Thiên sứ, ba là vì các ngài đưa ra đường lối ngược với thế nhân, dạy người tìm nước Trời trong thâm tâm, như vậy là mặc nhiên phủ nhận giá trị của những tổ chức đạo giáo hiện hữu bên ngoài, bốn là vì các ngài chủ trương con người có thể phối hợp hòa đồng với Thượng đế, đó là một điều mà chúng nhân cho là ngạo mạn, phạm thượng... hay ít ra cũng là điên cuồng vu khoát...

Nhưng thực ra các ngài không phủ nhận giá trị các tổ chức hiện hữu, mà chỉ muốn đem hoàn thiện tới cho nhân loại. Các ngài xây dựng cho thêm hoàn toàn chứ không phá bỏ.

Mục đích các Ngài là mở đường, dẫn lối cho hiền nhân quân tử muôn thế hệ biết rõ các nấc thang giá trị, biết rõ đầu đuôi gốc ngọn của cuộc đời, để đỡ lần mò vất vả.

Nói cách khác, các vị sáng lập đạo, đều đã sống trong sự hòa đồng cùng Thượng đế, cố chỉ vẽ cho nhân loại điểm phúc tuyệt đối ấy, nhưng vì điều đó huyền vi ẩn áo, nên ít người thấu hiểu được. Vì thế ta thấy liên tiếp nhau trong thời gian những nếp sống đạo giáo mới xuất hiện.

Hoặc là nghệ thuật (Esthétique, grâce).

Hoặc là tu trì nhật nhiệm, luân lý, kỷ luật (Ascèse, morale et règles)

Hoặc là tôn sùng lý thuyết, giáo lý (dogmatisme)

Hoặc là tôn sùng hình thức lễ nghi bên ngoài (formalisme).

Đi từ Huyền đồng dần xuống lễ nghi hình thức là càng ngày càng tiến ra bên ngoài, càng ngày càng xuống thấp, mà càng xuống thấp thì càng dễ phổ cập vào đại chúng. Nhưng khi đã phổ cập được tới đại chúng, thì tinh hoa đạo lý đã mất, mà chỉ còn phảng phất lại chút dư hương, chỉ còn le lói một chút sáng thừa của vầng dương đã bị mây mù che lấp hết. Càng lạc lõng vào hiện tượng, càng lạc mất bản thể, mà

khi con người đã bị hoàn cảnh, thô miên, đã bị trào lưu lối cuốn thì sao còn sáng suốt mà nhận định, sao còn tự chủ mà tìm được đúng hướng đi?

Lão Tử viết:

Hễ Đạo^[12] mất, nặng tình với Đức,^[13]

Đức không còn, lục tục theo Nhân.^[14]

Hết Nhân, có Nghĩa theo chân,^[15]

Nghĩa không còn nữa, thất thuần Lễ Nghi.^[16]

Nên Nghi Lễ là chi khinh bạc,

Cũng là mằm loạn lạc chia ly,

Bề ngoài rục rở uy nghi,

Bề trong tằm tối, ngu si, ngỗ ngàng.

Nên quân tử chỉ ham đầy đặn,

Chứ không ưa hào nháng, phong phanh

Chỉ cần thực chất cho tinh,

Chẳng còn bóng bẩy, lung linh bên ngoài.

Bắc cần khinh trọng cho tài,

Biết đường ôm ấp, biết bài dễ đuôi.^[17]

Đứng trên bình diện hiện tượng và bình tâm mà xét, thì đạo giáo nào cũng có bấy nhiêu tầng cấp, bấy nhiêu phương diện, bấy nhiêu giai đoạn lịch sử. Từ hình thức lễ nghi, giáo lý^[18] mà xét, thì đạo nào cũng Hán Sở chia phôi, Đông Tây cách trở; từ tinh hoa thuần túy mà trông, thì thấy bốn bề đều vang lên một Nhã ca đồng nhất.

Cho nên cái hay của con người không phải là ở chỗ theo đạo này hay theo đạo kia,^[19] mà chính là ở chỗ biết phân biệt cái chính cái tùy của mỗi đạo, cái tinh cái thô của mỗi đạo, các lớp lang, tầng cấp của mỗi đạo, để biết đường tiến lên, tiến mãi tới Thượng đế, cố gắng cho tâm thần mình ngày thêm rục rở đượm muôn ánh hào quang, sống phiêu diêu, khinh khoáng, giữa trần cấu cuộc đời, mở rộng tâm hồn để chứa đựng muôn phương, thấu tóm hết tinh hoa trời đất, không gian, và thời gian vào tất dạ.

CHÚ THÍCH

[1] Pour l'évêque d'Hippone, l'âme comprend sept degrés. Les deux premières sont communs aux végétaux et aux êtres animés; le troisième degré au contraire est propre à l'homme: il lui permet de jouir de la culture humaine. Avant de parvenir au septième degré qui est celui de la contemplation de la vérité et donc de la sainteté, l'âme doit avoir accompli tout un voyage à travers la création. Il faut être devenu entièrement homme par esprit avant d'espérer connaître la paix et la joie céleste (Critique, Octobre 1961, No 173, Mystique byzantine, p. 210).

[2] Qui autem adhaeret Domino, unus spiritus est (Celui qui s'unit au Seigneur n'est avec lui qu'un seul esprit, I Cor., VI, 17 Bible de Jérusalem.

Celui qui s'approche de Dieu et s'attache à lui devient un même esprit avec Lui. (Sainte Thérèse, Le

Château de l'âme, Edition du Seuil).

- [3] Điều trác phục phác. 雕琢復朴.
- [4] Thể tận vô cùng, nhi du vô trẫm. 體盡無窮而遊無朕.
- [5] Tự dĩ vi vị thủy học nhi qui. 自以為未始學而歸.
- [6] Thừa phù mãng diêu chi diêu, dĩ xuất lục cực chi ngoại, nhi du vô hà hữu chi hương. 乘夫莽眇之鳥, 以出六極之外, 而遊無何有之鄉.
- [7] Lập hồ bất trắc nhi du ư vô hữu giả dã. 立乎不測而遊於無有者也.
- [8] Vô vi danh thi, vô vi mưu phủ, vô vi sự nhiệm, vô vi tri chủ, thể tận vô cùng nhi du vô trẫm. 無為名尸. 無為謀府. 無為事任. 無為知主. 體盡無窮而遊無朕.
- [9] Chí nhân chi dụng tâm nhược kính, bất tương, bất nghịch, ứng nhi bất tàng. 至人之用心若鏡, 不將, 不逆. 應而不藏.
- [10] cf. Nam Hoa Kinh, chương Tại Hựu, đoạn C: Kim phù bách xương, giai sinh ư thổ nhi phạn ư thổ; cố dư tương khứ nhữ, nhập vô cùng chi môn, dĩ du vô cực chi dã. Ngô dĩ nhật nguyệt tham quang. Ngô dĩ thiên địa vi thường. Đương ngã hân hồ, viễn ngã hân hồ. Nhân kỳ tận tử nhi ngã độc tồn hồ. 今夫百昌, 皆生於土而反於土. 故余將去女, 入無窮之門, 以遊無極之野. 吾與日月參光. 吾與天地為常. 當我縉乎, 遠我昏乎. 人其盡死而我獨存乎.
- [11] Điển hình nhất là vụ án Chúa Jésus Christ, và vụ án Al Hallâj bên phía Hồi giáo. Ông bị cầm tù từ năm 915 đến ngày 23-3-922 thì bị chặt chân tay, đóng đĩnh trên thập giá, sau cùng bị chặt đầu vì tội dám phối hợp lẫn lộn Trời người (confondre le divin et l'humain) gây hoang mang cho mọi người. (Cf. Henri Corbin, Histoire de la philosophie islamique, p. 277)
- [12] Mysticisme.
- [13] Esthétique, Grâce.
- [14] Morale.
- [15] Dogmatisme.
- [16] Formalisme.
- [17] Cố thất Đạo nhi hậu Đức, thất Đức nhi hậu Nhân, thất Nhân nhi hậu Nghĩa, thất Nghĩa nhi hậu Lễ, Phù Lễ giả, trung tín chi bạc, nhi loạn chi thủ. Tiền thức giả, Đạo chi hoa, nhi ngu chi thủy. Thị dĩ đại trượng phu xử kỳ hậu, bất cư kỳ bạc; xử kỳ thực, bất cư kỳ hoa. Cố khứ bỉ, thủ thử. 故失道而後德, 失德而後仁, 失仁而後義, 失義而後禮, 夫禮者忠信之薄, 而亂之首. 前識者, 道之華, 而愚之始. 是以大丈夫處其厚, 不居其薄; 處其實, 不居其華. 故去彼取此. Đạo Đức Kinh, ch.38.
- [18] Un dogme, c'est une cristallisation d'une pensée... Le dogme est une matérialisation et la matérialisation est un emprisonnement. Ce qu'il faut chercher, c'est l'essence, car seule l'essence est esprit. Cf. Illan de Casa Fuerte, La Religion essentielle, p. 17.
- [19] Cf. Camille Debret, La vie de Gandhi, p. 100.

... «Après une longue étude et une longue expérience, je suis venu à cette conclusion: toutes les religions sont vraies, toutes ont en elles quelque erreur. Toutes me sont aussi chères que mon propre Hindouisme. Ma vénération pour autres fois est la même que pour ma propre foi. Comment peut-on avoir une vraie fraternité, si on croit détenir une vérité supérieur?

Il ne faut pas dans ses prières dire à Dieu:

«Donne-lui la lumière que tu m'a donnée», mais donne lui toute la lumière et toute la vérité dont il a besoin pour son plus haut développement

(Bị chú: Chương này hầu hết đã được rút từ bộ Trung Dung Tân Khảo của tác giả, nơi chương Bản thể và Hiện tượng luận).

» [mục lục](#) | [tựa](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) **4** [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) | [sách tham khảo](#)

HƯƠNG TINH THÂN

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» [mục lục](#) | [tựa](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) **5** [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) | [sách tham khảo](#)

chương 5

NHỮNG QUAN NIỆM KHÁC BIỆT GIỮA ĐÔNG VÀ TÂY VỀ TÔN GIÁO

Đi tìm những quan niệm dị biệt giữa Đông và tây về tôn giáo cũng là một vấn đề quan hệ trong công cuộc tìm hiểu về đạo giáo. So sánh những tư tưởng đối chọi nhau sẽ làm chúng nổi bật hơn lên.

Tương cũng nên nhắc lại, các đạo bên Đông đại loại có:

- Ấn giáo
- Phật giáo
- Kỳ na giáo (Jainisme)
- Lão giáo
- Thần đạo (Shintoisme), v.v.

Các đạo bên Tây có:

- Do Thái giáo
- Thiên Chúa giáo
- Hồi giáo
- Bái hỏa giáo (Parsisme ou Zoroastrisme), v.v.

Glaser cho rằng rặng núi Hindou Kouch đã phân ranh giới cho các đạo bên Đông và các đạo bên Tây.^[1]

So sánh các đạo bên Đông và các đạo bên Tây, ta thấy ít nhiều khác biệt, đại loại như sau:

1. Trước tiên các đạo giáo Á đông nhìn thấy lẽ biến hằng chi phối hoàn vũ và con người.

Trong hoàn vũ, một bản thể duy nhất phát sinh ra muôn ngàn hiện tượng, phát sinh ra vạn hữu.

Bản thể duy nhất ấy là:

- Brahman (Ấn giáo)
- Chân Như (Phật)
- Đạo (Lão)
- Vô cực, Thái cực (Nho)

Trong con người, Bản Thể duy nhất ấy phát sinh ra mọi tâm tư, hành động. Đó chính là căn để tâm hồn, là Bản thể con người.

Cho nên các hiền triết Á đông đều tiến rất sâu vào đáy thăm lòng sâu tâm hồn, để cố tìm cho ra căn để tâm hồn bất biến hằng cửu, tìm cho ra Chân tâm con người,^[2] mà các Ngài gọi là Tuyệt đối thể siêu

viết trên mọi hình thức, sắc tướng, vừa tế vi vừa huyền diệu, vừa bao quát vũ trụ.

Ý thức, tiềm thức và những hiện tượng tâm lý học Tây phương góp lại dưới danh từ «tâm hồn» mới chỉ là những hiện tượng phù phiếm, những hình thức phiếm diện của Tâm, chứ chưa phải là toàn thể của Tâm.

Như vậy các đạo giáo Á châu có khuynh hướng hướng nội nhiều hơn.

– Các đạo giáo Âu châu thời cho rằng Thiên Chúa đáng duy nhất, bất tử toàn năng, toàn thiện đã tạo dựng nên vũ trụ này bởi hư không, để làm vinh danh Ngài.

Tạo vật chỉ là loại thụ tạo, có những bản thể riêng biệt, và chỉ tồn tại do sự gìn giữ của Thiên Chúa.

Thiên Chúa tách biệt khỏi vũ trụ, về bản thể; và chỉ liên lạc với vũ trụ bằng quyền năng.

Như vậy, không thể nào tìm được Thượng Đế nơi lòng mình, mà phải đưa lòng lên, hướng về trời để mà thờ phượng ngài, phải đi đến những thánh đường, những nơi thờ phụng, phải tìm đến các phép bí tích để tìm Ngài.

Vì thế, các đạo giáo Âu châu đều có khuynh hướng hướng ngoại nhiều hơn.^[3]

2. Các thánh hiền Đông Á ít khi muốn nhân cách hóa Tuyệt đối thể, ít khi muốn đặt tên cho Tuyệt đối thể. những danh từ Chân Như hay Đạo, v.v. chẳng qua là những danh từ miễn cưỡng, bất đắc dĩ.

Lý do là vì Tuyệt đối thể bất khả tư nghị, vô thanh, vô xứ, nên hình dung cách nào cũng bất xứng, mà càng hình dung, càng nhân cách hóa Tuyệt đối thể, thì lại càng phạm tục hóa Tuyệt đối thể, càng hạ thấp giá trị của Tuyệt đối thể.

Các học giả Âu châu nhiều khi không hiểu nổi thâm ý của các hiền triết Á đông, nên kết luận rằng Á đông vô thần, vô đạo, mà thực ra Á đông đạo hạnh hơn đâu hết.^[4]

Ngoài ra các đạo giáo Âu châu đều chủ trương Thượng đế hữu ngã, ngự trên tòa trời cao, hoặc duy nhất vô đối (Do Thái, Hồi giáo) hoặc có ba Ngôi (Công giáo).

3. Các đạo giáo Á châu cho rằng Thượng đế hay Tuyệt đối thể vừa lồng trong thân tâm vạn hữu (immanent) vừa siêu xuất vạn hữu (transcendant).

Các đạo giáo Âu châu cho rằng Thượng đế siêu xuất vạn hữu (transcendant).

4. Các đạo giáo Á châu cho rằng nếu Bản thể tuyệt đối mà hằng cửu, thì những hiện tượng do bản thể ấy phát xuất ra cũng sẽ biến hóa vô cùng tận hết lớp này tới lớp khác, hết chu kỳ này tới chu kỳ khác. Do đó vũ trụ này không phải là vũ trụ duy nhất trên triền thời gian.^[5]

Các đạo giáo Âu châu quan niệm vũ trụ này chỉ được tạo nên trong một thời gian ngắn hạn, rồi ra sẽ có tận thế.

5. Các đạo giáo Á Châu vì theo quan niệm tam tài nên chủ trương rằng Trời chẳng xa người, và luật trời đã ghi tạc ngay trong thâm tâm con người.

Các đạo giáo Âu Châu, vì theo quan niệm nhị nguyên, nên chủ trương rằng Trời người hết sức cách biệt nhau, và luật Trời đã được ghi tạc vào bia đá Moise, hay đã được truyền cho nhân loại qua trung gian các vị tiên tri.

6. Các đạo giáo Á Châu chủ trương nước Trời chẳng ở đâu xa, mà đã ở ngay trong lòng con người.

Các đạo giáo Âu Châu cho rằng nước Trời chính là ở nơi Giáo hội.

7. Các đạo giáo Á Châu cho rằng chân lý thời nội tại. Nó đã được ghi tạc, ký thác ngay vào trong

tâm khảm con người, vì chân lý chính là Bản thể tuyệt đối.

Các đạo giáo Âu Châu cho rằng chân lý đã được mặc khải cho con người bởi Thiên Chúa qua trung gian các tiên tri và đấng Cứu thế, và đã được ký thác trong các thánh kinh và nơi giáo hội.

8. Các đạo giáo Á Châu muốn đi tìm những tiêu chuẩn hằng cửu của vũ trụ, và những yếu tố phổ quát đại đồng trong nhân loại để làm cơ sở cho đạo giáo mình.

Các đạo giáo Âu Châu muốn đi tìm những dữ kiện lịch sử để làm cơ sở cho đạo giáo mình.

9. Các đạo giáo Á Châu cho rằng con người vì chạy theo hình thức bên ngoài, chạy theo nhân dục, chạy theo hình hài, ngoại cảnh, con người vì u mê nên mới đọa lạc.

Các đạo giáo Âu Châu cho rằng con người đọa lạc là vì tổ tông đã phạm giới răn Thiên Chúa mà ăn trái cấm.

10. Các đạo giáo Á Châu cho rằng con người biết hồi tâm, phản tỉnh tức là quay về với đạo với Trời, tức là hồi hướng (conversion).

Các đạo giáo Âu Châu cho rằng hồi hướng tức là bỏ tôn giáo mình đang theo mà trở về theo đạo công giáo, Thiên chúa giáo, hay Hồi giáo.

11. Các đạo giáo Á Châu cho rằng con người giác ngộ được bản tâm bản tính mình, sẽ được giải thoát, và như vậy muốn giải thoát cần nhất phải biết tự lực, tự tin.

Các đạo giáo Âu Châu cho rằng con người không thể tự giải thoát được và muốn cứu rỗi cần phải nhờ ơn Thiên Chúa, nhờ công nghiệp đấng Cứu thế. Như vậy muốn được cứu rỗi, cần phải trông vào tha lực nhiều hơn.

12. Các đạo giáo Á Châu cho rằng con người nhờ sự giác ngộ, nhờ công phu tu luyện, có thể phối hợp nhất như với Tuyệt đối, có thể trở thành Tuyệt đối.^[6]

Các đạo giáo Âu Châu cho rằng con người chỉ có thể lên thiên đường hưởng thiên nhan Thiên Chúa.^[7]

13. Các đạo giáo Á Châu cho rằng rũ bỏ được nhân dục, hoàn toàn sống theo thiên lý, phối hợp được với Thượng đế, hay nói cách khác, rũ bỏ được tiểu ngã, trở về được với Đại Ngã, nên một với Đại Ngã, đó là tuyệt đỉnh công phu tu trì.^[8]

Các đạo giáo Âu Châu cho rằng bao giờ con người cũng vẫn giữ được cá tính của mình, bao giờ Chúa cũng vẫn là Chúa, mình cũng vẫn là mình. Nói rằng trở nên một với Thượng đế tức là tái phạm tội kiêu ngạo của Adam.^[9]

14. Các đạo giáo Á Đông thường không phẫn nộ đối với những người không theo quan điểm của mình.

Trái lại các đạo giáo Âu Châu thường coi những kẻ không theo quan điểm đạo giáo mình là thù địch với mình.

Đối với Á Châu, các đạo đều là những con đường đưa tới một mục đích duy nhất, và suy cho cùng, các đạo giáo Á Châu đều muốn tìm cho thấy căn cơ rốt ráo của tâm hồn, nên cho rằng cố chấp, bất tương dung là vô lý và tai hại.

Đối với Âu Châu, thì một khi mình đã nắm giữ được «chân lý» mình cần phải đả phá tà giáo, tà thuyết, cần phải chinh phục mọi người để họ trở về với đạo mình, nhiều khi còn phải giết xác tha nhân để cứu hồn họ. Vì thế cho nên trong dĩ vãng đã xảy ra nhiều vụ đàn áp, bức bách, nhiều trận chiến tranh tàn khốc

nhân danh đạo giáo.^[10]

15. Chân lý đạo giáo đối với Á Châu phải do các bậc thượng trí, thượng nhân tìm kiếm ra.

Âu Châu thì các giáo lý tín điều phần lớn do các công đồng qui định, tức là do các vị đang cầm quyền lãnh đạo tôn giáo qui định.

16. Trong công cuộc tu luyện để giải thoát con người, các hiền triết Á Đông phân tách hai thời kỳ; thời kỳ chưa giác ngộ, và thời kỳ đã giác ngộ.

Khi còn mê chưa biết gì về Đạo, về Trời, thì tầm sư tầm sách mà học Đạo, nhưng khi đã giác ngộ, đã đắc đạo thì chính mình phải là đuốc sáng soi đường cho mình; chính mình phải giải thoát mình mà không còn lệ thuộc vào các qui ước, các luật lệ bên ngoài.^[11] Sự giác ngộ phải đem lại cho con người sự tự do, khinh khoái, thung dung, tự tại.^[12]

Người Âu Châu thì ngược lại không chấp nhận con người có thể tự giải thoát được mình, có thể từ bỏ được những qui ước, những luật lệ, những giáo điều.

17. Đối với các hiền triết Á Đông thì các vị Phật Thánh ra đời không phải là để cho người thờ phụng, mà chính là để chỉ đường, dẫn lối cho người sau được trở thành Phật, Thánh. Cho nên thái độ chân chính của một vị chân tu, của một hiền triết Á Đông là ra công tu luyện, để cho mình trở nên giống các vị tiên hiền, tiên thánh, chứ không mất thì giờ tán tụng hay cầu đảo chư vị. Đó chính là thái độ của các vị thiền sư đối với Phật, thái độ của các bậc đại nho đối với Nghiêu Thuấn, các vị chân đạo sĩ đối với Lão Tử.^[13]

Đối với Âu Châu, tôn giáo bao giờ cũng gắn liền với sự thờ phụng.

18. Các hiền triết Á Đông không câu nệ từ ngữ, mà chỉ coi từ ngữ là phương tiện để tiến tới tinh hoa ý tứ, cho nên đã hiểu ý, thì phải quên lời.^[14]

Âu Châu ngược lại hết sức trọng lời, không dám vì ý mà bỏ lời.^[15]

Hiểu được thái độ của Á, Âu, biết được những quan niệm khác nhau của các tôn giáo Á Âu sẽ giúp ta đi vào các đạo giáo Á Âu dễ dàng hơn, và đồng thời cũng hiểu tâm lý Á Âu dễ dàng hơn, vì dấu sao tôn giáo cũng là tấm gương soi diện mạo của nhân gian tùy thời, tùy nơi và tùy người.

BẢNG TOÁT LƯỢC NHỮNG ĐIỂM DỊ BIỆT GIỮA CÁC ĐẠO GIÁO ĐÔNG TÂY

	Á CHÂU	ÂU CHÂU
Quan niệm về các tầng lớp trong con người	Thần, hồn, xác	Hồn xác
Quan niệm về vũ trụ	Nhất thể vạn thù	Đa thể
Quan niệm về Trời, về tuyệt đối thể	Tuyệt đối thể bất khả tư nghị, nhưng lồng ngay trong tâm tâm vạn hữu, tuy vẫn điều xuất vạn hữu.	Tuyệt đối thể siêu xuất vạn hữu, ở ngoài vạn hữu.
Quan niệm về định mệnh con người.	Con người nhờ sự giác ngộ, nhờ công phu tu luyện, có thể phối hợp nhất như với Tuyệt đối thể có thể trở thành tuyệt đối.	Con người chỉ có thể được lên thiên đàng hưởng thiên nhan Thiên Chúa.

Quan niệm về sự đọa lạc	Con người chạy theo hình thức sắc tướng, chạy theo hình hài và ngoại cảnh đọa lạc.	Con người bị đọa lạc vì tổ tông đã phạm giới răn Thiên Chúa, ăn trái cấm.
Quan niệm về Chân lý	Chân lý nội tại ở ngay trong tâm khảm con người, vì chân lý chính là Bản thể tuyệt đối.	Chân lý đã được mặc khải cho con người bởi Thiên Chúa do các tiên tri và đấng Cứu thế, và giáo hội.
Quan niệm về sự hồi hướng (conversion)	Hồi tâm phản tỉnh ấy là hồi hướng.	Trở lại đạo Thiên Chúa ấy là hồi hướng.
Quan niệm về giải thoát	Con người nhờ sự giác ngộ được bản tâm, bản thể sẽ được giải thoát.	Con người không thể giải thoát được mình, mà phải nhờ công nghiệp đấng Cứu thế.

(Bị chú: Những tài liệu trong bài này phần lớn đã được rút ra từ tập Tinh hoa triết học và đạo giáo Đông phương của tác giả).

CHÚ THÍCH

- [1] L'Hindou-Kouch peut être considéré, du point de vue de la spiritualité, comme la grande ligne de partage des eaux dans l'histoire des religions de l'humanité (H. de Glasenapp, Les Cinq grandes religions du monde, p.18).
- [2] Le détachement constitue une fin en soi, car sans lui ne peut être perçu le Centre immobile de l'âme. (R. C. Zaehner, Religions mystiques et Révélation prophétiques, tr. 75).
- [3] Hướng nội: Introversion ou Déo-version (R. H. Thouless). Hướng ngoại: Extroversion ou activité altruiste (Cf. Pinard de la Boullaye, l'Étude comparée des Religions, II. p.370, note I).
- [4] Pour les Hébreux c'est Dieu qui est l'Être éternel, et l'homme n'est pas appelé à partager Sa vie. Pour les bouddhistes, il existe un mode éternel d'existence qui peut être expérimenté par tous ceux qui sont suffisamment «illuminés» pour le découvrir. Ainsi, il n'y a pas du tout de Dieu dans l'acception chrétienne de ce terme, mais il y a l'éternité qui est à la portée de l'homme: l'homme lui-même est éternel. (R. C. Zaehner, Religions mystiques et révélations prophétiques, tr. 70).
- [5] Aussi chaque secte et école philosophique de l'Hindouisme enseigne-t-elle qu'il y a deux mondes, et non pas un seul – deux mondes qui ne sont jamais entièrement compatibles. Il existe le monde de l'esprit éternel d'une part, et le monde du changement incessant, de l'autre. Deux éternités s'affrontent – ici, le «maintenant» éternel si cher aux mystiques, là l'éternité du temps qui n'a jamais commencé et ne finira jamais ... (Ib., p.76).
- [6] Union mystique avec Dieu.
- ... Les Upanishads sont essentiellement philosophiques et métaphysiques, et s'efforcent de découvrir le fondement éternel de l'univers changeant; le Yoga est une technique pratique qui prétend transformer la conscience de telle sorte que le Yogi puisse éprouver un état de l'être qui transcende l'espace et le temps. Les auteurs des Unpanishads ont fréquemment interprété cet état comme signifiant que l'âme, ainsi libérée des entraves de l'espace et du temps, doit elle-même être le fondement de tout être contingent ... (R. C. Zaehner, Religions mystiques et Révélation prophétiques, p. 97).
- ... Dans les Upanishads, nous trouvons une investigation quasi rationnelle de la nature des choses, un effort tenté pour découvrir le fondement éternel de l'univers. En même temps, dans le Yoga, il s'agit

de la quête, par l'homme, de l'essence éternelle de sa propre âme que le yogi dans son extase, affirme-t-on, peut percevoir et perçoit en fait. C'est semble-t-il, la combinaison d'une enquête rationnelle, et respectueuse d'une part, et des expériences du Yoga d'autre part, qui ont amené à cette conclusion finale – à laquelle aboutit indubitablement la plus grande partie des textes upanishadiques – à savoir que l'élément éternel dans l'âme humaine à son niveau le plus profond est identique au fondement et à l'origine de l'univers. Dieu est homme; et l'homme est Dieu, et entre eux deux, tels qu'ils sont dans leur essence, une fois dépouillés de tout ce qui est accidentel, il n'existe aucune différence. (Ib., p. 99)

... Il n'importe guère que vous considériez l'éternel comme Dieu ou divinité, personnel ou impersonnel, pourvu ou dénué de qualités. Quoi qu'il soit ou que ce soit, il vous faut le découvrir en vous-même. Quand vous l'aurez trouvé, vous saurez que c'est là la vie éternelle qui est votre ultime félicité. (Ib., p. 73).

[7] Vision béatifique de Dieu.

[8] Le mystique se perçoit lui-même comme immergé dans l'éternel, rendu «un avec lui» ... (Religions mystiques et Révélation prophétiques, p. 81).

[9] Le mystique, dit le Dr Kraemer, qui, triomphalement, se rend compte de son unité essentielle avec Dieu, ou l'Ordre du Monde, ou le Divin, qui se considère, avec une parfaite sérénité, comme le maître suprême de l'univers et de sa propre destinée et qui, grâce à de merveilleux exploits de contrôle moral de lui-même, se présente comme un éblouissant exemple de splendide humanité (cf. Les grands yogis du Tibet) néanmoins, du point de vue de la révélation biblique, commet de cette façon sublime le péché originel de la création – «être comme Dieu». En d'autres termes, il réitère la Chute. Dans l'Inde, par exemple, la part de réalité et de vérité divines qui a réussi, grâce à l'initiative de Dieu qui se relève, à parvenir jusqu'à l'homme, est tout entière ... viciée de façon inéluctable par cette tendance moniste qui est considérée comme une raison de fierté, et non pas comme la pierre d'achoppement qu'elle constitue en réalité pour l'Inde.

(Cf. Hendrik Kraemer, Religions and the Christian Faith, Londres, 1956, p. 335 – Cf. R. C. Zaehner, Religions mystiques et Révélation prophétiques, p. 65).

[10] Les religions d'origine sémitique vont toujours proclamant la Vérité – une et indivisible. Pour l'hindou, la vérité a plusieurs aspects et peut être regardée sous différents angles. Les religions sémitiques sont des idéologies: l'Hindouisme et le Bouddhisme sont des modes de vie. Le type sémitique de la religion tend inévitablement à donner naissance au fanatisme, à la persécution et à la guerre idéologique, pour la simple raison que l'homme demeure imparfait et qu'une fois qu'il croit connaître la vérité, il doit nécessairement souhaiter détruire l'erreur, même par des moyens qui peuvent ne pas s'accorder avec «la vérité» qu'il professe. L'Hindouisme et le Bouddhisme sont ici encore – à quelques regrettables exceptions près – juste à l'opposé de cette attitude: étant donné que toutes les religions sont des voies menant à un but unique, et qu'elles cherchent toutes, en dernière analyse, à trouver le fondement le plus intime de l'âme, l'intolérance est manifestement dépourvue de sens aussi bien que mauvaise. Cf. R. C. Zaehner, Religions mystiques et Révélation prophétiques, p. 73).

[11] Mê thời sư độ, ngộ liễu tự độ. Độ danh tuy nhất, dụng xứ bất đồng. 迷時師度。悟了自度。度名雖一，用處不同 (Pháp bảo đàn kinh, Tự tự phẩm đệ nhất)

[12] Cf. Jacques Gernet, Entretiens du maître de Dyana Chen Houei du Ho Tso, p. 29, note 7: «S'il est des êtres qui ont pénétré la nature du Buddha, ils n'ont plus besoin de cultiver le chemin.»

«Les pratiques ne sont nécessaires qu'aux gens de facultés obstruses. Ceux qui n'ont pas encore pénétré la nature du Buddha sont comme des aveugles qui touchant chacun une partie d'un éléphant, disent que l'éléphant ressemble à une pierre, s'ils ont touché la tête; à une corde s'ils ont touché la queue...»

[13] Cf. Matgioi, La voie rationnelle, p.9: «Des docteurs d'un esprit rétréci veulent faire passer Lao-tseu pour un être divin et extra-ordinaire et engager les générations futures à le suivre; mais par cela même, ils les empêchent de croire qu'on puisse acquérir par l'étude le secret de l'immortalité. En effet, si Laotseu est simplement un sage qui avait acquis le Tao, les hommes doivent faire tous leurs efforts pour imiter son exemple; mais si l'on dit que c'est un être extraordinaire et doué d'une essence divine, il est impossible de l'imiter (Parole de Kohong) (Cát Hồng).»

[14] Chư Phật diệu lý, phi quan văn tự. 諸佛妙理非關文字 (Lục tổ Huệ Năng, Pháp bảo đàn kinh, Cơ duyên phẩm 7.

– Đắc ý tắc võng tượng 得意則罔象 (Cổ thư)

[15] Bất dĩ văn hại từ, bất dĩ từ hại chí, dĩ ý nghịch chí, thị vị đắc chí. 不以文害辭, 不以辭害志, 以意逆志, 是謂得之. Mạnh Tử, XI,4.2.

» [mục lục](#) | [tựa](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) **5** [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) | [sách tham khảo](#)

HƯƠNG TINH THÂN

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» mục lục | tựa | chương [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) **6** [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) | sách tham khảo

chương 6

TƯỢNG HÌNH VỚI KHOA TÔN GIÁO ĐỐI CHIẾU

I. Ý NGHĨA TÂM ĐIỂM VÀ VÒNG TRÒN TRONG CÁC HỌC THUYẾT VÀ CÁC ĐẠO GIÁO Á ẬU

II. TÂM ĐIỂM VÀ VÒNG HOÀNG ĐẠO

III. TÂM ĐIỂM VÀ VÒNG TRÒN TRONG KHOA KIẾN TRÚC VÀ MỸ THUẬT

IV. TÂM ĐIỂM VÀ VÒNG TRÒN VỚI BÍ QUYẾT TÌM ĐẠO TÌM TRỜI

Đạo giáo thường đề cập đến những gì siêu vi, huyền nhiệm của vũ trụ, đến những gì không có ảnh tượng, hình dung.

Chính vì vậy mà các đạo giáo đã phải dùng rất nhiều ảnh tượng, hình dung để phác họa nên bóng dáng cái vô hình, vô ảnh.

Những ảnh tượng, những hình dung mà các đạo giáo đã vay mượn thời vô vàn. Trên thì lấy trời mây, nhật nguyệt, tinh thần; dưới đất thì lấy sông biển, núi non, cỏ cây hoa lá, cầm thú chim muông; nơi con người thì lấy tứ chi, bá hài, ngũ quan, tạng phủ... Những hình vuông hình tròn, những chất liệu ở trần gian này như vàng, bạc ngọc ngà, châu báu, thậm chí đến gạch ngói, bùn đất, nhất nhất cái gì cũng có thể dùng làm phương tiện để giúp con người hiểu rõ lẽ huyền vi của đất trời.

Trong chương này ta chỉ nghiên cứu một tượng hình là TÂM ĐIỂM và VÒNG TRÒN và dùng nó làm chìa khóa mở các chốt then đạo giáo.

I. Ý NGHĨA TÂM ĐIỂM VÀ VÒNG TRÒN TRONG CÁC HỌC THUYẾT VÀ CÁC ĐẠO GIÁO Á ẬU

Đối với Nho giáo, đối với Dịch kinh thì tâm điểm, trung điểm là Trời, là Thái cực, là Tuyệt đối, mà vòng tròn bên ngoài là các hào quái, trọng trưng cho vạn hữu biến thiên.

Lạ thay, khi khảo sát các học thuyết, các đạo giáo từ Á sang Âu, ta thấy quan niệm trên này được lưu truyền với những tượng hình ý thức như vậy.

Đi ngược dòng thời gian, trở về với những nền văn minh tối cổ như Ai Cập, Chaldée, trở về với những học thuyết tối cổ như Vệ đà, Pythagore,^[1] Zoroastre,^[2] đâu đâu ta cũng thấy tâm điểm tượng trưng cho Hóa công bất biến, và vòng bên ngoài tượng trưng cho sự luân lưu, biến hóa của vạn tượng, vạn hữu.

Trong các di tích cổ Ai cập, ta thấy một hình tròn trong tâm có chữ AUM, bên ngoài có hai con rắn song song, tượng trưng quyền năng và trí huệ Tạo Hóa.

Chữ w.ee hay AUM hay Thủy Chung ở giữa vòng tròn là Thượng đế tuyệt đối toàn năng.^[3]

Theo kinh Veda, thì trước khi muôn loài được tạo dựng, chỉ có Brahman, Bản thể thuần túy không

hình thức sắc tướng; đó là Mahâ Bindu, là Tuyệt điểm, là Thần, Khí... Tuyệt điểm ấy siêu hình, vô trụ, vô lượng, nhưng chính là căn nguyên phát huy muôn vật.

Tuyệt điểm ấy ví như trung tâm Hoàng đạo, phát sinh ra mười hai cung.

Tuyệt điểm ấy có thể sánh với Hư không của Veda (Shunya) vì chưa bị ảo ảnh bên ngoài khoác lên trên mình các lớp hình hài sắc tướng hay có thể so sánh với Hư vô của J. Boehme.^[4]

Đứng về một phương diện khác, thì tâm điểm là tự do, kinh khoáng, còn vòng tròn bên ngoài là vòng định mệnh gồm đủ các ảnh hưởng chi phối con người.

Bao lâu con người ở các vòng, lớp bên ngoài thì dĩ nhiên sẽ bị ngoại cảnh chi phối, bao lâu còn hòa mình với phù du ảo ảnh thì cũng sẽ tàn phai, hủy hoại như phù du ảo ảnh. Còn trái lại nếu biết thu hồi thần trí cho qui tụ về tâm, thì sẽ trở nên một lữ khách trên con đường về Trung điểm, sẽ hòa mình với Trung điểm, Tuyệt điểm, và lúc ấy các duyên nghiệp bên ngoài không còn ảnh hưởng tới mình được nữa ...^[5]

René Guénon, nhà huyền học Pháp cũng viết: «Sở cư của Brahma» chính là ở tâm điểm vũ trụ và nhân loại, còn hình thức sắc tướng có thể nói được là đều ở quanh bên ngoài, trên «vòng bánh xe vạn hữu». ^[6]

Thay vì dùng tâm điểm và vòng tròn, nhiều học thuyết dùng những hình tượng đương thay thế.



Phục Hi và Nữ Oa

Trong các hình vẽ Trung Hoa thời cổ, thường có hình Phục Hi cầm «Qui» 規 (compas), Nữ Oa cầm «Cù» 矩 (thước vuông). «Qui» để vẽ vòng tròn «Cù» để vẽ hai đường thẳng góc trong vòng tròn, xác định tâm điểm. Vì thế người xưa gọi Trung điểm hay Tâm điểm là Thập Tự Nhai 十字街.

Dấu hiệu của hội Tam điểm là hình một chiếc qui xếp trên một chiếc củ ôm lấy chữ G vào trong, mà G, tức là God, là Iod, là Thượng đế.



Biểu hiệu của phái Rose Croix là một bông hồng (hình tròn) đặt trên hình chữ thập.

René Guénon và C.G. Jung đều cho rằng những kiểu kính hoa hồng, hoa thị (rosace) ở Âu Châu cũng vẫn chỉ có một ngụ ý như tâm điểm hay vòng tròn^[7] hay hình hoa sen ở Á châu.

Nghiên cứu thuật luyện đan Âu châu thời cổ, ta thấy cổ nhân đã dùng tâm điểm và vòng tròn để toát

lược chủ trương và kỹ thuật luyện đan, hay nói cho đúng hơn, phương pháp giải thoát con người, thần thánh hóa con người.

Tâm điểm chính là bản thể, là nguồn gốc con người, là tiên đan, là nguồn mạch trường sinh, là «thiên địa chi tâm», là «ngọc châu viên giác» (lapis philosophorum) mà con người cần tìm cho ra. [8]



Các hình vẽ lưu truyền trong khoa luyện đan mà C. G. Jung đã sưu tầm được đều chủ trương rằng:

Tâm điểm là:

- Vũ trụ chi tâm (The Anima mundi) [9]
- Nơi loan phụng đồng minh (The red and white herma-phroditic double eagle) [10]
- Nơi Âm dương giao hội (The mystic vessel where the two natures unite – Sol et luna caduces – to produce the filius hermaphroditus.) [11]
- Nguồn sống (The fountain of life as fons mercurialis) [12]
- Đế đô thánh thiện (The symbolic city as center of the earth) [13]
- Ngọc cung (The lapis sanctuary) [14]
- Bộ lông cừu vàng (La Toison d'or) [15] v.v...



C. G. Jung, sau khi đã nghiên cứu trong vòng ba mươi năm các «mandala» từ Đông sang Tây đã quả quyết chắc chắn là Tâm điểm những họa bản ấy cốt để ám chỉ «trung tâm», «chân tâm», đạo tâm chú

không phải là «vọng tâm», «nhân tâm», hay con người riêng tư phù phiếm bên ngoài, [16] còn vòng tròn bên ngoài tượng trưng cho công trình tu luyện để tiến về tâm điểm đó. [17]

Như thế mục đích các đan gia (alchimistes) chân chính chẳng qua là muốn chỉ vẽ cho con người tìm ra bản thể mình, [18] dùng thời gian và vạn hữu, thân xác, tâm trí làm công cụ để tìm cho ra và tiến tới Bản thể. [19]

Thế tức là tìm ra được «Kim đơn», [20] thế tức là tìm ra được «thuốc trường sinh bất tử» ...

II. TÂM ĐIỂM VÀ VÒNG HOÀNG ĐẠO

Muốn hiểu rõ thêm ý nghĩa của tâm điểm bên trong, và vòng tròn bên ngoài, chúng ta hãy nghiên cứu các vòng Hoàng đạo hay vòng Dịch.

Các nước Babylone, Ai Cập, Do Thái, Ba Tư, Ấn Độ, Tây Tạng, Trung Hoa, Nam Mỹ, Bắc Mỹ, các nước Hồi giáo v.v... đều có dùng vòng Hoàng đạo với 12 cung gọi là vòng Zodiaque.



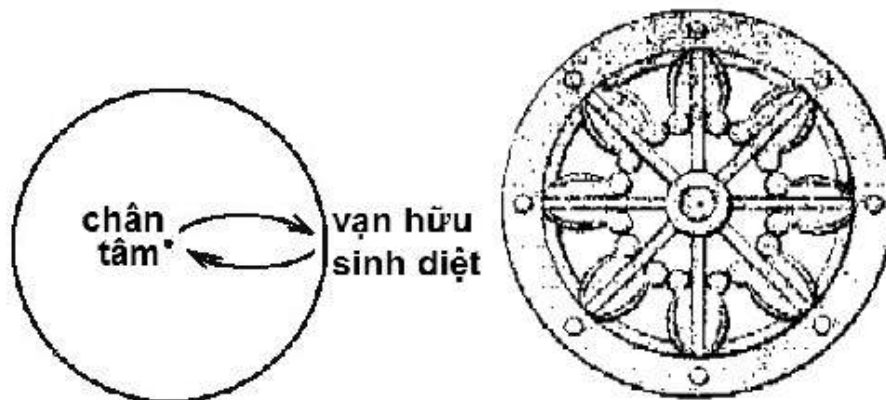
Chữ Zodiaque (Zoe: sự sống – Diakos: bánh xe) có nghĩa là bánh xe sự sống, hay vòng chu luân gồm các kiếp sống khác nhau, hay vòng tuần hoàn của quần sinh vũ trụ.

Đại khái, vòng Hoàng đạo gợi ra sự biến thiên, thăng (évolution), trầm (involution) không ngừng của quần sinh vũ trụ. Nó gợi ra muôn vàn nếp sống khác nhau thường xuyên diễn tiến trên hoàn vũ.

Nhưng thực ra tâm điểm mới là đầu dây mối nhợ.

Tâm điểm hay Trung điểm của các vòng Hoàng đạo tượng trưng cho tuyệt đối thể, vô hình tích, cho nguyên tinh, nguyên khí, nguyên thần sẽ phát huy ra quần sinh, vũ trụ. Đó là Đạo thể, là Hư vô; gọi là Hư vô, vì huyền diệu không thể suy cho thấu, nghĩ cho cùng được.

Tâm điểm ấy chính là Cực (Pôle), là điểm bất biến là khu nữu cho vũ trụ xoay quanh, còn sự tuần hoàn của vũ trụ được tượng trưng bằng bánh xe. Đó là một quan niệm phổ quát thấy ở các dân tộc khắp thế giới. [21]



Người Ai cập gọi Tâm điểm là Thượng đế duy nhất, đấng tạo thành vũ trụ quần sinh... hay là Tem, nghĩa là chủ chốt khu nữu của sự vận chuyển các tinh cầu. [22]

Tâm điểm còn được mệnh danh là thần Mercure, là nơi phát sinh ra muôn ngàn biến ảo. [23]

Trong hình vẽ Le Tarot [24] ta thấy ở Tâm điểm của hoàn vũ, có viết bốn chữ Yod Ye Vau He, nghĩa là Yahweh, là Thượng đế...

Vòng Hoàng đạo của Phật giáo, hay nói đúng hơn vòng Luân Hồi của Phật giáo, thường gồm có 4 vòng tròn đồng tâm. [25]

Vòng trong bỏ trống tượng trưng Hư Vô (tức là Tuyệt đối) (Sunya hay Sunyata) hay có vẽ hình Phật Vairocana. Các vòng tròn bên ngoài tượng trưng cho tham sân si, lục đạo và thập nhị nhân duyên.

Cho nên vòng tròn bên ngoài tức là vòng luân hồi hay vòng thập nhị nhân duyên, cốt mô tả cuộc sống phù du, những ảo ảnh của cuộc đời.



Sự luân lạc của con người bắt đầu do sự dốt nát u muội, [26] để rồi hành động mù quáng chuốc mua oan nghiệt vào người, [27] chuyên lo tìm hiểu ngoại cảnh [28] để cho các hình ảnh phù du hư ảo bên ngoài [29] xâm nhập vào ngũ quan và ý chí, [30] đắm ra vấn vương [31] bịn rịn [32] khao khát, say mê, [33] cố gắng tìm cầu cho được, [34] để làm của sở hữu riêng tư. [35] Mỗi lần say mê theo vật chất phù sinh như vậy là như bắt đầu sinh ra ở một kiếp người mới, [36] để rồi tàn tạ già nua chết chóc [37] cùng với sự điêu tàn của ảo ảnh...

Suy nghiệp ra thì Vairocana tức là Trung điểm, là Tuyệt đối, là Pháp thân, là Bản Lai diện mục, là Tịnh Mãn, là Biến nhất thiết xứ, là Đại Nhật Như Lai, là Nguồn sống muôn vật...

Khi đã đối chiếu các học thuyết ta có thể kết luận:

Cổ nhân dùng tâm điểm và vòng tròn để tượng trưng cho hai phương diện biến hằng của vũ trụ.

Tâm điểm bất biến hằng cửu là căn bản, là Đạo, là Thể. Vòng tròn bên ngoài biểu hiện sự di động, biến thiên, phần công dụng. [38]

Vòng tròn bên ngoài tức là:

- Vòng Dịch của Nho giáo.
- Vòng Sinh mệnh (Rota fati et generationis của phái Orphisme)
- Vòng số mệnh (Khoa học Tarot)
- Vòng Luân hồi (Phật giáo)
- Chu kỳ Abred (Học thuyết Bardisme)
- Vòng Hoàng đạo (Chiêm tinh học)
- Ouroboros (Con Chu xà của Thông Thiên học)
- Brahma luân (Brahma-Wheel) trong Ấn giáo. [39]



Chu Xà (Ouroboros)

Người ta cũng còn dùng vòng tròn tượng trưng cho các tuần trăng phiêu lãng v.v...

Trong con người, thì vòng Dịch, hay vòng Chu luân, hay vòng Hoàng đạo, hay vòng Đại Chu Thiên 大周天 gồm hai mạch:

Nhâm 任 (Âm, chạy đúng nơi giữa người phía trước) và Đốc 督 (Dương, chạy dọc theo đúng giữa xương sống phía sau, vòng lên đỉnh đầu, vòng sang phía trước để tận cùng nơi chính giữa mép lợi hàm trên ở huyết Đoạn giao).

Nê hoàn cung 泥丸宮 hay Não thất ba (3è ventricule) cũng như nội tửm trong các đền đài là nơi Hóa công ngự trị (Garbhagita, Chambre de l'Embryon), vì đó chính là Trung tâm điểm vũ trụ, nơi mà căn

nguyên tuyệt đối của mọi hiện tượng ngự trị. [\[40\]](#)

Nhìn sang Ấn Độ giáo ta thấy: sách Áo Nghĩa Thư chỉ đường về tâm điểm, trung điểm như sau:

Tâm người trăm linh một kinh,
Mà duy có một thượng đình đi lên,
Cứ theo đường ấy mà men,
Rồi ra ắt được tới miền trường sinh. [\[41\]](#)

Nơi khác lại viết:
Nơi nào mà mọi thần kinh,
Như đĩa gạo trực trong vành bánh xe.
Nơi thần kinh hội tụ về,
Là nơi tuyệt đối chưa hề hóa thân.
Có tìm tuyệt đối chưa hề hóa thân.
Cố tìm Tuyệt đối, Chân tâm
Rồi ra sẽ thoát biển trần hôn mê... [\[42\]](#)

Tóm lại, vòng chu luân, vòng Dịch, vòng luân hồi, vòng Hoàng đạo, v.v. chẳng qua là cốt tượng trưng vạn hữu, tượng trưng muôn vàn hiện tượng và mọi sự biến thiên, chất chường bên ngoài.

Vòng chu luân, hay xa luân ngoài ra còn chỉ: thăng (ascension) giáng (descente), trầm hiện (précipitation), siêu thăng (sublimation) Thượng đế xuống với con người, và con người lên tới Thượng đế. [\[43\]](#)

Còn tâm điểm thời học thuyết nào cũng dùng để chỉ Bản thể hay Tuyệt đối. [\[44\]](#) Suy ra thì con người cần phải biết dùng vạn hữu làm phương tiện để tiến về Tuyệt đối, nhìn hiện tượng để suy ra bản thể, thấy biến thiên chất chường bên ngoài, để lập chí đi tìm trường tồn vĩnh cửu bên trong, bỏ tiểu tiết chi mạt, mà tìm cầu cho được đại thể, căn nguyên. Đó cũng chính là con đường muôn dặm con người phải đi để trở về cùng Thượng đế; đó cũng chính là một chương trình hoạt động vĩ đại mà Trời đã ủy thác cho con người thực hiện, trước khi vào an nghỉ tại Trung cung...

Theo đà thời gian, con người sẽ phát huy dần dà hết mọi nguồn năng lực, và cuối cùng sẽ biết sử dụng thần lực của mình. Theo đà thời gian, con người sẽ trừ khử được mọi sự ngộ nhận về thân thể mình, và cuối cùng đến lúc chung cuộc sẽ nhận biết mình là ai, nghĩa là sẽ nhìn nhận ra bản thể tối hậu của mình, sự trường tồn vĩnh cửu của mình trong Thượng đế... [\[45\]](#)

III. TÂM ĐIỂM VÀ VÒNG TRÒN TRONG KHOA KIẾN TRÚC VÀ MỸ THUẬT

Mới đầu người xưa thường cho những danh sơn, cao sơn là trung tâm điểm vũ trụ, là nơi mà trục hoàn vũ xuyên qua trái đất, nơi đất trời gặp gỡ, nơi mà những người hiền lương nhờ ảnh hưởng trời đất giao hội có thể trở thành hiền thánh. Đó là những danh sơn, cao sơn như Côn Lôn, Phú Sĩ, Elbrouz, Thabor, hay Olympe.

Nhưng dần dà, các đền đài miếu mạo lớn, những công trình kiến trúc lớn cũng được coi là trung tâm điểm vũ trụ như đền thờ Jérusalem Kim tự tháp, v.v. [\[46\]](#)

Các nhà khảo cổ quan sát các đền thờ, các thành thánh xưa (ví dụ như Angkor-Thom) đã nhận thấy rằng khi xây cất các công trình vĩ đại ấy, cổ nhân muốn lấy gỗ, đá, để xây lại một vũ trụ nhỏ, cho nên trung cung bao giờ cũng dành để thờ đấng Tối cao, còn bên ngoài hoặc là trạm trở tiên thánh, quần sinh, hoặc là có thành quách bao bọc, tượng trưng cho núi non hào lạch, tượng trưng cho sông biển.

Con người muốn đi vào Trung cung, muốn lên cho tới thần minh sẽ phải lướt thắng các trở ngại, sẽ phải đi quanh quất, tiến tới mãi lên chứ không phải là chuyện dễ... [47]

Tâm điểm vòng tròn với những ẩn ý sâu xa của nó (Hóa công và hoàn vũ) [48] còn là đề tài cho nhiều công trình kiến trúc, hay đền đài miếu mạo.

Chính điện trong khu đền Bayon ở Angkor Thom là hình một Pháp luân lớn có tám tai hoa tỏa ra tám hướng như bông sen tám cánh, như bát chính đạo, ở giữa có Chuyển luân Thánh vương. [49]

Ở Ấn Độ, các di tích bằng đá xếp vòng tròn, còn được thấy ở nhiều nơi. Di tích cổ nhất có lẽ là ở Dipaldiana. [50]

Trong những cổ tích của đạo Druidisme, ta cũng thấy nhiều tảng đá khổng lồ xếp thành vòng tròn như ở Stonehenge, và Avebury. [51]

Các đền thờ Druides cũng xếp theo hình tròn, trung tâm lại có một tảng đá lớn, chắc chắn là tượng trưng cho đấng Tối Cao (di tích Y Cromlech ở Pembroshire hay di tích ở gần Keswich trong vùng Cumberland nước Anh).

Đối với các dân miền Na Uy, Thụy Điển thì đền thờ thần Odin gồm có 12 tòa xếp vòng tròn, dành cho mười hai vị thần chính, và một chính tòa ở Trung cung dành cho chúa thần Odin. Những cổ tích này còn thấy ở Scania, Zeland, Jutland... [52]

Thật là:

Một trời bát ngát trăng sao,
Vần xoay âu cũng nương vào Trung cung.
Sen kia nghìn cánh nở tung,
Nhưng mà gốc gác vẫn cùng một tâm. [53]

Khảo sát các truyền thuyết Do Thái, [54] Công giáo, [55] Ba tư, [56] Atlante [57] hay Hi Lạp, [58] Ấn Độ [59] ta đều thấy cây trường sinh hay núi hạnh phúc ở trung tâm một khu vườn huyền diệu có bốn con sông chảy vào.

Áp dụng những truyền thuyết này vào công cuộc khảo cứu con người, ta thấy rằng ở trung tâm não bộ, phía mặt dưới, có vòng Willis với bốn động mạch phát ra tứ phía não bộ.

Nếu đúng vậy, thì cây trường sinh hay nguồn hạnh phúc chẳng phải ở Doanh Châu, Phương Trượng mà đã ở sẵn ngay trong đầu não con người... [60]

IV. TÂM ĐIỂM VÀ VÒNG TRÒN VỚI BÍ QUYẾT TÌM ĐẠO TÌM TRÒI

Chúng ta đã cùng nhau dùng thần trí đi chu du khắp hoàn vũ, chúng ta đã cùng nhau rong ruổi trên triền không gian, thời gian của ngót sáu ngàn năm lịch sử nhân loại, đã bao quát các học thuyết đông tây, đã dùng Tâm điểm và Vòng tròn làm chìa khóa mở kho tàng tư tưởng các hiền nhân, quân tử mọi nơi mọi

đời, chúng ta cần phải thấu lượng được một kết quả gì cụ thể và hữu ích.

Kết quả ấy là bí quyết tìm Đạo, tìm Trời của người xưa.

Cổ nhân đã lao tâm khổ tứ vẽ các tượng hình, xây các miếu mạo có dụng tâm, dụng ý như trên, cốt là để chỉ vẽ cho ta con đường trở về căn nguyên, con đường “Hoàn nguyên phản bản”.

Học thuyết nào cũng dạy ta tìm ra tâm điểm, trung điểm tức là tìm ra Tuyệt đối Thể, tìm cho ra Chân, Thiện, Mỹ, tìm cho ra Trời ẩn áo trong đáy lòng vũ trụ và lòng người.

Trở về trung điểm là giải thoát, vì tâm điểm tượng trưng cho tự do, khinh khoáng còn vòng chu luân tượng trưng cho nghiệp chướng, cho sự thăng thục, sự chi phối.

Trở về Trung điểm tức là tìm ra được nguồn mạch trường sinh.

Thông Thiên học vẽ dấu hiệu chữ thập Ankh ở trung điểm, có ấn tín vua Salomon (Âm Dương thác tống) và con chu xà Ouroboros bao quanh (thiên địa tuần hoàn chung nhi phục thủy) cũng không ngoài ý đó, vì chữ thập Ankh tượng trưng cho sự sống.^[61]

Theo Le Livre des Morts của Ai Cập thì trở về Trung Cung, Trung điểm là kết hợp với thần Osiris, là phục sinh, đó là lên núi thánh Ament, nơi thần Osiris ngự trị ở Trung Cung, Trung điểm của hoàn vũ.

Trở về Trung điểm là đạt đạo Trung dung, là đắc đạo, là Phối Thiên.

Pho kinh Dịch viết ra cũng không ngoài mục đích cao cả ấy, vì Kinh Dịch cốt chỉ vẽ cho nhân loại đường lối trở về cùng Thượng đế.^[62]

Tóm lại nếu ta thực tình có thiện tâm, thiện chí, muốn tìm đạo, tìm Trời, chúng ta phải đi vào nội tâm để mà tìm kiếm. Trời không phải là chuyện bán mua, quảng cáo nơi ngã ba đầu chợ;^[63] nước Trời chẳng có đến rộn rã trong rước sách, trống chiêng, mà đến âm thầm, mà đã ẩn tàng ngay trong hồn ta.^[64]

Vậy muốn tìm ra chân sư^[65] bày tỏ cho mình các lẽ huyền vi, chỉ giáo cho mình phương pháp tu luyện trường sinh bất tử, ta phải như Tề Thiên Đại Thánh tìm về Phương Thốn Sơn, tìm tới Tà Nguyệt Tam Tinh động, mà Phương Thốn Sơn chính là «tắc lòng» ta, mà «Tà Nguyệt Tam Tinh động» chính là Tâm ta viết bằng «Nửa vành trăng khuyết và Ba sao giữa trời».

Đi vào nội tâm, gạt cho hết mây mù dục vọng tăm tối, không sồn lòng, không lui gót, theo gương các hiền thánh muôn đời tiến bước, chắc chắn chúng ta sẽ thấy Trời hiện ra rực rỡ giữa tâm hồn ta.^[66] Khi ta đạt được mục phiêu cao diệu ấy, ta cũng tự nhiên thấy thánh hiền sau trước chẳng hề có nói sai ngoa... Các Thánh kinh trong thế giới thực ra cũng không có bí quyết gì cao diệu hơn.

CHÚ THÍCH

[1] René Guénon, Le Roi du monde, p. 18, 19, 20. – Sénard, Le Zodiaque, p. 10 et ss. – Dr R. allendy, Le Symbolisme des Nombres, p. 16, 17.

[2] The Signet of Zoroaster... the Point within the Circle... as the Beginning and the End, the Cause and Effect, the Principle of Life and Action which pervades, animates and governs the universe. (The New Age Magazine, March 1964, p. 39-40).

[3] Cf. Point within a circle (Mackey's revised Encyclopedia, vol. II, t. 187).

[4] Avant la création, disent les textes védantins, il n'y avait rien que Brahman, l'être pur, le non-manifesté, l'indifférencié, Mahâ Bindu, le Point Suprême, Énergie-Conscience-Potentialité. Afin de

nous donner une idée du Premier Principe, car nos facultés imparfaites ne nous permettent pas de concevoir métaphysique sans grandeur, ni position. Du Point Suprême il est dit qu'il est «La Source de toutes les directions de la Création...»

Ce point peut être assimilé au Centre du Zodiaque d'où émanent ses douze rayons en directions des douze signes.

Il peut être comparé au Vide du Véda (Shunya) qui n'a aucune forme tant qu'il n'est pas encerclé par la Mâyâ (A. Avalon) ou encore au Rien de J. Boehme... Cf. Mr Sénard, Le Zodiaque, Clef de l'Ontologie appliqué à la psychologie, p. 10.

[5] Sénard, Le Zodiaque, p. 36.

[6] Ce «séjour de Brahma» est véritablement le point central, tant dans l'ordre cosmique que dans l'ordre humain, tandis que tout ce qui est de la manifestation et surtout de la manifestation formelle, est extérieur et «périphérique», si l'on peut s'exprimer ainsi, appartenant exclusivement à la circonférence de la «roue des choses». (René Guénon, L'homme et son devenir selon le Védanta, p. 96).

[7] René Guénon, Le roi du monde, p. 19. – C. G. Jung, Psychology and alchemy, p. 171.

[8] Tâm điểm, hay bản thể được gọi bằng nhiều danh hiệu trong khoa luyện đan Âu châu, xin đan cử ít nhiều danh từ: Mercurius, Prima Materia (Nguyên thể), Archétype of the divine child (Hóa Nhi); Anthropos (chân nhân), Hermès, philosophical gold (Kim đơn), Quintessence (Tinh), Unum, Unica res, Monad (Nhất), Rebis (Thái cực), The drug of immortality (thuốc trường sinh) v.v...

(Cf. C. G. Jung, Psychology and Alchemy, đoạn The Materia prima, từ tr. 304 đến 331).

[9] Ib. hình 8 tr. 47

[10] Ib. hình 20 tr. 62

[11] Ib. hình 23 tr. 65

[12] Hình 25 tr. 69

[13] Hình 31 tr. 79

[14] Hình 51, tr. 104

[15] Hình 112, tr. 214

[16] I may define «self» as the totality of the conscious and unconscious psyche, but this totality transcends our vision, it is a veritable lapis invisibilitatis. (C.G. Jung, Psychology and Alchemy, p. 172).

... Unless everything deceives us, they (the mandala) signify nothing less than a psychic center of the personality not to be identified with the ego. (Ib. p. 97).

[17] The circumambulatio means as always concentration on the center (Psychology and Alchemy, p. 180).

... Rota or opus circumlatorium which serves the same purpose of sublimation. (Ib. 365).

[18] Rex ex qua sunt res, est Deus invisibilis et immobilis (That from which things arise is the invisible and immovable God) (C. G. Jung, Psychology and Alchemy, p. 309).

[19] Transmutemini in vivos lapides philosophicos (Transform yourselves into living philosophical stones) Ib. p. 141.

[20] Presumably the leftward circumambulation ... is one of those paths to the center of the non-ego, which were also trodden by the mediaval investigators when producing the lapis. Ib. p. 122.

[21] Bánh xe là một tượng hình quan trọng trong các học thuyết vì nó có nhiều ngụ ý:

1/ Nó chỉ sự biến động, biến dịch.

2/ Nó chỉ sự tuần hoàn.

3/ Nó ám chỉ sự Trời xuống với người, người lên với Trời. Nó ám chỉ các đức tính trung kiên, từng phục, tiết độ, bình thản, khiêm cung cần thiết cho công phu tu luyện v.v... (Jung, Psychology and Alchemy, p. 157-158).

[22] Eyrel, Les Origines de la Genèse, p. 128. – René Guenon, Le Roi du Monde, p. 21.

[23] Ib. 208.

[24] Cf. La Caballe (Papus), tr. 94.

[25] A. Volguine, l'Ésotérisme de l'Astrologie tr. 139. – Mystique tibétaine, tr. 337 và tiếp theo.

[26] Vô minh (Hình người đàn bà mù sờ rầm).

[27] Hành (Hình thợ gổm).

[28] Thức (Hình khỉ leo cành).

[29] Danh sắc (Hình hai người ở chung một thuyền).

[30] Lục nhập (Hình sáu cửa sổ một căn nhà).

[31] Xúc (Hình cặp tình nhân nhìn nhau say đắm).

[32] Thụ (Hình người bị tên bắn vào mắt).

[33] Ái (Hình người uống rượu có đàn bà chuốc mời).

[34] Thủ (Hình người hái quả).

[35] Hữu (Hình 2 người giao hoan).

[36] Sinh (Hình người sinh nở).

[37] Lão tử (già và chết: Hình người mang xác chết trên vai).

Cf. Les fondements de la mystique tibétaine, p. 333)

[38] La Roue est un symbole du monde: la circonférence représente la manifestation produite par les rayons émanés du centre.

Régénération, réalisation de l'harmonie universelle, l'Évolution et le Karma sont les interprétations que l'on ne saurait éviter, surtout si l'on considère les deux figures, l'une préparée par les successions d'existence conscientes et raisonnées, est l'Élu, celui qui approche du terme de l'élévation finale; l'autre encore près de la matière attachée par tous les biens terrestres, échoue et devra recommencer, ce sera pour elle l'obligation de rentrer dans le cycle. L'image de la Roue du samsara s'impose: du sein de ce tournoiement surgit l'espoir de l'être purifié qui s'élève en Brahman et y demeure ...

Pour la théologie chrétienne, Dieu est au centre.

Jean Chabosseau, Le Tarot, Essai d'interprétation selon les Principes de l'Hermétisme, p. 62.

[39] Svestasvatara Upanishad 1-6; 6-1. - Brih. 6.2, 15-16. - Chand. 5.10. - G. Bhagavad Gita 8. 24-26.

[40] C'est ce centre du monde en effet qu'occupe l'Embryon d'Or, Hiranyagarbha, figuration potentielle de toutes les possibilités, origine des expansions, foyer de rayonnement. Il est aussi 'l'Hôte intérieur' qui a son siège dans la caverne de ton coeur dont parle Shankarâchârya. Et parce qu'il n'est pas différent d'Agni « Sache, dit le Katha Upanishad, que cet Agni qui est le fondement du monde éternel et par lequel celui-ci peut être atteint est caché dans la caverne (du coeur). (Pierre Grison, Angkor ou l'univers manifesté, France Asie, No 114-115, p. 357).

[41] Chandogya 8. 6-6.

[42] Mundaka Up. 2. 2-6.

[43] C. G. Jung, Psychology and Alchemy, p. 157.

[44] The Sidpe-Korlo or World Wheel represents the course of human experience in its various forms as conceived by the Buddhists...

... The mandalas (the ritual of magic circles) used in ceremonial are of great significance because their centers usually contains one of the highest religious figures: either Shiva himself - often in the embrace of Shakti - or Buddha, Amitabha, Avaloki-teshvara or one of the great Mahayana teachers or simple the dorje, symbol of all the divine forces together, whether creative or destructive in nature.

The text of the Golden Flower, a product of Taoist syncretism, specifies, in addition, certain "Alchemical" properties of this Center after the manner of the Lapis and the Elixir vitae...

C. G. Jung, Psychology and Alchemy, p. 93-94-95.

[45] En toi, mon Dieu, j'aurai ma solidité, ma fixité, mon être définitif. (Saint Augustin).

[46] Pierre Grison, Angkor ou l'univers manifesté, France-Asie, No 114-115, p. 357

Mircéa Eliade, Traité d'Histoire des Religions, p. 315.

[47] France Asie, No 114-115 p. 341 et ss.

[48] The New Age Magazine, March 1964, Vol. LXXII, No 3, p. 39-40.

[49] France Asie, No 114-115, p. 356 et ss.

[50] Point within a circle. Mackey's revised encyclopedia, II, p. 787.

[51] Point within a circle. Mackey's revised encyclopedia, II, p. 787.

[52] Point within a circle, Mackey's revised encyclopedia, II, p. 787.

Léon Sprink, L'Art sacré en Occident et en Orient, p. 28.

[53] Nhất thiên tinh đầu, vận dụng chỉ tại trung ương. Thiên biện liên hoa, căn để sinh ư điểm trích. 一天星斗運用只在中央. 瓣千瓣蓮花根蒂生於點滴. Huyền không bí chỉ.

[54] Genèse 2, 8-14.

[55] Apocalypse de Saint Jean 22, 1-2.

[56] L'Âme de l'Iran (Edition Albin Michel) p. 97.

[57] Louis Chochod, Occultisme et Magie en Extrême Orient, p. 88.

[58] Mircéa Eliade, Traité d'Histoire des Religions, p. 248.

[59] Henri de Lubac, Aspects du Bouddhisme, p. 163.

[60] C. G. Jung, Psychology and Alchemy, p. 124, 148, 127, 187.

[61] Cf. Sciences occultes (Phillipe Encausse) tr. 106.

Crux ansata, Mackey's revised encyclopedia, q. I.

[62] Dịch chi vi thư, giáo nhân hồi Thiên chi đại kinh đại pháp dã. 易之為書, 教人回天之 大經大法也. Thái Cực quyền bồng đồ thuyết, tr. 52.

[63] Cf. Phúc Âm Matthieu VI, I-18, VII, 6, 13, 21, 22, 23.

[64] Cf. Phúc Âm Luc XVII 20, 21.

[65] Thiên thánh giai quá ảnh, lương tri nãi ngô sư. 千聖皆過影, 良知乃吾師. Wang Tch'ang Tche, Wang Yang Ming, appendice I.

[66] «Comme l'ont bien vu les bouddhistes, nous peavons descendre jusqu'au fond de nous-mêmes par tous les échelons de l'introspection sans rencontrer autre chose qu'un élément fluide, volatil et inconsistant, le mouvement qui va de la puissance à l'acte, jusque nous mettions la main sur l'être même, sur cette image agissante de Dieu en nous qui est substance, cause, esprit et vie, et que les Livres saints appellent essentiellement firmamentum. Dieu, nous dit le livre des Rois, a été fait mon firmament...»

Paul Claudel, Sur la présence de Dieu, 1932, p.23.

Henri de Lubac, Aspects du Bouddhisme, p. 152.

(Bị chú: các tài liệu trong chương này đều rút từ bộ Trung Dung Tân khảo của tác giả, nơi chương XV).

» [mục lục](#) | [tựa](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) **6** [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) | [sách tham khảo](#)

HƯƠNG TINH THÂN

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» mục lục | tựa | chương [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) **7** [8](#) [9](#) [10](#) | sách tham khảo

chương 7

DỊCH LÝ VỚI KHOA TÔN GIÁO ĐỐI CHIẾU

- I. QUAN NIỆM «NHẤT THỂ VẠN THỤ» VỚI CÁC ĐẠO GIÁO
- II. QUAN NIỆM THIÊN NHÂN TƯƠNG DỮ CỦA DỊCH KINH VỚI CÁC ĐẠO GIÁO
- III. QUAN NIỆM VẠN VẬT TUẦN HOÀN CHUNG NHI PHỤC THỦY VỚI CÁC ĐẠO GIÁO
- IV. DỊCH KINH VỚI QUAN NIỆM THIÊN ÁC
- V. Ý NGHĨA CUỘC BIẾN HÓA CỦA MUÔN LOÀI

Sở dĩ chúng ta dùng Dịch kinh và Dịch lý để tìm hiểu về các tôn giáo vì Dịch kinh là một bộ sách tối cổ, không có mục đích gì khác hơn là tìm cho ra Bản thể của vũ trụ, mọi sự biến thiên, công dụng của Bản thể ấy, những định luật chi phối mọi sự biến thiên, thăng trầm trong hoàn vũ, và mục phiêu rốt ráo của cuộc biến dịch đại tạo ấy.

Người xưa còn cho rằng Dịch là một bộ sách dạy cho chúng ta biết đường lối trở về với Trời, với Thượng đế.^[1]

Dịch kinh chẳng những là một môn triết học tối cao, mà cũng còn là một môn toán học. Leibniz, sau khi đã phát minh ra khoa toán học nhị nguyên (arithmétique binaire) – khoa toán học hiện nay được áp dụng trong mọi loại toán điện cơ, điện tử – đã để ra nhiều thì giờ nghiên cứu Kinh Dịch, nhất là các đồ bản Dịch. Ông đã hết sức ngỡ ngàng khi khám phá ra rằng 64 quẻ trong vòng Dịch Tiên Thiên có thể viết thành các con số liên tiếp nhau từ 0 đến 63 theo khoa toán học nhị nguyên, và Ông đã đi đến kết luận là các tác giả Dịch đã tìm ra khoa toán học này trước Ông hàng mấy nghìn năm!

Nói thế để chứng minh rằng Dịch kinh là một khoa học, hết sức thực tế chứ không có thiên kiến; hết sức phổ quát chứ không hẹp hòi, lại nữa nó đã được những bộ óc siêu việt trong nhân loại viết nên, vì thế ta phải lấy nó làm tiêu chuẩn vô tư để mà khảo sát và tìm hiểu các tôn giáo.

I. QUAN NIỆM «NHẤT THỂ VẠN THỤ» VỚI CÁC ĐẠO GIÁO

Dịch kinh chủ trương «Nhất thể vạn thụ». Đối với Dịch chỉ có một Bản thể duy nhất là Thái cực, là Đạo đã phát sinh ra vạn vật, vạn hữu. Vạn vật vạn hữu chỉ là muôn vàn hiện tượng, muôn vàn công dụng, muôn vàn trạng thái của một Bản thể hằng cửu, y thức như 64 quẻ chỉ là những hiện tượng, những trạng thái nhất thời, những công dụng, những lớp lang, tuần tiết dị biệt của một Thái Cực đại đồng.

Các đạo giáo lớn trên thế giới hầu hết đều chủ trương như vậy nhất là các tôn giáo Á đông.

Trong một cổ thư Ai Cập, nữ thần Isis phán: «Ta là Bản thể muôn loài, là chủ tế quần sinh, vạn hữu, là nguồn mạch thời gian, là chủ tế chúng thần, là nữ vương các vong linh, là tối thượng thần trên trời. Minh ta tóm thâu hết chúng thần nam nữ. Ta toàn quyền cai trị các vòm trời sáng láng, các luồng gió thuận ngoài

bể khơi, và sự tịch mịch âm thầm của địa phủ. Ta là thần minh duy nhất trong vũ trụ, mà khắp hoàn vũ tôn thờ dưới những danh hiệu, những hình thức khác nhau, bằng những lễ nghi khác nhau. Người gọi ta là Mẹ chúng thần.» [2]

Đối với Ấn giáo, thì Đại Ngã là chủ thể vạn vật. Cũng y như mọi tai hoa đều qui về trục bánh xe, mọi vật, mọi thần, mọi giới, mọi loài đều qui tụ về Đại Ngã. [3]

Đại Ngã như vậy là nguồn gốc xuất sinh vạn vật, là khuôn thiêng thêu dệt nên vạn hữu. [4]

Phật giáo cũng chủ trương đại loại rằng: «Trên mặt trùng dương Bản thể, gió nhân duyên đã làm nổi lên sóng vạn tượng chúng sinh. Vạn tượng, vạn hữu sinh sinh, diệt diệt, hoàn toàn bị chi phối bởi định luật nhân quả.

«Hiện tượng trong vũ trụ có sinh có diệt, có thủy có chung nhưng bản thể thì bất sinh bất diệt, bất tăng bất giảm... Bản thể gọi là Chân Như. Hiện tượng gọi là vạn pháp. Chân như thời hằng cửu và hữu ngã...» [5]

Quan niệm của Lão giáo cũng y thức như vậy.

Đạo Đức Kinh chương I viết:

«Hóa Công hồ dễ đặt tên,
Khuôn thiêng hồ dễ mà đem luận bàn.
Không tên sáng tạo thế gian,
Có tên là mẹ muôn vạn thụ sinh.
Tịch nhiên cho thấy uy linh,
Hiển dương cho thấy công trình huyền vi.
Hai phương diện một Hóa nhi,
Huyền linh khôn xiết, huyền vi khôn lường.
Người là chúng diệu chi môn,
Cửa thiêng phát xuất mọi nguồn huyền vi.» [6]

Khổng giáo, theo truyền thống của Dịch kinh, dĩ nhiên cũng chủ trương quan niệm «nhất thể vạn thù».

Linh mục Ricci phê bình chủ trương này – dĩ nhiên là theo nhãn quan Công giáo – như sau:

«Trào lưu tư tưởng mà nhiều người hiện nay, theo tôi có lẽ đã vay mượn ở một tà giáo (?) từ 500 năm nay (Tống Nho). Quan niệm ấy là: Thiên địa vạn vật nhất thể, người vật cỏ cây, tứ tượng đều hợp thành như một cơ thể duy nhất mà vạn vật là những phân bộ. Từ quan niệm nhất thể ấy, họ rút ra nhiệm vụ bác ái đối với mọi người, và chủ trương mọi người đều có thể nên giống Thượng đế.» [7]

Thiên Chúa giáo, Hồi giáo, Do Thái giáo không quan niệm rằng vạn vật do Tuyệt đối thể, do Thượng đế phóng phát (émaner) ra, nhưng vạn vật đã do Thượng đế tạo dựng nên.

Thiên Chúa giáo cho rằng vạn vật đã được tạo dựng từ hư vô, dựa vào lời sách Maccchabées (I, Macchabées, VII, 28).

Tuy nhiên, dùng quan niệm «nhất thể vạn thù» làm tiêu chuẩn ta cũng có thể hiểu nhiều đoạn Cựu Ước và Tân Ước một cách thấu đáo hơn.

Thực vậy nhiều đoạn thánh kinh đã chủ trương Thiên Chúa đã tạo dựng nên vạn vật qua trung gian

của Đạo, của Logos. Để chứng minh điều ấy chúng ta hãy tìm đọc:

- Khải Huyền, I, 8– 21; 6, 2– 23.
- Romaine, XI, 36
- I, Cor., 8, 6.
- Phúc Âm thánh Joan, Phi lộ, 2, 3.
- Col., I, 16– 17.
- Ecclésiastique 24, 1– 10.
- Minh triết, II, 17, v.v.

Trong thư gửi cho người Colossiensi, thánh Paul viết:

«Ấy chính ngài là hình ảnh của Chúa Trời vô ảnh, là trường tử đứng đầu quần sinh. Vì muôn vật đã được dựng nên trong Ngài, bất luận trên trời, dưới đất, vật hữu hình hoặc vô hình, hoặc ngôi vua, hoặc quyền cai trị, hoặc chấp chính, hoặc cầm quyền, đều là bởi Ngài và vì Ngài mà dựng nên cả. Ngài có trước muôn vật và muôn vật tồn tại trong Ngài... Vì Chúa đã làm cho Ngài chứa chan sự Viên mãn của Chúa.»^[8]

Các nhà bình luận thuộc Thánh kinh Jérusalem, khi bình đoạn này, đã cho rằng Thánh kinh vốn chủ trương vũ trụ tràn đầy sự hiện diện sáng tạo của Thượng đế, một quan niệm hết sức phổ biến ở Hi Lạp và La mã.

II. QUAN NIỆM THIÊN NHÂN TƯƠNG DỮ CỦA DỊCH KINH VỚI CÁC ĐẠO GIÁO

Trương Kỳ Quân, một học giả Trung Hoa lỗi lạc hiện thời, đã viết như sau trong tạp chí «Trung Quốc nhất chu» và trong «Trung hoa ngũ thiên niên sử» của Ông như sau:

«Trung Quốc tự thời Đường Ngu (Nghiêu, Thuấn) tới nay đều có chủ trương Trời người có thể kết hợp... Kính Trời cốt để yêu người, yêu người cốt để kính Trời... các thánh triết lịch đại chỉ cốt làm sáng tỏ lẽ «Thiên Nhân hợp nhất».»^[9]

Trong bài khảo luận của Ông về Chu Dịch, ông cũng viết: «Sách Dịch thật mênh mông bao quát, nhưng đại khái là cốt xiển minh lẽ «Thiên nhân tương dữ».»^[10]

Chủ trương Thiên nhân hợp nhất, hay nói nôm na, chủ trương Trời chẳng xa người, chính là một chủ trương căn cốt của các đạo giáo, tuy xưa nay ít được khai thác một cách thỏa đáng.

Ít ngày trước khi bị khổ nạn chúa Jésus đã khấn nguyện cùng đức Chúa Cha như sau:

«Ấy chẳng những vì họ mà con cầu xin thôi đâu, nhưng cũng vì kẻ sẽ nghe lời họ mà tin con nữa, để cho ai nấy hiệp làm một, như Cha ở trong Con, và Con ở trong Cha, để cho họ cũng ở trong chúng ta...»^[11]

Ngài lại nói: «Ta sẽ nài xin Cha, Ngài sẽ ban cho các người một Đấng yên ủi khác, để ở với các người đời đời tức là Thần Chân lý mà thế gian không thể tiếp nhận được vì chẳng thấy và chẳng biết Ngài, nhưng các người biết Ngài vẫn ở với các người, và sẽ ở trong các người.»^[12]

Trong bài thuyết trình tại Thượng viện Hi Lạp, thánh Paul nói: «Ngài đã khiến cho muôn dân, sinh ra cùng một tông tổ, tràn lan khắp mặt đất, đã ấn định cho họ thời gian, và đã giới hạn cơ ngơi cho họ, để cho con người rờ rẫm, tìm kiếm và đạt tới thiên vị, tìm ra được thiên thể; và chẳng Trời cũng chẳng có xa người. Thật vậy chúng ta sống động và sinh tồn trong Ngài. Và lại một triết gia của quí quốc cũng đã nói:

«Chúng ta là dòng dõi Ngài.» [\[13\]](#)

Khảo thánh thư Ấn giáo, ta thấy Áo Nghĩa thư đã viết:

«Ngã (Atman) ở trong tim tôi nhỏ hơn hạt thóc, nhỏ hơn hạt mè, nhỏ hơn hạt cải, nhỏ hơn hạt kê, nhỏ hơn nhân hạt kê, cũng Atman ở trong tim tôi đó lại lớn hơn không gian, lớn hơn muôn ngàn vũ trụ.» [\[14\]](#)

«Đó là Chân tâm trong lòng tôi, đó chính là Brahma.» [\[15\]](#)

Áo Nghĩa Thư cũng đưa ra đại công thức Tat Tvam Asi: Cái đó chính là Con.

«Sự thực, con ơi, cái thực thể tế vi mà con không tự giác được, chính nhờ cái thực thể tế vi ấy mà cây vả này mọc lên...

Con ơi, con hãy tin rằng, cái thực thể tế vi ấy đã tạo thành cả thế giới, toàn thể vũ trụ. Đấy là thực tại, đấy là Atman. Chính con là cái ấy. Tat Tvam Asi.» [\[16\]](#)

Cho nên cái học cao siêu nhất là học để tìm cho ra được đấng vô cùng.

«Biết rằng trong dạ có Trời,

Rối ren ngu muội tức thời tiêu tan.» [\[17\]](#)

Công phu tu luyện cao siêu nhất là được kết hiệp với Atman, với Thượng đế.

«Từ nay âu đã thành thần,

Từ nay mơ ước hồng trần tiêu tan.

Người phàm nay đã siêu phàm,

Lòng trần nay đã biến sang lòng Trời.» [\[18\]](#)

Vả lại tìm Tuyệt đối thể, không phải lia đời, không phải lên thâm sơn, cùng cốc, vì Tuyệt đối thể ở ngay trong lòng con người, ở ngay trong tâm khảm con người.

«Chân tâm nhỏ tựa ngón tay,

Lồng trong tâm khảm muôn loài thụ sinh.

Tâm thần trí lự bao quanh,

Ai mà biết được trở thành thần tiên.» [\[19\]](#)

Thánh thư Coran của Hồi giáo cho rằng Thượng đế ở gần con người hơn tinh mạch cổ con người. [\[20\]](#)

Quan niệm «Thiên nhân tương dữ» đã thấy có từ xa xưa ở Trung Hoa.

Kinh Thi viết:

«Quân Thương Ân bạt ngàn Mọc Dã,

Một rừng người chặt cả sa tràng.

(Cho ba quân thêm dạ sắt gan vàng.)

(Võ Vương kêu:) Thượng đế ở cùng ta đó,

Ba quân hãy vững lòng vững dạ.» [\[21\]](#)

Lời kêu gọi đó đã làm cho binh sĩ nhà Châu hứng khởi, ào lên đánh tan quân Thương Ân trong một buổi sáng...

Trương Hoàn Cừ chủ trương: «Người theo đạo Nho sẽ từ chỗ toàn thiện tới chỗ minh triết hoàn toàn. Cho nên «Thiên nhân hợp nhất» là tuyệt đỉnh của sự học vấn, và như vậy con người có thể thành thánh ...» [22]

Sách Đại Đồng chân kinh của đạo Lão chủ trương:

«Nhân Thiên bản tự vô sai biệt,

Nhất điểm linh quang hỗn Thái Huyền.» [23]

Mục đích của đạo Lão chính là vươn lên trên tầm kích thường nhân để kết hợp với Thượng đế. Vì thế Đại Đồng chân kinh mới viết:

«Tận nhân dĩ hợp Thiên.» [24]

Nhưng Trời phải hiển hiện trong lòng con người, thì lúc ấy mới có thể gọi là đạt đạo. [25]

Vì thế Lão tử mới nói: «Kết hợp với Trời là tuyệt điểm tinh hoa của cổ nhân.» [26]

III. QUAN NIỆM VẠN VẬT TUẦN HOÀN CHUNG NHI PHỤC THỦY VỚI CÁC ĐẠO GIÁO

Dịch kinh chủ trương vạn vật biến thiên tiến thoái theo hai chiều tinh thần, vật chất, âm dương, vãng lai phản phúc, tuần hoàn.

Chiều từ tinh thần ra vật chất, ngoại cảnh là chiều THOÁI (involution). Chiều từ vật chất về lại tinh thần là chiều TIẾN (évolution).

Người xưa nói: «Hậu thăng, tiền giáng định nhất chu.» 後升前降定一周 (Giáng trước, thăng sau định một vòng.)

Vì có vãng lai phản phúc tuần hoàn, nên lúc khởi đầu cuộc đại tạo vạn vật đều hồn nhiên, vô tội, và đến lúc chung cuộc lại trở nên tinh toàn.

Đó là ý nghĩa câu: «Thiên địa tuần hoàn chung nhi phục thủy.»

Thiệu Khang Tiết một nho gia tinh thông Dịch lý đã toát lược lẽ vãng lai phản phúc như sau: «Vạn vật từ Trung điểm (Tuyệt đối) phát xuất ra, cuối cùng lại trở về Trung điểm.» [27]

Đại Đồng chân kinh viết: «Thủy chung như nhất.» [28]

Lão Tử viết:

«Muôn loài sinh hóa đa đoan,

Rồi ra cũng phải lai hoàn bản nguyên.

Hoàn bản nguyên an nhiên, phục mệnh,

Phục mệnh rồi trường vĩnh vô cùng.» [29]

Sách Khải Huyền của Thiên Chúa giáo viết: «Ta là Thủy và là Chung.» (Apocalypse, 18, 21; 6, 2– 23).

Nếu mà Thủy Chung như nhất, mà Thủy và Chung chính là Thượng đế, thì thủy và chung đều phải hết sức tốt đẹp.

Vì vậy mà trong Sáng thế ký, khi Chúa tạo dựng nên muôn loài đã phải khen muôn loài đẹp đẽ. [30]

Cũng vì vậy, mà khi đề cập đến buổi bình minh nhân loại thì Á cũng như Âu đều cho đó là một thời hoàng kim...

Sách Khải Huyền chủ trương, lúc chung cuộc, Trời sẽ chung sống với người, trong một thế giới mới, trong một thành Jérusalem mới, huy hoàng rực rỡ, cạnh dòng sông Trường sinh trong vắt, và cạnh cây Trường sinh đầy hoa quả tốt tươi. (Khải Huyền, chương 21).

Nếu đầu mà hay, cuối cùng lại đẹp, thì lúc nhân loại lao lung, cùng khốn, khổ cực nhất là khi lịch sử nhân quần diễn biến tới lúc nửa đời, nửa đoạn, nửa cuộc, nửa chừng.

Các tai họa mà các đạo giáo mô tả sẽ xảy ra trong ngày thế mạt, thực ra chỉ là những hồi chuông cảnh tỉnh, những tai họa báo tri một khúc quanh lịch sử vô cùng quan trọng, lúc mà nhân loại thức tỉnh thực sự, để nhận thức được rằng Trời chẳng xa người, lòng trời đã lồng ngay trong lòng sâu con người.

Dịch viết: «Phục kỳ kiến Thiên địa chi tâm hồ.» 復其見天地之心乎. Thật là vô cùng thâm thúy. (Xem Dịch kinh nơi quẻ Phục).

Khúc quanh lịch sử ấy cũng tương tự như ngày Đông chí của một năm. Ngày Đông chí tuy là ngày tối tăm, lạnh lẽo nhất trong năm, nhưng lại là ngày mà vầng dương trở gót lại trên đường trời, để trở về cùng trái đất, đem ánh sáng, đem ấm áp dần về cùng trái đất, và chuẩn bị một mùa xuân mới huy hoàng rực rỡ.

IV. DỊCH KINH VỚI QUAN NIỆM THIÊN ÁC

Dịch kinh chuyên dạy cách xu cát tị hung, tức là dạy cho mọi người biết cách trừ diệt lầm than, khổ ải, và mưu cầu hạnh phúc, sung sướng.

Dịch kinh cho rằng Thiện là những gì hợp với đạo lý, tâm lý, vật lý, là những gì hỗ trợ cho cuộc tiến hóa quần sinh, là những gì đem lại an bình, hạnh phúc cho nhân thế; ác là những gì đi ngược lại các định luật vũ trụ, tâm lý, sinh lý, vật lý, v.v. tất cả những gì làm cho con người hủ hoại, thoái hóa, tất cả những gì làm cho con người lầm than cơ cực.

Dịch kinh cho rằng con người sở dĩ lầm than, khổ sở là vì còn đang sống trong tương đối, trong không gian thời gian, là vì không am tường đạo lý, tâm lý, vật lý, không có cái nhìn bao quát thấu đáo về thực tế, không biết cách tiến thoái cho hợp thời hợp cảnh, không biết cách thích nghi với hoàn cảnh; không biết cách chế ngự hoàn cảnh; lại còn chia rẽ, không đoàn kết, không đồng lao cộng tác, lại còn mất tự tín, tự chủ, tự cường.

Vậy muốn được thắng lợi, được thành công, được hạnh phúc, cần phải biết suy tư nghiên cứu để hiểu rõ hoàn cảnh mình đang sống, những khó khăn mình đang gặp, để tìm cho ra những phương pháp chế ngự được hoàn cảnh, khắc phục được mọi nỗi khó khăn; phải biết tự tín, tự cường; phải biết bình tĩnh và bền gan khi gặp hoạn nạn; phải biết khiêm cung, thận trọng khi đắc thời, đắc thế; phải tuân theo đạo lý, thiên lý, tâm lý, vật lý; phải biết đoàn kết, tương ái, tương thân để cùng nhau xây đắp tương lai.

Vả bao lâu mà hình hài, ngoại cảnh còn làm chủ con người, thì bấy lâu con người còn lao đao, lận đận; bao lâu con người còn sống trong xung khắc mâu thuẫn, dù là trên bình diện nội tâm, hay trên bình diện ngoại cảnh, thì bấy lâu con người còn khắc khoải, khổ đau. Bao giờ tâm thần con người làm chủ, mà ngoại cảnh chỉ đóng vai phụ bật, bao giờ con người hòa hợp được tâm thần mình với ngoại cảnh, với tha nhân, với vũ trụ, với Toàn thể, bao giờ con người vượt được lên trên cái thế giới tương đối, mâu thuẫn này, thì bấy giờ con người mới thoát khổ.

Tuy nhiên, dở hay ở trên đời này, tất cả đều là những yếu tố giúp cho con người lập được đại công, đại nghiệp ...

Tuy Dịch kinh không nói rõ ràng như vậy, nhưng những tư tưởng trên ẩn ước và bàng bạc trong suốt

bộ Dịch, từ Thoán đến Tượng, từ quẻ đến hào, từ Kinh đến Truyện, cho nên người học Dịch sẽ tìm ra được những quan niệm ấy không mấy khó khăn.

Các đạo giáo thiết tưởng không thể nào dạy được gì cao siêu hơn.

V. Ý NGHĨA CUỘC BIẾN HÓA CỦA MUÔN LOÀI

Dịch là biến hóa. Dịch kinh chủ trương vạn vật đều biến hóa không giây phút nào ngừng nghỉ.

Nhưng, như trên đã nói, sự biến hóa của Dịch kinh là một vòng tuần hoàn, chứ không theo một đường thẳng đặng như các học thuyết Âu châu.

Thuyết biến hóa của Dịch có hai chiều giáng, thăng, thoái hóa (involution), tiến hóa (évolution) chứ không một chiều một hướng như thuyết tiến hóa của Lamarck, Darwin.

Dịch chủ trương biến hóa từ thần đến vật, rồi lại từ vật đến thần, để thủy chung như nhất, chứ không tiến hóa một chiều, lừng lờ từ vật đến người, như thuyết tiến hóa của Darwin.

Dịch lại cho rằng vạn vật biến hóa để thực hiện bản thể, tinh hoa của mình, để cuối cùng trở về hợp nhất với Thái Hòa (Dịch, Kiền quái).

Như vậy vạn vật biến hóa có mục phiêu, chứ không phải biến hóa mù quáng, bừa bãi, theo như nhãn quan biến hóa duy vật.

Thuyết vạn vật biến hóa của Dịch, mục phiêu biến hoá của Dịch cho chúng ta một niềm hi vọng vô biên về tương lai.

Dịch cũng giúp chúng ta hiểu được một đoạn văn hết sức bí ẩn của thánh Paul trong thư gửi người Romans. Ngài nói: «Thực vậy, tôi tưởng rằng những sự đau khổ của thời buổi này chẳng có thể so sánh được với vinh quang rồi đây sẽ hiển dương trong chúng ta. Tất cả tạo vật đang nóng lòng chờ đợi sự xuất hiện của những con Thiên Chúa.» (Rom. 8, 18).

Thế là đối với thánh Paul, sự biến hóa của cuộc đại tạo này chỉ có mục đích giúp con người thành thần minh, thành những Con Thiên Chúa thật sự.

Tư tưởng này từ hơn một thế kỷ nay càng ngày càng trở nên rõ rệt.

Lecomte du Noüy gần đây cũng chủ trương rằng mục đích xa xăm của cuộc tiến hóa là thực hiện một giống người siêu đẳng, những «thần nhân».^[31]

Teilhard de Chardin viết:

«Tôi tin rằng vũ trụ tiến hóa.

«Tôi tin rằng cuộc tiến hóa sẽ tiến tới Thần Linh.

«Tôi tin rằng Thần Linh sẽ kết thúc trong Thượng đế hữu ngã.

«Tôi tin rằng Thượng đế hữu ngã tuyệt đối là đấng Christ đại đồng phổ quát.»^[32]

Radakhrishnan viết: «Thủy chung như nhất.»^[33] Ông lại viết thêm; «Lịch sử diễn biến từ Thần và lại trở về Thần.»^[34]

Như vậy theo lẽ Dịch thì vạn vật đều biến hoá không ngừng để thực hiện định mệnh, thực hiện tinh hoa.

Một người đạo hạnh chân chính, theo đúng lẽ Dịch của trời đất, cũng phải biết luôn:

Biến hóa hoàn cảnh để cho đời sống vật chất thêm đẹp tươi.

Biến hóa tâm tư, cải thiện đồng loại, để xã hội ngày càng thêm công bình trật tự.

Biến hóa tâm thần để trở nên tinh toàn hoàn thiện, phối hợp với Thượng đế.

CHÚ THÍCH

- [1] Dịch chi vi thư giáo nhân hồi Thiên chi đại kinh đại pháp dã. 易之為書, 教人回天之大經大法也. Thái Cực quyền bồng đồ thuyết, tr. 52.
- [2] Voici un texte d'Apulée où la déesses Isis proclame elle-même son empire unitaire et relève par là les tendances égyptiennes elles-mêmes: «Je suis la Nature même de toutes choses, la Maîtresse des éléments, la source et l'origine des siècles, la Souveraine des divinités, la Reine des mânes et la dieux et toutes les déesses. Je gouverne à mon gré les éclatantes voutes du ciel, les vents salutaires de la mer et le triste silence des enfers. Je suis la seule divinité qui soit dans l'univers, que toute la terre révère sous plusieurs formes, avec des cérémonies diverses et sous des noms différents. L'on m'appelle la Mère des dieux.» (Sertillanges, Le Problème du mal, p. 30).
- [3] Verily this Self is the overlord of all things, the king of all things. As all the spokes are brought together in the hub and felly of a wheel, so are all things, all gods, all worlds, all breathing spirits, all these selves, brought together in this Self.
- (Brahadaranyaka Up. 2.5.14-15) (R. C. Zaehner, The Comparison of Religions, p. 67).
- [4] Ib. 3,8, 6-8 và R.C. Zaehner, The Comparison of Religions, p. 67.
- [5] Vũ trụ bình đẳng bản thể chi thượng, khởi nhân duyên sở sinh chi phong, nhi thành vạn tượng sai biệt chi ba... Sinh nhi diệt, diệt nhi sinh, kỳ gian nhân quả chi quan hệ bất dung thiếu muội... Vũ trụ chi hiện tượng, hữu sinh diệt, hữu thủy chung. Kỳ bản thể tắc bất sinh, bất diệt, bất tăng bất giảm. Thủ Bản thể vị chi Chân Như. Hiện tượng vị chi vạn pháp. Chân như giả phi vô thường, diệc phi vô ngã dã... 宇宙平等本體之上, 起因緣所生之風, 而成萬象差別之波生而滅, 滅而生, 其間因果之關係不容少昧 宇宙之現象有生滅, 有始終, 其本體則不生不滅, 不增不減 此本體謂之真如 現象謂之萬法. 真如者非無常, 亦非無我也. Bản thể Niết Bàn, hiện tượng tử sinh. Bản thể涅槃現象死生. P. Léon Wieger, Histoire des croyances religieuses et des opinions philosophiques en Chine, p. 548 et ss...
- [6] Lão tử Đạo Đức Kinh chương I.
- [7] Mais l'opinion la plus suivie actuellement et qui me paraît (pare) empruntée à la secte des idoles depuis 500 ans (philosophie des Song) c'est que tout ce monde est fait d'une seule substance et que la création du monde avec le ciel et la terre, les hommes et les animaux, les arbres et les végétaux, et les quatre éléments, forment un corps continu dont les divers êtres sont les membres. C'est cette unicité de substance que l'on déduit le devoir de la charité envers les hommes et la substance que l'on déduit le devoir de la charité envers les hommes et la possibilité pour tous de devenir semblables a Dieu. (Henri Bernard Maître, Sagesse chinoise et philosophie chrétienne, p. 108).
- [8] Col. I, 16-17.
- [9] Trung Quốc tự Đường Ngu dĩ lai tức hữu Thiên nhân hợp nhất chi tư tưởng. Kính Thiên sở dĩ ái nhân, ái dân sở dĩ tôn Thiên. Lịch đại thánh triết mạc bất kế tục hoành dương thử Thiên nhân hợp nhất chi đạo. 中國自唐虞以來即有天人合一之思想. 敬天所以愛人. 愛民所以尊天. 歷代聖哲

莫不繼續宏揚此天人合一之道. Trung Quốc nhất chu, kỳ 623, tr. 21 – Trung Hoa ngũ thiên niên sử III, chương Lão Tử.

[10] Dịch chi vi thư quảng đại tất bị, nhi ngữ kỳ yếu qui tắc vi Thiên nhân hợp nhất chi đạo. 易之為書廣大悉備. 而語其要歸則為天人合一之道. Trung Hoa ngũ thiên niên sử, chương Chu Dịch, tr. 123.

[11] Jean, 17, 20-21.

[12] Jean, 14, 16-17.

[13] Actes 17, 26-28.

[14] Chandogya Upanishad, 3. 14. 3.

[15] Ib. 3, 14. 4.

[16] Verily, my dear, that finest essence which you do not perceive, verily, my dear, from that finest essence, this great Nya-grodha (sacred fig) tree thus arises.

Believe me, my dear, said he, that which is the finest essence – this whole world has that as its soul – That is Reality. That is Atman (Soul). That art thou, Svetaketu. (Chandogya Up. 6. 12.2.3.)

[17] He who knows that, set in the secret place (of the heart), he here on earth, my friend, rends asunder the knot of ignorance. (Mundaka Upanishad. 2. 1-10).

[18] When are liberated all

The desire that lodge in one's heart,

Then a mortal becomes immortal,

Therein he reaches Brahma. (Brihad Aranyaka Up. 4.4.7.)

[19] Svetasvatara Up. 3. 13.

[20] Coran, Sourate 50, 16.

[21] Thương Ân chi lữ, Kỳ hội như lâm, Thỉ vu Mục Dã, Duy dư hầu hâm, Thương đế lâm nhữ, Vô nhị nhĩ tâm.

[22] Tống Nguyên học án, Hoàn Cừ học án, quyển XVII tr. 55.

[23] Xem Đại Đổng chân kinh, I các tr. 5, 12 và 5b.

[24] Xem Đại Đổng chân kinh, I các tr. 5, 12 và 5b.

[25] Xem Đại Đổng chân kinh, I các tr. 5, 12 và 5b.

[26] Lão Tử Đạo Đức kinh, chương 68.

[27] Vạn vật tòng Trung nhi khởi, tòng Trung nhi chung (Thiệu Tử).

[28] Đại Đổng chân kinh, I, 7.

[29] Đạo Đức Kinh, ch. 16.

[30] Sáng thế ký, I, 31.

[31] Xem Dignité humaine, p.20. – Lecomte du Noüy và Học thuyết Viễn đích của tác giả, tr. 239.

[32] Je crois que l'univers est en évolution,

Je crois que l'évolution va vers l'Esprit.

Je crois que l'Esprit s'achève en Dieu personnel.

Je crois que le Personnel suprême est le Christ universel.

George Magloire, Teilhard de Chardin, p. 123.

Xem thêm Lecomte du Noüy và Học thuyết Viễn đich của tác giả, tr. 420.

[33] There is coincidence of the beginning and the end. (Radakrishnan.)

[34] «The process of history has come from the divine spirit and to the divine spirit it returns.»
(Radakrishnan) (Cf. Grace E. Cairns, Philosophy of History, p. 312).

» [mục lục](#) | [tựa](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) | [sách tham khảo](#)

HƯƠNG TINH THÂN

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» mục lục | tựa | chương 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | sách tham khảo

chương 8

ĐI TÌM ÍT NHIỀU NGUYÊN TẮC ĐỂ LÀM TIÊU CHUẨN CHÂN LÝ

- A. BA QUAN NIỆM ÂU CHÂU VỀ CHÂN LÝ VÀ TIÊU CHUẨN CHÂN LÝ
- B. THẾ NÀO LÀ CHÂN LÝ
- C. NHỮNG TIÊU CHUẨN ĐỂ ĐOÁN ĐỊNH CHÂN LÝ
- D. HỆ QUẢ

Trong cuộc đối thoại giữa Chúa Jésus và Ponce Pilate, Pilate đã nói một câu bất hủ: «Đâu là chân lý?» Nó bất hủ vì nói lên sự băn khoăn, thắc mắc của con người muốn đi tìm chân lý mà không biết đâu là chân lý, và thế nào là chân lý. (Jean, 18, 38).

Cái gì là chân lý? Và cũng một điều mà tùy thời, tùy nơi, tùy người, tùy đoàn thể được coi là chân lý, nhưng đối với những nơi khác, những thời khác, những người khác, những đoàn thể khác thì lại bị coi là tà thuyết.

Pascal đã phải nói: «Bên này Pyrénées là Chân lý, bên kia là lầm lạc.» (Pascal, Les Pensées, V, 294).

Chúng ta không muốn đi tìm những chân lý tạm bợ, mà muốn đi tìm cho ra những chân lý vĩnh cửu, những chân lý thực sự có thể giải phóng con người (Jean 8, 23), làm «tung tỏa trong con người một nguồn sống siêu nhiên.» (Jean 7, 38).

Đặt vấn đề chân lý, tức là mặc nhiên đặt vấn đề cá nhân và đoàn thể xã hội.

Vấn đề tiên quyết được đặt ra là: Cá nhân có quyền định đoạt thế nào là chân lý? Hay chỉ xã hội, đoàn thể mới có quyền định đoạt về chân lý?

Thiên Chúa giáo không cho cá nhân quyền định đoạt về chân lý. Chân lý, giáo lý hoàn toàn do giáo hội quyết định qua trung gian các vị giáo hoàng, hay các công đồng. Cá nhân nào không tuân phục những giáo lý (dogme), sẽ bị coi là kẻ phản đạo.

Các đạo giáo Á đông lại thiên về phía cá nhân, cho cá nhân được toàn quyền định đoạt về chân lý.

Phật nói trong kinh Kalamasutra: «Đừng nên vội tin những lời đồn thổi, những lời truyền tụng lưu lại tự thời cổ, những phong thanh, những lý lẽ, những suy luận hữu lý, những hình thức bên ngoài, những dư luận trào lưu đang được sùng thượng, những giả thuyết, những ước đoán và cũng đừng tin vì thế giá ta là sư phụ. Nhưng nếu kinh nghiệm bản thân chư vị thấy điều chi là xấu, điều chi làm cho chư vị tằn phiến khổ cực, thì hãy vứt bỏ nó đi, còn nếu chư vị thấy điều nào hay và hoàn toàn không chê trách được, và sẽ đem lại cho chư vị thành thoi giải thoát thì chư vị hãy đem thực thi áp dụng.» [1]

Vương Dương Minh cũng dạy phải lấy lương tâm, lương tri mình làm đuốc sáng soi cho mình, phải trọng lương tâm, lương tri mình hơn mọi sách vở, mọi truyền thống.

«Thần thánh ngàn xưa đều quá vắng,

Tâm ta mới thực chính thầy ta.» [\[2\]](#)

Trong các triết gia Âu châu người thì thiên về cá nhân (singularism), người thì thiên về xã hội.

Sorokin phân tách thành 6 khuynh hướng như sau:

1. Có phái chủ trương cá nhân là trọng, xã hội là khinh (Pure individualism). Cá nhân mới là thực thể, mới là nguồn gốc mọi giá trị, mới là cao trọng, còn xã hội là tùy thuộc vì xã hội cốt là để phục vụ cá nhân, bảo vệ sinh mạng và chu toàn hạnh phúc cá nhân. Trong số các triết gia có chủ trương trên ta thấy có Épicure, Diogène, Rousseau, Diderot, Nietzsche, Tolstoï, Prudhon, v.v.

2. Nhiều triết gia khác, trong số có Marx, Engels, Campanelle, Fénelon, v.v. chủ trương cá nhân tuy là trọng, nhưng xã hội cũng chẳng phải là khinh (Moderate sociological singularism).

3. Tiến xa hơn một bước nữa là những triết gia, trong số có Socrate, Démocrite, Empédocle, Xénophon, Montesquieu, Voltaire, A. Smith, Tom Paine, Malthus, Darwin, Freud, v.v. chủ trương cá nhân tuy là vẫn có giá trị, nhưng xã hội dĩ nhiên là trọng hơn (Collectivistic sociological singularism). Cho nên phải nghĩ đến quyền lợi, hạnh phúc của đoàn thể, của đại đa số trước, rồi mới đến quyền lợi hạnh phúc cá nhân sau.

4. Phái xã hội ôn hòa trong đó có các triết gia như Pythagore, Aristote, Roger Bacon, Duns Scot, Kant, Schiller, Fichte, Virgile, Pascal, Calvin, Spinoza, v.v. chủ trương xã hội tuy trọng hơn cá nhân, nhưng vẫn công nhận cá nhân có giá trị (Moderate sociological universalism).

5. Phái quá khích nhất cho rằng xã hội mới là trọng, còn cá nhân riêng nó chẳng có giá trị gì (Universalism). Ít nhiều triết gia có chủ trương này: Aximandre, Platon, Parménide, Tertullien, Augustin, Alseme, Grégoire VII, Albert le Grand, Thomas d'Aquin, Dante, Luther, Dostoesky, v.v.

6. Cuối cùng ta thấy có một chủ trương dung hoà (Sociological mystic integralism) cho rằng xã hội, cá nhân là hai chiều, hai mặt của một thực thể, không có chuyện bên nào kinh, bên nào trọng, hay bên nào làm công cụ cho bên nào, mà phải hỗ tương, liên kết. Ít nhiều triết gia có chủ trương trên: Cicéron, Sénèque, Plutarque, Plotin, Origène, Jean Chrysostome, Bernard de Clairveaux, François d'Assise, Nicolas de Cuse v.v... [\[3\]](#)

Sau khi đã trình bày xong các tư tưởng dị biệt về giá trị cá nhân, và xã hội đoàn thể, chúng ta sẽ khảo sát tiếp thêm xem:

- Đây là chân lý.
- Lấy gì làm tiêu chuẩn chân lý.

A. BA QUAN NIỆM ÂU CHÂU VỀ CHÂN LÝ VÀ TIÊU CHUẨN CHÂN LÝ

Trước khi trình bày những nhận định riêng tư, ta hãy duyệt qua những nhận định của Sorokin.

Sorokin cho rằng ở Âu châu từ trước tới nay có ba chủ trương chính về chân lý.

a. Chủ trương siêu thực (Ideational truth of faith) lấy tín ngưỡng làm công cụ để đi tìm chân lý.

Chủ trương này chú trọng đến các vấn đề siêu nhiên, siêu lý như Thượng đế, quỷ thần, thần, hồn, trường sinh bất tử, sự cứu rỗi, tội khiên, cứu chuộc, sự sống lại, thiên đàng, luyện ngục, địa ngục, v.v.

Chủ trương này cho rằng chỉ những gì siêu hình mới là thực, là quan hệ, còn các hiện tượng hữu hình,

thực tiễn là thứ yếu, tùy thuộc, và chỉ là những biểu tượng những hình ảnh của thế giới vô hình. Thần học là môn học quan trọng nhất.^[4]

Tiêu chuẩn chân lý của chủ trương này là thánh kinh. Muốn chứng minh một điều gì là chân lý, phải chứng minh đó là phù hợp với một câu thánh kinh nào.

Lý trí và giác quan chỉ đóng vai trò phụ thuộc, và chỉ được phép hoạt động khi không đi ngược lại đường lối thánh kinh.^[5]

b. Chủ trương cứ thực, lấy giác quan, kinh nghiệm làm công cụ để đi tìm chân lý.

Chủ trương này ngược lại hẳn với chủ trương trên, vì chỉ chú trọng đến thế giới hữu hình và cho rằng chỉ những gì hữu hình, hữu tướng mới có thể quan sát, khảo nghiệm được và mới là chân thực.

Cái gì thuộc về vô hình vô tướng đều bị coi là hư ảo, phụ thuộc, không quan hệ.

Muốn đi tìm chân lý, trước hết phải căn cứ vào sự việc, vào giác quan, vào sự khảo nghiệm, sau đó phải dùng lý trí, suy luận, tính toán, so sánh.

Bất kỳ một khám phá nào cũng chỉ được chấp nhận tạm thời, như là một giả thuyết và chỉ được coi là chân lý, khi nào đã được khảo nghiệm là phù hợp với thực tại. Giả thuyết đi ngược với thực tại đương nhiên bị bác bỏ. Thánh kinh, mặc khải là những chuyện dị đoan mê tín.^[6]

c. Chủ trương dung hoà: Lấy lý trí làm công cụ chính để đi tìm chân lý.

Chủ trương thứ ba là chủ trương dung hoà, coi siêu nhiên hay thực tại đều đáng được khảo sát, nghiên cứu. Người ta không quá trọng cũng không quá khinh thế giới hữu hình. Những kiến thức về hoàn cảnh thực tại vẫn được trọng dụng, và được coi như là một thành phần trong toàn bộ kiến văn.

Người ta quan niệm rằng lý trí và suy luận nếu có phương pháp hẳn hoi, có căn bản vững chãi, nếu sự suy diễn có lý sự, thì có thể đạt tới thực thể bản nguyên của vũ trụ.^[7]

Chân lý trước tiên phải là điều phù hợp với lý trí. Tuy nhiên vẫn có thể dùng kinh nghiệm giác quan, và thánh kinh để khảo nghiệm.^[8]

Chủ trương này có liên lạc chẳng nhiều thì ít đến những môn phái triết học sau đây:

– Phái Kinh viện thời Trung cổ (Scolastique)

– Phái huyền học (Mysticisme)

– Phái duy tín (Fidéisme)

– Phái duy lý (Rationalisme)

– Phái hoài nghi hoặc hoàn toàn (Scepticisme) hoặc có giới hạn (Critico– scepticisme; Agnosticisme) về sự nhận thức của con người.

– Phái duy nghiệm (Empirisme)^[9]

Sau khi đã trình bày sơ lược những nhận định của Sorokin về chân lý và tiêu chuẩn chân lý, chúng ta đóng góp thêm ít nhiều ý kiến riêng tư về hai vấn đề nói trên.

B. THẾ NÀO LÀ CHÂN LÝ

Muốn hiểu rõ thế nào là chân lý, ta phải phân tách hai phương diện:

- Phương diện thực tại
- Những nhận xét của con người về thực tại.

Sau đó chúng ta nhận định rằng chỉ những nhận xét nào về thực tại mà phù hợp với thực tại mới được coi là chân lý.

Phân tích và nhận xét như vậy, ta mới biết đường khảo sát về chân lý.

a) Thực tại:

Trước tiên là thực tại. Thực tại có nhiều khía cạnh nhiều bình diện khác nhau.

- Bình diện siêu nhiên, gồm các vấn đề tâm linh, siêu hình.
- Bình diện nhân sinh gồm các vấn đề tâm lý chính trị, xã hội, nhân sự.
- Bình diện vật chất, ngoại cảnh.

Ba bình diện ấy có thể phân loại theo từ ngữ Dịch kinh thành:

- Thiên đạo
- Nhân đạo
- Vật đạo.

Mỗi bình diện ấy tương ứng với một bình diện trong con người.

- Bình diện siêu nhiên tương ứng với tâm linh con người (esprit)
- Bình diện nhân sinh, nhân sự tương ứng với bình diện tâm trí con người (Psyché et raison).
- Bình diện ngoại cảnh vật chất tương ứng với hình hàm giác quan con người.

b) Quan năng để khảo sát thực tại:

Để nhận xét về các vấn đề của mỗi bình diện, con người lại dùng những quan năng khác nhau.

- Dùng tuệ giác, trực giác để nhận thức về các vấn đề siêu nhiên.
- Dùng lý trí để nhận thức về các vấn đề nhân sinh, nhân sự.
- Dùng giác quan để quan sát, nhận thức về ngoại cảnh hữu hình.

c) Phương pháp kiểm chứng nhận thức:

Để kiểm chứng xem các nhận thức ta có phù hợp với thực tại hay không, ta dùng những phương pháp khác nhau:

- So sánh các nhận định về siêu hình của thánh hiền mọi nơi mọi đời, nghiên cứu đối chiếu các thánh thư các đạo giáo, dùng trực giác mình để nhận định và phối kiểm.

- So sánh các ý kiến của các danh nhân, danh sĩ trong lịch sử, để khảo nghiệm về các vấn đề nhân sinh, nhân sự, tâm lý, xã hội; suy luận, phán đoán để kiểm chân.

- Áp dụng các phương pháp quan sát, thí nghiệm, lập luận của khoa học ngày nay để nghiên cứu các vấn đề vật chất, ngoại cảnh, hữu hình.

Giác quan không thay được lý trí; lý trí không thay được trực giác. Ngược lại trực giác vẫn có thể hỗ trợ lý trí và giác quan; lý trí vẫn cần thiết để suy toán các vấn đề ngoại cảnh và vật chất.

Nói cách khác, muông thú có giác quan, nhưng không có mấy lý trí, nên không suy luận tìm hiểu được những điều khó khăn, phức tạp, sâu xa. Phạm nhân không có tuệ giác, trực giác, nên không thấu đáo được các vấn đề siêu nhiên, siêu hình, nên đành dấn mắt tin theo các bậc thánh hiền, các vị lãnh đạo.

Tuy nhiên trong sự thừa nhận ấy họ đã làm mất mát rất nhiều tinh hoa, tinh túy của thánh hiền.

– Mỗi loại vấn đề đều có những quan năng riêng, công cụ riêng để khảo cứu, nhận thức, đều có những phương pháp riêng để giảo nghiệm xem những điều tìm ra được đúng hay là sai.

– Bất kỳ một vấn đề gì mà không phù hợp với thực thể siêu nhiên, hoặc nhân sinh, nhân thế, hoặc ngoại cảnh vật chất, đều bị gạt bỏ, vì không phải là chân lý đích thực.

– Nhờ tìm ra được những quan năng, những công cụ để đi tìm chân lý nhờ có những phương pháp, những tiêu chuẩn chính xác để đoán định chân lý, ta thấy thực ra có hai loại chân lý:

– Một loại chân lý tự nhiên, phù hợp với thực tại.

– Một loại chân lý qui ước, nhân tạo, tuy không phù hợp với thực tại, nhưng nhờ thế lực, uy quyền, nhờ tuyên truyền, giáo dục, nhờ tập quán, nhờ truyền thống đã được từng phương từng miền coi là chân lý. Theo đà thời gian, lịch sử, những chân lý qui ước sẽ lần lượt bị thay thế bởi những chân lý tự nhiên, phổ quát đại đồng.

C. NHỮNG TIÊU CHUẨN ĐỂ ĐOÁN ĐỊNH CHÂN LÝ

Như trên đã nói có ba loại vấn đề để nhận thức:

- Vấn đề siêu nhiên, tức là thiên lý, thiên đạo.
- Vấn đề tâm lý, nhân sinh, nhân sự, tức là nhân đạo.
- Vấn đề vật chất, ngoại cảnh, tức là vật lý, vật đạo.

Tâm linh ta, chân thần ta, vì sống trên bình diện siêu nhiên, nên yêu chuộng vấn đề siêu hình, vô hình, vô tướng.

Tâm linh, chân thần ta (esprit) có thể đạt được các vấn đề siêu nhiên, siêu hình bằng trực giác hay tuệ giác [\[10\]](#).

Tâm trí, thân xác ta sống trong các hoàn cảnh gia đình, quốc gia, xã hội, địa lý, vật chất, nên lưu tâm, lưu ý đến các vấn đề nhân sinh và vật chất. Để khảo sát các vấn đề này con người dùng:

- Lý trí (Raison)
- Giác quan (sens)

Tâm linh, chân thần của con người tuy luôn ở trong con người, nhưng nó tế vi, ẩn áo, linh diệu, nên ít người nhận chân ra được. Nó chính là siêu thức theo từ ngữ triết học hiện nay (Supraconscience). Cũng vì vậy mà xưa nay rất ít người liễu đạt được chân thần, chân tính của mình, rất ít người khai thông được tuệ giác.

Chỉ có một số ít thánh hiền trong thiên hạ mới thấu đáo được tâm linh, mới có tuệ giác, linh giác mà thôi.

Thánh hiền sau khi đã thấu triệt, đã nhận thức được về các vấn đề siêu hình, siêu nhiên, thường đem giảng dạy cho dân, hoặc viết thành sách vở lưu lại cho hậu thế kinh nghiệm quý báu của mình.

Người đời tuy không tự mình nhận thức ra được những vấn đề siêu hình, siêu nhiên, nhưng cũng lĩnh hội được chẳng ít thì nhiều, những điều giáo hóa của thánh hiền. Nhận thấy sách vở của các ngài cao siêu, hấp dẫn, nên thiên hạ suy tôn là thánh kinh và tin theo. [\[11\]](#) Vì thế mà phương nào cũng có thánh kinh của phương ấy.

Thường nhân cũng còn cho rằng những điều đã được ghi chép vượt quá tầm kích chúng nhân, tâm trí con người, cho nên cho rằng những điều đó đã được Trời mặc khải. [\[12\]](#)

Những nhận thức của thánh nhân theo đà thời gian càng ngày càng bị xuyên tạc, pha phách, thành thử những nhận thức về siêu hình mà ta thường cho là chân lý, đôi khi lại chẳng còn phù hợp với thực tại siêu hình nữa, nghĩa là không còn phải là chân lý nữa.

Muốn kiểm chứng lại chúng ta có thể dùng hai đường lối:

a. Dùng tuệ giác, nếu có, để kiểm điểm lại các vấn đề. Đó là phương pháp lý tưởng nhất.

Nhiều thánh hiền Đông Á, bất kỳ là Ấn giáo, Phật giáo, Lão giáo hay Khổng giáo, đều lấy chân tâm con người, lấy lương tri, chân thật, hoặc siêu thức con người làm công cụ chính yếu để nhận định về chân lý, để nhận thức về đạo lý, và các vấn đề tâm linh, siêu lý.

Các ngài dựa vào “tâm linh” mình để tìm cho ra chân lý, sách vở chỉ đóng vai trò thứ yếu, vì tâm linh có trước mọi thứ sách vở và sẽ bền vững hơn mọi thứ sách vở, vì tâm linh phổ quát đại đồng. Tâm linh xuất hiện từ khi con người mới có trên mặt địa cầu, và sẽ hiện diện mãi mãi bao lâu còn có con người. Tâm linh là sở hữu chung cho cả nhân loại, không phân biệt quốc gia, phương sở, không phân biệt sắc áo màu da.

b. Đường lối thứ hai chúng ta dùng để khảo nghiệm chân lý siêu hình, là so sánh tư tưởng, so sánh các lời giảng giáo của các thánh hiền mọi nơi mọi đời để tìm ra những điểm tương đồng, bởi vì đã là thánh hiền thì muôn đời sau trước đều chỉ có một chủ trương, một nhận định.

Mạnh tử viết: “Vua Thuấn sinh ở Chư Phùng, sau dời về Phụ Hạ, thác ở Minh Điều, là người rợ miền Đông. Vua Văn sinh ở Kỳ châu, thác ở Tất Đĩnh, là người rợ miền Tây. Xét về không gian, các ngài cách nhau ngàn dặm, xét về thời gian các ngài cách nhau ngàn năm, nhưng khi đắc chí hành đạo ở Trung quốc thì lại phù hợp với nhau như hai thẻ tre chẻ ra từ một miếng. Tiên thánh, hậu thánh đều có một chủ trương đường lối như nhau vậy.” [\[13\]](#)

Lục Tượng Sơn nói: «Đông hải có thánh nhân xuất hiện, cái tâm ấy, cái lý ấy cũng giống nhau. Tây hải, Nam hải có thánh nhân xuất hiện, tâm ấy và lý ấy cũng như vậy. Thánh nhân của trăm nghìn đời trước hoặc trăm nghìn đời sau cũng một tâm ấy một lý ấy mà thôi.» [\[14\]](#)

Chỉ như vậy, chúng ta mới có thể tìm ra được chân lý siêu hình. Nếu chúng ta chỉ lệ thuộc vào một loại thánh kinh nào để rồi phi bác mọi thánh kinh khác, coi là lầm lạc trước khi khảo sát tận tường, thấu đáo thì chắc chắn chúng ta sẽ mắc bệnh thiên cận và rất dễ đi vào con đường độc đoán và lầm lạc.

Á Đông không chấp nhận một sách nào có thể dùng là tiêu chuẩn chân lý một cách tuyệt đối.

Mạnh tử viết: «Tận tín thư bất như vô thư.» 盡信書不如無書 (Cả tin vào sách thì chẳng bằng không có sách.) [\[15\]](#)

Âu châu hoàn toàn tin vào thánh kinh, như khi đoán định sách nào là thánh kinh thì lại không đồng ý với nhau.

Đạo Tin lành, trung thành với truyền thống Do Thái không chấp nhận những sách sau đây là thánh kinh:

Judith, Tobie, Macchabées I và II, Minh triết, Ecclésiastique (Sách Minh triết của Sirach), Baruch 1– 5, Baruch 6 (Thư của Jérémie), Daniel 13 (Suzanne), và Daniel 14 (Thần Bel và con rồng). [\[16\]](#)

Trái lại Công giáo công nhận những sách trên là thánh thư.

Như vậy sự đoán định về vấn đề sách Thánh cũng đã được dựa trên quyền uy và qui ước. Tóm lại:

- Chỉ có tâm linh mới liễu đạt được các vấn đề siêu linh, siêu lý, mới tìm ra được thiên đạo, thiên lý.
- Tâm trí cốt là để nhận thức về các vấn đề nhân sinh, thế sự.
- Giác quan cốt là để nhận thức về ngoại cảnh, hữu hình.
- Chỉ có thánh hiền mọi nơi mọi đời mới giác ngộ được tâm linh, mới có được tuệ giác, mới trực giác được các vấn đề siêu hình.
- Vì vậy mà hiện nay nhân loại chưa đồng ý với nhau về các vấn đề siêu hình, vì nhân loại phần đông chỉ có lý trí mà không có tuệ giác, chỉ suy luận mà không có trực giác.
- Muốn xác định những gì là chân lý siêu hình, chỉ có hai con đường:
 - a. Một là dùng tuệ giác, nếu có. Đó là một công chuyện rất khó thực hiện.
 - b. Hai là dùng phương pháp khảo sát đối chiếu các thánh kinh mọi dân mọi nước. Đó là một công việc tương đối dễ làm, nhưng ít ai chịu làm, hoặc dám làm.
- Bất kỳ một nhận định nào mà không phù hợp với thực tại, hoặc là siêu hình, hoặc nhân sinh, thế sự, hoặc ngoại cảnh, vật chất đều là những chân lý qui ước, trước sau cũng sẽ bị đào thải.
- Bốn phận con người là luôn luôn phải truy tầm, khảo sát, phân tách, bình nghị để biết thế nào là chân lý ...

D. HỆ QUẢ

Sự đoán định về chân lý, cũng như những tiêu chuẩn chân lý, những công cụ, những đường lối truy tầm khảo nghiệm chân lý có liên lạc mật thiết đến cuộc đời chúng ta.

Ví dụ, nếu chúng ta chấp nhận rằng chân lý chỉ được mặc khải cho các thánh hiền đạo Công giáo mà thôi, chỉ có thánh kinh Công giáo mới có giá trị, thì ta khỏi cần phải nghiên cứu tìm hiểu các đạo giáo khác, đọc các thánh kinh khác, trái lại ta có bốn phận đã phá các đạo giáo khác, công kích các thánh thư khác. Đó là đường lối mà đã có rất nhiều người theo trên phương diện thực hành, và đã được các vị thừa sai triệt để áp dụng, trong khi đi truyền giáo ở Châu Á, Châu Phi, Châu Mỹ.^[17]

Đó cũng là đường lối của cha Alexandre de Rhodes và những người giảng giáo Phúc Âm trong nước ta đầu tiên.^[18]

Nhược bằng ta chủ trương chân lý không phải là của sở hữu của một phương nào, một đạo nào, thì có bốn phận phải khảo cứu các thánh kinh của mọi đạo giáo, học hỏi với các vị hiền thánh mọi nơi, mọi đời nhất là với các vị đã lập nên được những tôn giáo lớn, để tìm cho ra chân lý phổ quát đại đồng.

Chủ trương trên cũng làm cho chúng ta trở nên khoan dung, không tìm cách phỉ báng đả phá các đạo giáo khác; đó là thái độ của người Á đông, nhất là của những người Ấn Độ. Cũng vì vậy mà Á đông không có những vụ các đạo giáo bách hại tín ngưỡng, những chiến tranh tôn giáo như ở Âu Châu.^[19]

Nếu ta chấp nhận rằng chân lý đã được mặc khải cho một số thánh nhân và sự mặc khải đã chấm dứt từ lâu rồi, thì ta có bốn phận chấp nhận tất cả những gì đã được coi là mặc khải, mà không còn phải gắng gỏi suy tư làm gì cho tổn công, vô ích.

Trái lại nếu ta chấp nhận con người có thể khai thông được tuệ giác và do đó sẽ trực giác được chân lý, sẽ có thể sống một cuộc đời thần tiên thánh thiện, thì ta có bốn phận phải cố công tu luyện, suy tư, định thần, định trí, để khai thông tuệ giác, giác ngộ tâm linh, và tự mình kiểm chứng xem đâu là chân lý, đâu là

CHÚ THÍCH

- [1] Xem Présence du Bouddhisme, tr. 245.
- [2] Thiên thánh giai quá ảnh, Lương tri nãi ngô sư. (Wang Yang Ming).
- [3] Cowell, History, Civilization and Culture, p. 88, 89.
- [4] Cowell, History, Civilization and Culture, p.88 et ss.
- [5] Cowell, History, Civilization and Culture, p.88 et ss.
- [6] Cowell, History, Civilization and Culture, p.88 et ss.
- [7] Cowell, History, Civilization and Culture, p.88 et ss.
- [8] Cowell, History, Civilization and Culture, p.88 et ss.
- [9] Cowell, History, Civilization and Culture, p. 95.
- [10] Chữ tuệ giác hay trực giác có thể dịch là Intuition. Công dụng của nó cũng như chữ minh giác (illumination), thần ứng (inspiration), thiên khải (révélation).
- [11] Vì thế Sorokin gọi loại chân lý này là chân lý tín ngưỡng; vì thế mà thánh kinh được dùng làm tiêu chuẩn đoán định về loại chân lý siêu nhiên.
- [12] Vì thế mà người ta cho rằng loại chân lý này đã được Trời mặc khải.
- [13] Mạnh Tử, Ly lâu chương cú hạ I.
- [14] Bửu cầm, Tống Nho, tr. 172.
- [15] Mạnh Tử, Ly lâu chương cú hạ, I.
- [16] Cf. Bible de Jérusalem XI.

Apocryphes de l'Ancient testament: Ils comprennent 14 ouvrages qui parce qu'ils étaient écrits en grec non en hébreu, ne furent pas acceptés par les Juifs de Palestine; mais les docteurs qui préparèrent la version des Septantes les y inclurent, ainsi que St Jérôme dans sa Vulgate. En 1546 le Concile de Trente en reconnut Il comme valables (les seuls ouvrages rejetés étant les deux livres d'Esdras et la prières de Manassé) aux yeux des Catholiques. On les divise en: livres historiques: 1er et 2è livres des Macchabées, 1er livre d'Esdras (c'est le 3è livre d'Esdras dans la Vulgate) – livres légendaires: addition au livre d'Esther, Histoire de Suzanne, Chant des trois enfants saints, Bel et Dragon: Tobie, Judith: livres prophétiques: Baruch (y compris l'Épître de Jérémie), Prière de Manassé; livres apocalyptiques: second livre d'Esdras (le 4ème dans la Vulgate); livres didactiques: Ecclésiastique, la Sagesse de Salomon.

E. Royston Pike, Dictionnaire des Religions p.20, 21.

- [17] Xem Bronislaw Malinowski, The Dynamics of Culture Change, 16.
- [18] Võ Long Tê, Lịch sử văn học công giáo Việt Nam, tr. 255.
- [19] L'Originalité des Cultures, p. 136, 137.

HƯỚNG TINH THÂN

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» mục lục | tựa | chương [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) **9** [10](#) | sách tham khảo

chương 9

PHÂN LOẠI ĐẠO GIÁO: NGOẠI GIÁO VÀ NỘI GIÁO – THIÊN NHIÊN VÀ QUI ƯỚC

I. NGOẠI GIÁO VÀ NỘI GIÁO

II. THIÊN NHIÊN VÀ QUI ƯỚC

Âu châu thường phân loại đạo giáo thành hai loại:

- Đạo giáo thiên nhiên (religions naturelles)
- Đạo giáo mặc khải (religions révélées).

Đạo giáo thiên nhiên là những đạo giáo do nhân loại lập nên và vì thế, không hoàn bị. Nó gồm tất cả các đạo giáo ngoài Do Thái giáo, Công giáo và Hồi giáo.

Đạo giáo mặc khải là đạo giáo do chính Chúa Trời truyền qua trung gian các tiên tri như Do Thái giáo, Hồi giáo, Công giáo. Công giáo cho rằng đạo mình đã được chính Chúa Trời giáng trần lập nên, vì vậy hoàn bị và cao siêu hơn hết mọi đạo giáo.

Chủ trương trên rất thịnh hành ở Âu châu và đến ngày nay, cũng còn rất nhiều người quan niệm như vậy.

Tuy nhiên, nếu ta suy cứu kỹ càng, thì quan điểm trên có nhiều khuyết điểm.

– Trước hết quan điểm này phát sinh từ lâu trước khi mà người Âu châu chưa khám phá ra kho tàng đạo giáo Á châu, khi mà thiên hạ đối với họ hã còn là khu vực Địa Trung Hải.

– Nó không phù hợp với thực tại, vì Ấn giáo, Khổng giáo nhiều lần đã cho rằng thánh thư mình chính Thượng đế mặc khải, và điều này đã được ghi chép trong những sử sách xa xưa.

– Nó cũng không lưu ý rằng đạo giáo thường không phải nguyên do vị giáo chủ sáng lập, mà chính là nhờ công lao của nhiều người đóng góp.

Ngay đến như đạo Công giáo cũng không phải nguyên do Chúa Jésus sáng lập. Một người đã có công đóng góp rất nhiều vào sự tạo dựng nên đạo Công giáo lúc ban sơ chính là thánh Paul. Thánh Paul là một nhà cách mạng. Ngài đã dám đi ngược lại đường lối của các tông đồ, của những vị đã được chính chúa Jésus huấn luyện và truyền thụ về đạo giáo; Ngài cũng đã có gan đả phá luật đạo Do Thái, do chính Chúa Trời truyền qua trung gian của Moise.

Các tông đồ chủ trương chỉ giảng giáo cho dân Do Thái, và trung thành với luật đạo cũ. Đó cũng chính là chủ trương của chúa Jésus.^[1]

Thánh Paul chủ trương phải giảng cho dân ngoại, và cần phải đả phá lề luật đạo Do Thái mà ngài gọi là luật Moise.^[2]

Những ý kiến tương dị giữa thánh Paul và các Tông đồ đã được ghi chép trong Công vụ sứ đồ, và trong các thánh thư của Ngài.

Để chứng minh, chúng ta hãy đọc:

- Công vụ sứ đồ 21, 21–24.
- Galates 2, 1–14
- Galates I, 16–21 v.v...

Theo đà thời gian, chủ trương của thánh Paul đã thắng thế, và đã đưa đến cục diện đạo giáo như nay.

– Phân loại đạo giáo thành thiên nhiên và mặc khải theo lối Âu châu mặc nhiên đã làm giảm giá trị của Thượng đế, đã thu hẹp tầm kích hoạt động Ngài vào trong một số người, vào một nước, một dân, một miền, một phương, làm cho Ngài bị lệ thuộc không gian và thời gian, trong khi tầm kích của Thượng đế là muôn phương, muôn nước, siêu không gian và thời gian.

– Sau hết lối phân tách trên không có ích lợi gì cho sự khảo cứu, vì đã tiên quyết gạt bỏ rất nhiều kho tàng quý báu về đạo giáo; đã làm cho con người có những nhận định cố chấp, lệch lạc, và cũng không giúp họ phân định được phần chính, tùy, cao thấp, tôn ti của các đạo giáo.

Vì vậy trong chương này ta phân loại đạo giáo theo những tiêu chuẩn khác. Đó là Nội giáo và Ngoại giáo; Thiên nhiên và Qui ước.

I. NỘI GIÁO VÀ NGOẠI GIÁO

Xưa nay, người theo đạo này thường gọi người theo đạo kia là người ngoại đạo (pagans, infidèles) hàm ngụ một ý nghĩa khinh thị, và cho rằng chỉ có đạo mình mới là chính đạo.

Nhưng thực ra đạo nào cũng có phần thấp, phần cao; phần chính, phần tùy; phần chân, phần ngụy; phần nội giáo và phần ngoại giáo.

Nội giáo (ésotérisme) tức là giai đoạn «nhập thất» theo từ ngữ Khổng môn (Luận ngữ, Tiên Tán XI, 14), giai đoạn được truyền tâm pháp và những đạo lý cao diệu, huyền vi.

Ngoại giáo (exotérisme) là giai đoạn sơ bộ của các đạo giáo, là giai đoạn «thăng đường» theo từ ngữ Khổng môn (Luận ngữ, Tiên tẩn XI, 14) tức là giai đoạn mới được truyền thụ những điều thô thiển, phù phiếm về đạo giáo.

Người xưa chỉ truyền nội giáo (ésotérisme, mysticisme) cho một số người có tư chất thông minh đặc biệt, biết cố gắng không ngừng, và có diễm phúc được ân sủng đặc biệt của Thượng đế.

Nội giáo khó truyền cho người phàm tục, vì họ chưa tới trình độ để hiểu, để theo. Vì thế xưa ở cổng trường của Pythagore có dựng tượng thần Hermès, và trên bệ tượng có đề hai chữ: Eskato Béléloi, nghĩa là: «Phàm phu xin lui gót.»

Nội giáo, hay Trung đạo, hay Huyền học có những nét đại cương sau đây:

– Tin tưởng và hơn thế nữa, cảm giác thấy có một nguyên lý bất biến, hay nói nôm na là có Trời, có Thượng đế tiềm ẩn ngay trong tâm hồn mình.

– Tu sửa tâm hồn mình cho hết khuyết điểm dở dang, để nên giống như khuôn thiêng bất biến, nên giống khuôn thiêng hoàn thiện của trời nơi đáy lòng mình.

– Mục đích tối hậu của công cuộc tu thân, của cuộc đời, là chuyển hóa tâm thần, là trở nên hoàn thiện như Trời để kết hợp với Trời, đó chính là Phối Thiên theo từ ngữ Trung Dung, và Đạo Đức kinh (Xem

Trung Dung, 31, Đạo Đức kinh, 68).

– Phương diện cần thiết để đạt mục tiêu đó là học hỏi không ngừng để tìm nguồn gốc cũng như định mệnh hết sức cao cả của con người, triền miên suy tư để tìm cho ra những định luật trời đất, những định luật tâm lý để giúp mình cải thiện, biến hóa tâm thần, tiến tới tinh hoa, tiến tới hoàn thiện, tóm lại là cố gắng mãi mãi, cố gắng không ngừng để lướt thắng mọi trở lực, băng qua mọi giai đoạn, và chỉ ngừng lại ở mức hoàn thiện. Đó là «Chỉ ư chí thiện» của sách Đại Học.

– Kết quả tối hậu mà con người sẽ gặt hái được tức là sống phối hợp với Thượng đế, tức là “Phối Thiên”, tức là kết hợp với Trời cùng đất trời trường sinh, bất tử.

Những quan niệm trên đây không phải là di sản riêng tư của một tôn giáo nào, mà trái lại là di sản của thánh hiền muôn thuở, của Lão Tử, Trang Tử, Khổng Tử, Bồ Đề Đạt Ma, Krishna, Orphée, Hermès, Pythagore, Platon, Jean de la Croix, hay Eckhart, v.v.

Ngoại giáo là những hình thức đạo giáo dành riêng cho phạm phu, tục tử, cho quần chúng, và đặt nặng trọng tâm vào giáo lý, lễ nghi, phụng vụ, cúng quải, cầu khẩn bên ngoài.

Các bậc đại thánh đại hiền xưa nay, không phân đạo giáo, nhất nhất đều coi khinh ngoại giáo, và coi trọng nội giáo.

Ta có thể chứng minh quan điểm này ngay bằng Thánh kinh công giáo, cả Tân ước lẫn Cựu ước.

Thánh vị David viết:

«Nhưng họ chỉ đầu môi đầu lưỡi,
Miệng phỉnh phờ, lừa dối Chúa thôi.
Lòng không quả quyết theo người,
Bởi không tin tưởng nơi lời ước giao.»

(Thánh vịnh, 78, 36, Thánh vịnh Mai Lâm Đoàn Văn Thăng, tr. 255)

Chúa phán trong sách tiên tri Amos:

«Lễ người, ta ghét, ta khinh,
Ta đã chán chuyện linh đình, xôn xao.
Lễ dâng, ta chẳng ưa nào,
Tam sinh hồ để lọt vào mắt ta.
Thôi đừng hát xướng, đàn ca,
Đàn ca đừng bận tâm ta từ rày.
Miễn sao công chính tràn đầy,
Như nguồn tung tỏa đó đây mới là.»

(Amos, 5, 21–24)

Trong Phúc Âm Matthieu, chúa Jésus, phỏng lại lời tiên tri Isaie, trách dân Do Thái:

«Dân này môi miệng thờ ta,
Nhưng mà lòng nó cách xa ngàn trùng.
Phụng thờ, hình hạo luống công,
Bao lời giảng giáo thuần dòng nhân vi.»

(Matt. 15, 8–9)

Thánh Paul cũng chống lại những hình thức, những tuần tiết, lễ nghi bên ngoài.

Ngài nói: “Giữ ngày, giữ tháng, giữ mùa, giữ năm. Các bạn làm tôi e đã vất vả vô ích vì các bạn.” (Galates 4, 10– 11).

Trong bài thuyết trình tại Thượng viện Hi Lạp, ngài nói:

«Thiên Chúa đã dựng nên trời đất và mọi vật trong đó, là Chúa của Trời đất, chẳng ngự tại đền thờ do tay loài người tạo dựng nên đâu.» (Công vụ sứ đồ, 17, 24).

Đó cũng chính là lời phân phôi của thánh Étienne, trước khi bị ném đá chết. (Công vụ sứ đồ 7, 48).

Ở Ấn Độ có một phái tăng sĩ khất thực gọi là Baul (ở Bengale). Giáo phái này được thi hào Rabindranath Tagore hết sức thán phục, vì họ đã đề cao nội giáo.

Những bài ca của họ đều nói lên sự khao khát của tâm hồn đi tìm Thượng đế, đi tìm Thượng đế trong tâm chứ không ở đền đài, miếu mạo. [3]

Phái Baul không sùng thờ một hình thức, lễ nghi nào, và họ cho đó là chướng ngại vật cản tâm hồn tới cùng Thượng đế:

«Đường tới Chúa vương những đền cùng miếu,
Nghe tiếng Ngài, mà chẳng thấy đường đi,
Vì trước tôi toàn giáo phụ với tăng ni...
Thờ phượng Ngài, mà phôi pha, thời hồng hết,
Trước cửa Ngài, nhiều khóa then bưng bít,
Nào thánh thư, nào kinh kệ, nào chuỗi, nào râu,
Quang cảnh ấy, khiến Madana nhỏ lệ sầu...» [4]

Chủ trương trên cũng y thức như chủ trương của thi hào Kabir. Kabir cũng cho rằng: «Phụng thờ, tế tự, tràng hạt, chuỗi râu, hành hương, sùng kính; bổ thí, ăn chay; chín lối tôn sùng thờ phượng; thánh thư Vệ đà, thánh thư Coran, tất cả đều là áo choàng của tà ngục.» [5]

Nói như vậy mới đầu tưởng như là bài xích đạo giáo, nhưng cần nhắc kỹ lưỡng mới thấy rất cao siêu. Chung qui chỉ muốn nhấn mạnh rằng tất cả mọi lễ nghi hình thức bên ngoài dù cao siêu, đẹp đẽ mấy mặc lòng, nhưng nếu đánh lạc hướng tâm thần con người; nếu phá tán tâm thần con người; nếu không chỉ về được cho con người biết rằng Thượng đế ở ngay trong tâm hồn họ, thì tất cả những thứ lễ nghi ấy sẽ trở thành chướng ngại vật, sẽ là những thứ phù phiếm sa hoa, đưa dần con người vào đường tà ngục, làm cho con người xa dần Thượng đế.

Rabindranath Tagore viết: «Ngài là Thượng đế ẩn áo. Ngài chỉ có thể cảm thấy trong bóng tối, chứ không thể trông thấy ban ngày. Nhìn thấy Đấng Tối Cao trong lòng mình là một trực giác, không dựa vào suy luận, hay chứng minh...

«Sự hiển hiện của Vô cùng trong hữu hạn – duyên do sự sáng tạo muôn loài – không thể thấy được trên những bầu trời muôn sao... mà chỉ thấy được trong tâm hồn con người.» [6]

Phật giáo cũng phân định rõ ràng nội giáo và ngoại giáo.

Lâm Tế Lục nói:

«Hướng ngoại mà tìm cầu,

Tất cả đều ngoan si.

Hướng nội mà tùy xứ tiện nghi,

Tất cả đều là chân thật.» [7]

Đối với Phật giáo, nội giáo là đạo của những người đã chứng được Bản tính, được Phật tính.

Ngoại giáo là đạo của những hạng người chỉ mới biết tu phạm tâm.

Câu chuyện Huệ Năng và Thần Tú của Thiền tông Trung Hoa làm ta hiểu rõ thế nào là ngoại giáo, thế nào là nội giáo:

Thần Tú là tượng trưng cho những người tu ngoại giáo, vì mới biết có phạm tâm, vì chỉ mới biết tu sửa phạm tâm.

Bài kệ của Thần Tú là:

«Thân thị bồ đề thụ,

Tâm như minh kính đài.

Thời thời cần phát thức,

Vật sử nhạ trần ai.»

身是菩提樹

心如明鏡臺

時時勤拂拭

勿使惹塵埃

(Thân như cây bồ đề,

Tâm như đài gương tỏ,

Thường khi lo phủ chùi,

Đừng để đọng bụi nhọ.)

Đọc bài kệ ấy rồi, canh ba đêm hôm ấy, Ngũ tổ Hoàng Nhẫn gọi Thần Tú vào mà bảo:

«Nhà người làm bài kệ này chưa thấy bản tính; chỉ tới ngoài cửa, chưa vào trong nhà. Theo chỗ thấy và chỗ hiểu ấy mà cầu đạo Vô Thượng thời chẳng được.

... Cần phải biết đạo Vô Thượng vốn tự bản Tâm, thấy tự bản Tính, nó chẳng sinh, chẳng diệt, ở khắp trong thiên thời gian, lồng trong hết mọi ý niệm, siêu thoát ngoài vạn vật, hoàn toàn chân thực, coi muôn cảnh sắc đều như nhau: Cái tầm như nhiên ấy là chân thật.» [8]

Người tu nội giáo là người liễu đạt bản tính, bản tâm. Đó là trường hợp của Lục tổ Huệ Năng.

Bài kệ của Huệ Năng như sau:

«Bồ đề bản vô thụ,

Minh kính diệc phi đài.

Bản lai vô nhất vật,

Hà xứ nhạ trần ai.»

菩提本無樹

明鏡亦非臺

本來無一物

何處惹塵埃

(Vốn không cây bồ đề,
Cũng chẳng đài gương tỏ,
Vốn không có vật gì,
Chỗ nào đọng bụi nhơ?)

Ngũ tổ Hoàng Nhấn đọc bài kệ trên, biết ngay là khẩu khí của người chân tu đắc đạo, bèn truyền y bát cho Huệ Năng. [9]

Như vậy, ngoại giáo là đạo của những người trọng lễ nghi, hình thức bên ngoài. Lễ nghi, hình thức bên ngoài là những đoạn đường, là những dịp cầu đưa ta tới bản tâm, bản tính, đưa ta tới Thượng đế tiềm ẩn trong tâm hồn ta. Đường cũng như cầu dùng để đi, chứ không phải để ôm để ấp. Vì thế kinh Phật nói: «Hễ cái gì có hình tướng đều hư vọng.» [10]

Kinh Kim Cương quả quyết rằng: «Nếu dùng sắc tướng để thấy ta, nếu dùng âm thanh mà cầu ta, những kẻ ấy hành tà đạo, không thể thấy Như Lai.» [11]

Tóm lại:

Ngoại giáo là đạo của những người còn lệ thuộc lễ nghi, hình thức bên ngoài, của những người mới biết được phàm tâm, chưa biết được Thiên tâm, chưa biết được Bản Tính; mới biết thờ phụng bằng môi, đã biết sống kết hợp với Thượng đế. Nội giáo chuyên chú đi tìm nước Trời trong tâm hồn con người.

II. THIÊN NHIÊN VÀ QUY ƯỚC

Sau khi phân biệt thế nào là nội giáo và ngoại giáo, ta sẽ hiểu rõ thế nào là đạo thiên nhiên (religions naturelles), thiên tạo (religions divines), thế nào là đạo qui ước, nhân tạo (religions conventionnelles et artificielles).

Đạo thiên nhiên dựa trên những căn bản thường hằng bất biến của con người và của vũ trụ, nên không có biên cương, bờ cõi, không gian thời gian. Bất kỳ ai, nếu tìm ra được những định luật thiên nhiên chi phối đời sống tâm linh, đời sống vũ trụ, cũng như cuộc biến hóa quần sinh đều có thể tìm thấy cái đạo thiên nhiên đó.

Đạo thiên nhiên chính là nội giáo đã đề cập đến ở trên.

Đạo thiên nhiên giản dị chứ không cầu kỳ, gồm đủ thiên đạo, nhân đạo, lẫn vật đạo, nó theo sát các định luật của đất trời, theo sát thực tại, thực tế, nó làm cho con người tiến hóa không ngừng, triển dương tầm kích tới mức tối đa, chứ không gó bó con người trong những khuôn khổ cố định.

Đạo qui ước chính là những thứ tôn giáo, nhân tạo, nhân vi, nặng nề vì những khuôn khổ hẹp hòi, vì những lễ nghi, hình thức phức tạp; nó lệ thuộc không gian, thời gian, biên cương, bờ cõi.

Đạo qui ước bao giờ cũng lộng lẫy, huy hoàng, bao giờ cũng có những nước sơn thiếp bên ngoài rực rỡ, làm cho mọi người choáng mặt, ngỡ ngàng. Nhưng thực chất thì rất khô khan, nghèo nàn, vô lý.

Đạo tự nhiên bao giờ cũng âm thầm, giản dị, cũng ẩn ước, nhưng càng đi sâu vào trong càng thấy nó bao la, bát ngát, đẹp đẽ, cao siêu.

Trung Dung viết:

«Thơ rằng: Gấm mặc trong ngoài phủ áo sa,
 Là vì ngại gấm dày hoa lòe loẹt.
 Nên đạo quân tử ám nhiên ẩn ước,
 Sau dần dà mới sáng rực mãi lên.
 Đạo tiểu nhân mới ngó ngở là đèn,
 Nhưng càng ngày càng tối đen, tối sẫm.
 Đạo quân tử đậm thanh, không ngán ngẫm,
 Đơn sơ nhưng chan chứa vẻ đẹp tươi,
 Thuần phác nhưng lý sự chẳng kém ai...
 Biết xa gần, biết nguyên lai, bản mặt,
 Biết lẽ vi hiển, vừa rõ ràng, vừa e ấp,
 Là có thể bước vào nẻo đức, đường nhân...»

(Trung Dung, ch. 33)

Đạo tự nhiên y thức như con người tự nhiên, mộc mạc, không phấn sáp, hùng tráng, đẹp đẽ, với cái đẹp hồn nhiên, cái cân xứng tự nhiên.

Đạo qui ước cũng như những con người hoặc đã được ép dầu cho thêm thon, kẹp cổ cho thêm dài, bó chân cho nhỏ bớt, sâm mình cho sặc sỡ, rần rì, kéo môi cho thêm vều, và cho rằng phải như thế mới là đẹp.

Nhưng với đà thời gian, tất cả những vi phạm trên thể xác con người đã dần dần bị loại bỏ, để cho con người trở lại với vẻ đẹp thiên nhiên, tầm kích tự nhiên.

Đạo qui ước chính là những vi phạm các định luật tự nhiên, là sự bóp méo, sự vặn vẹo của cái đạo tự nhiên. Chẳng chóng thì chày, đạo qui ước cũng sẽ nhường bước cho đạo tự nhiên, vì đạo tự nhiên mới là thiên tạo, còn đạo qui ước chỉ là nhân tạo.

Ước mong chúng ta sớm lĩnh hội được sự phân biệt này để biết cái gì là chính cái gì là tùy trong mỗi một đạo giáo. [\[12\]](#)

CHÚ THÍCH

[\[1\]](#) Matt. 10, 5. - Matt. 5, 17-19.

[\[2\]](#) Galates 3, 10-11. - Rom. 7, 1-9.

[\[3\]](#) It spoke of an intense yearning of the heart for the divine which is in man and not in the temple... (The Journal of Asian Studies, Vol XIX; Number I, November 1959, p. 35).

[\[4\]](#) The path is hidden by the temple and the mosque,
 And though I hear your call, O God, I cannot find the way;
 For against me stand my guru and mursid ...
 Your worship, when divided, dies,
 And on your gate are many locks –

Puranas, Kuran, tasabi, mala-

This outward show makes Madana weep in sorrow.

(A song of Madana, quoted in Rabindranath's Bangla kavya paricaya – Calcutta BS. 1345; A.D. 1939, p. 70, - The Journal of Asian Studies, Vol. XIX, Number I, November 1959, p. 37).

(Guru: sư phụ theo Ấn giáo – Mursid: sư phụ theo Hồi giáo – Tasabi: kinh – Mala: chuỗi hạt).

[5] Devotion, sacrifice and rosary, piety, pilgrimage, fasting and alms, the nine bhaktis, the Vedas, the Book (i.e., the Quran), all these are cloaks of falsehood ... (F. E. Keay, Kabir and his followers, (Calcutta, 1931), p. 74 – The Journal of Asian Studies, Vol. XIX. Number I, Nov. 1959, p. 37, note 23).

[6] Rabindranath said that «He is a God who hides himself. He can be felt in the dark, but not seen in the day ... The vision of the Supreme One in our own soul is a direct and immediate intuition, not based on any ratiocination or demonstration at all.» (Tagore Sadhana, New York, 1913) p. 36 ... «The revealment of the infinite in the finite, which is the motive of all creation, is not seen in the perfection of the starry heavens ... It is in the soul of man.» (Sadhana, p. 41).

[7] Lâm Tế Lục thị chứng. Cf. Đại Đức Thiên Ân, Zen I, tr. 103.

[8] Xem Pháp bảo đàn kinh, Đoàn Trung Còn dịch, tr. 17.

[9] Ib. 21.

[10] Pháp bảo đàn kinh, Đoàn Trung Còn dịch, tr. 16, 17.

[11] Kinh Kim Cương, XXVI.

[12] Cách phân loại đạo giáo nói trên là của tác giả.

Xưa nay nhiều học giả cũng đã đưa ra nhiều cách phân loại đạo giáo. Ví dụ:

- Tiele phân loại đạo thành: tự nhiên và nhân luân (nature-religions, ethical religions).
- Hegel: đạo tự nhiên (nature religions), đạo của siêu nhiên cá thể (religions of spiritual individuality), đạo tuyệt đối hay phổ quát (absolute or universal religion).
- Siebeck: Đạo cổ sơ (primitive religion), đạo nhân luân (morality religion), đạo cứu rỗi (redemption religion).
- Orelli xếp đạo theo sắc dân: Đạo của dân Touraniens, đạo của dân Hamitique, đạo của dân Sémitique, đạo của dân Indo-germanique, đạo của Phi châu, đạo của Úc châu.
- Bác sĩ Hamilton, và giám mục Gore: Đạo do người tìm (discovery) và đạo mặc khải (revelation).
- Oman: Đạo siêu nhiên và đạo tự nhiên (Natural and Supernatural).

Ngoài ra còn nhiều cách phân loại khác phức tạp hơn như của:

- Tổng giám mục Soderblom,
- Bác sĩ F. H. Smith
- Giáo sư Van der Leuw.
- Reinhold Niebuhr v. v...

(A. C. Bouquet, Comparative religion, p. 295 et ss).

HƯƠNG TINH THÂN

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» mục lục | tựa | chương 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | sách tham khảo

chương 10

ĐỒNG QUI NHI THÙ ĐỒ

Ở đời có hai thái độ: mâu thuẫn chống đối và tương dung hòa hợp. Thái độ mâu thuẫn sẽ khiến con người tìm hết cách để đả phá quan niệm đối phương, diệt trừ đối thủ, để mình chiếm trọn quyền thao túng nhân quần.

Thái độ tương dung hoà hợp sẽ khiến con người tôn trọng quan điểm đối phương, đạo giáo đối phương, cho người khác quyền suy nghĩ khác mình, tin tưởng khác mình, xử sự khác mình.

Người có thái độ mâu thuẫn chống đối thường chủ trương quyết liệt rằng chỉ tôn giáo giáo mình là chân chính, còn mọi tôn giáo khác đều là tà ngụy, nên suốt đời họ chỉ chuyên lo đả phá đạo người, bành trướng đạo mình bằng mọi phương cách. Nếu chủ trương này thành công, thì sau này thế giới chỉ có một đạo, thứ đạo của kẻ mạnh, thứ đạo của kẻ có quyền thế.

Người có thái độ tương dung, hòa hợp cho rằng mọi đạo giáo đều là những khía cạnh của một chân lý, và do đó tôn trọng mọi thứ tôn giáo, coi gian trần này như một cảnh vườn trong đó muôn hoa đạo giáo tha hồ đua nở. Họ cũng chủ trương có thể học hỏi, có thể so sánh các đạo giáo, để tìm cho ra những điểm tương đồng, tìm cho ra điểm đồng qui, hay tinh hoa các đạo giáo.

Thái độ bất tương dung là thái độ của người Âu châu, của các vị thừa sai Âu châu trong quá khứ.

Các vị thừa sai cho rằng mình có thiên chức đả phá các đạo giáo khác để giảng truyền đạo Công giáo, hay Thiên Chúa giáo.

Bronislaw Malinowski đã viết trong quyển: “Động lực biến đổi Văn hóa (The Dynamics of Culture Change) như sau:

«Các vị thừa sai là chủ động và là then chốt trong cuộc đảo lộn tôn giáo ở Phi châu hiện nay. Các ngài sẽ không trung thành với sứ mạng của mình, nếu chấp nhận trên nguyên tắc rằng: Thiên Chúa giáo cũng chỉ là một đạo như trăm nghìn đạo khác. Thực ra, các ngài chủ trương rằng tất cả các tôn giáo khác là lầm lạc, đáng bị phá bỏ, chỉ có Thiên Chúa giáo là tôn giáo phi phạm đặc biệt, chân chính duy nhất cần được giảng truyền. Thay vì để cho các đạo khác tồn tại song song với Thiên Chúa giáo, các vị thừa sai đã nỗ lực thay thế chúng.» [\[1\]](#)

Linh mục Alexandre de Rhodes cũng công nhận: “... Vẫn còn những thầy giảng Phúc Âm cho người ngoài Ki Tô giáo, chủ trương rằng trước hết hãy hủy diệt những sai lầm của ngoại giáo, và làm cho những kẻ tin theo tà thuyết phải chối bỏ, trước khi xây dựng và giảng dạy những điểm về chân lý của đạo Ki Tô, chiếu theo thứ tự mà Thiên Chúa đã giao cho vị tiên tri rằng: «Ta đã đặt người để phá hủy và chối bỏ, để kiến thiết và vun trồng ...» [\[2\]](#)

Thái độ của phần đông các vị thừa sai sang Trung Hoa giảng đạo trong những thế kỷ trước đây cũng

thường là phê phán và đả phá nền văn hóa và các đạo giáo Trung Hoa. [3]

Thái độ tương dung, hòa hợp là thái độ của Á đông, nhất là của Ấn Độ.

Tinh thần Dịch kinh chính là tinh thần tương dung, thông cảm. Hệ Từ hạ viết: «Thiên hạ lo gì nghĩ gì? Đường đi khác nhau, nhưng mục đích là một, tư lự trăm chiều mà chân lý không hai.» [4]

«Sự tương dung đối với các quan điểm, các tín ngưỡng khác nhau ở giữa mỗi một nhóm người, hoặc giữa nhiều nhóm người là đặc điểm chính yếu của nền văn hóa Ấn Độ.

«Thái độ ấy đã được mô tả trong một đoạn sách Yogavasistha: “Tất cả những chủ trương khác nhau và những con đường thiêng liêng đã được lập ra xưa nay, rốt cuộc đều qui về một chân lý tối cao, y như những con đường đưa bộ hành từ nhiều nơi khác nhau về cùng một thành phố.

«Vì mỗi một nhóm tín hữu không biết được chân lý tuyệt đối, và không hiểu gì về các giáo lý của các tôn giáo khác, nên đã tỏ ra thái độ hằn học chống đối với các nhóm khác. Mỗi người đều nghĩ rằng giáo lý mình, đường lối mình là hay nhất, cũng y như mỗi người bộ hành đều tin tưởng rằng con đường họ đang đi là con đường duy nhất và tốt nhất.

«Ở Ấn Độ, những người đi tìm chân lý và sự hoàn thiện được tự do theo con đường họ muốn mà chẳng có ai ngăn trở.

«Theo sách Yogavasistha, những phương thế con người dùng để tiến trên đường thiêng liêng là những phương thế thích hợp với họ nhất. Đừng nên sui họ theo những lẽ lối mà họ không thích, mà họ cho rằng bất lợi cho họ.

«Văn hóa Ấn Độ đón nhận mọi quan điểm mâu thuẫn nhau và thường đi đến chỗ tổng hợp vì đã tìm ra được một nguyên lý vượt lên trên những quan điểm mâu thuẫn ấy.

«Vì vậy mà trong Yogavasistha, khi bàn về Thực thể tối hậu, có một đoạn hết sức uyển chuyển, tiêu biểu cho tinh thần bao dung của Ấn giáo.

Đoạn ấy như sau:

«Thực thể tối sơ ấy được gọi là hư vô (Sunya) bởi các người chủ trương Hư vô (nihilistes), là Brahman bởi những tín hữu theo Vệ Đà (adoptes du Védisme), là Purusha bởi các triết gia sankhya, là Ishwara bởi các môn đệ phái Yogas, là Civa bởi các người Civaites.

«Đối với người này, thì đó là Thời gian, đối với người khác thì đó là Đại Ngã, đối với người khác thì đó là Đại Ngã, đối với người khác thì đó là Vô Ngã, đối với pháp Madhyamika thì đó là trung gian giữa Vô và Hữu, đối với người khác nữa thì đó là Toàn Thể...» [5]

Có được một tinh thần tương dung, cởi mở đến như vậy thời thực quý thay.

Với một tâm hồn cởi mở, thành khẩn và tương dung, ta có thể khảo sát các đạo giáo một cách vô tư và tìm ra được điểm đồng qui của các đạo giáo.

Như mọi tai họa đều gặp nhau ở trục xe, tâm xe, mọi đạo giáo cũng đều gặp nhau ở Tuyệt điểm Tâm linh, ở Tâm điểm con người. Tâm Linh ấy, Tâm điểm ấy chính là Bản thể, là Logos, là Nous, hay Thượng đế.

Cũng như mọi con đường đều gặp nhau trên đỉnh núi, mọi đạo giáo cũng gặp nhau trên thượng đỉnh, gặp nhau trong đạo huyền đồng (mysticisme), trong chủ đích «Phối Thiên» (Unicon mystique avec Dieu).

Như vậy Chân tâm, Chân Thần con người với muôn vàn danh hiệu khác nhau sẽ là điểm đồng qui của các đạo giáo.

Đạo huyền đồng sẽ là điểm đồng qui của các đạo giáo.

Xưa nay, đã có nhiều đạo sĩ, nhiều học giả đi tìm cho ra những điểm tương đồng làm căn cốt cho các đạo giáo. Dưới đây, ta sẽ toát lược nhận định của bà Annie Besant, của Illan de Casa Fuerte, và của Aldous Huxley.

Trong quyển La Sagesse antique, bà Annie Besant đã phiên dẫn nhiều điểm tương đồng giữa Đạo Đức Kinh, Áo Nghĩa Thư, Phật giáo đại thừa, Cabbale Do Thái, Bái Hỏa giáo, Môn phái Plotin, môn phái Pythagore, đạo Orphée bên Hi Lạp v.v...

Bà cho rằng những quan điểm của Công giáo như:

- Thượng đế duy nhất, bất khả phân, bất khả tư nghị,
- Con người là ảnh tượng Thượng đế (Genèse I, 26, 27),
- Con người có ba phần: Thần, Hồn, Xác (I, Thess. V, 23)
- Con người là sở cư của Thượng đế (Ephés. II, 22)
- Con người là đền thờ Thượng đế (I. Cor. III, 16)
- Con người là đền thờ chúa Thánh thần (I. Cor VI m 19)

đều là những quan điểm tương tự với Ấn giáo chẳng hạn.^[6]

Illan de Casa Fuerte cũng đã nhận thấy có một tinh hoa đạo giáo đại đồng lẫn sau mọi đạo giáo, và khảo về các đạo giáo chúng ta có thể thấy những chân lý vĩnh cửu sau đây:

1. Các đạo giáo đều tin có một nguyên lý duy nhất phát sinh vạn hữu.

2. Trong con người có một yếu tố thiêng liêng, căn bản làm cốt cách cho con người. Yếu tố thiêng liêng ấy vĩnh cửu, bất diệt.

3. Các đạo giáo đều chú trọng đến phương diện xã hội, phương diện luân lý và đều chủ trương bao lâu khi nhân quần còn chưa tiến hóa đủ, thời còn cần phải có những phương thức để kiềm chế, để phòng ngừa sự đồi bại, nói tóm lại tất cả những cơ cấu trần gian của các đạo giáo mới có ý nghĩa và ích lợi.^[7]

Ông cũng còn đề xướng thêm ba định luật chi phối sự tiến triển của tâm thần con người.

1. Con người phải tìm thấy đường giải thoát mình, nhờ ngọn đuốc lương tri.
2. Muốn tìm cho ra con đường giải thoát, con người phải phát huy khả năng hồi quang quán chiếu.
3. Căn cứ trên nguyên lý hấp dẫn tinh thần, con người phải đạt tới Trung điểm tâm thần.

Nói cách khác trên con đường tu đạo, con người cần phải:

- Thoát ly mọi hình thức phù phiếm.
- Tiến sâu vào phía nội tâm.
- Đạt tới Tâm điểm tâm thần tức là đạt tới Bản thể, tới Tuyệt đối.^[8]

Ông còn cho rằng con người mới tức là con người có đời sống nội tâm dồi dào, và con đường giải thoát là con đường hướng nội, con đường nội tâm.^[9]

Theo ông muốn thần thánh hóa mình, muốn tìm cho ra Thượng đế, nhất thiết phải được thực hiện trong thân con người.^[10]

Aldous Huxley cũng hết sức ngạc nhiên vì thấy các nhà huyền học của các đạo giáo bất kỳ là Ấn giáo,

Phật giáo, Lão giáo, Hồi giáo, Thiên Chúa giáo đều có những luận điệu giống nhau. Vì vậy ông kết luận rằng trong tất cả các đạo giáo lớn thiên hạ đều có một «triết lý hằng cửu», một «chân lý tối hậu, nguyên sơ» mà các đạo giáo chỉ là những hình thái không toàn vẹn.

Các đạo giáo, cũng như các dược phẩm không thêm được gì mới mẻ cho con người, mà chỉ giúp con người phát triển được huyền lực sẵn có trong con người.^[11]

Tất cả những quan niệm trên, thoát nhìn, tưởng như là vu khoát, nhưng cân nhắc kỹ càng, mới thấy hết sức hữu lý.

Nếu chúng ta nhìn các đạo giáo một cách hời hợt, phiến diện, bằng con mắt phàm tục, thì thấy hết sức khác nhau, muôn mặt, muôn hình y thức như ở nơi con người, mỗi người mỗi vẻ, chẳng có ai giống ai.

Nhưng nếu chúng ta nhìn các đạo giáo bằng con mắt siêu nhiên, ta sẽ thấy chúng hết sức giống nhau, cũng như ở nơi con người, thì ai cũng da, cũng thịt, cũng xương, cũng mạch máu, cũng thần kinh, cũng lục phủ, ngũ tạng, với những lớp lang thứ tự, với những cách sắp xếp, liên lạc y thức như nhau, đến nỗi học hỏi về một người có thể biết muôn triệu con người.

Đạo giáo cũng y thức như vậy, mới trông thì hết sức khác nhau, nhưng xét cho cùng thì lại hết sức giống nhau.

Chẳng có một đạo giáo nào thuần nhất, trái lại đạo giáo nào cũng có nhiều bình diện khác nhau; mỗi bình diện đạo giáo lại tương ứng với một tầng lớp trong con người.

Trước hết đạo nào cũng chú trọng đến phương diện xã hội, cũng đề cao tình huynh đệ, đề cao tình tương thân tương ái, đề cao sự công bình và lòng bác ái, vị tha.

Con người có ngũ quan, nên đạo nào cũng có lễ nghi, hình thức, cũng sử dụng hương hoa, đèn nến, cũng có những bài kinh nguyện, những cách thức lạy lục, van vái hoặc chung hoặc riêng.

Con người có lý trí, nên đạo nào cũng có một số giáo lý, hoặc trình bày thành hệ thống chặt chẽ, hoặc trình bày theo một lối phóng khoáng, tự nhiên, để con người lấy đó làm khuôn mẫu cho tư tưởng, suy luận.

Con người ai cũng có tâm hồn, nên đạo nào cũng có cách dạy tu tâm, dạy làm lành lánh dữ.

Con người ai cũng có linh khí, cũng tự nhiên ưa chuộng văn chương nghệ thuật, âm nhạc, nên đạo nào cũng đem nghệ thuật lồng vào trong đời sống sống đạo giáo, phụng vụ.

Vì con người ai cũng có một điểm linh thiêng, bất tử, nên đạo nào cũng chủ trương con người có thể đạt được trường sinh bất tử, có thể trở nên hoàn thiện, có thể hưởng Thiên nhan hay phối kết với Thượng đế.

Càng xuống những bình diện thấp như lý trí, giác quan; càng tiến về phía quần chúng, thường nhân, ta càng thấy những sự khác biệt trên phương diện hình thức một ngày một hiển lộ.

Càng lên trên những bình diện cao như tâm thần; càng tiến về phía thánh hiền, ta càng thấy các đạo giáo xích lại gần nhau.

Điểm đồng qui tối hậu của cá đạo giáo chính là:

- Sự hoàn thiện
- Trường sinh bất tử
- Phối hợp với Thượng đế, với Bản thể, với Tuyệt đối.
- Hạnh phúc trường tồn...

Đứng trên đỉnh tinh thần mà nhìn cho bao quát, ta sẽ thấy chỗ cao siêu của các đạo giáo: Ấn giáo, Công giáo, Phật giáo, Lão giáo, Khổng giáo, Hồi giáo, Bahai giáo, v.v. cũng như những chủ trương của các nhà huyền học Đông Tây, kim cổ giống nhau.

– Thánh Jean, thánh Paul, thánh Jean de la Croix (1542–91), Denis l'Aréopagite, Eckart (1260–1327), Rysbroeck (1293–1381), Jacob Boehme (1575–1624), Plotin (204– 70), Al Ghazali (1058–1111) al Hallaj (922), Kabir (1488– 1512), Ramakrishna (1836–86), Vivekananda (1863–1902) v.v. tuy không cùng chung một đạo giáo mà tư tưởng, hành động, đời sống đạo hạnh siêu nhiên cũng na ná như nhau, chẳng khác nào anh em một nhà... Thế mới hay «nhiều kẻ từ phương đông, phương tây sẽ đến dự tiệc chung với Abraham, Isaac và Jacob trên nước Trời». (Matt. 8, 11)

Ta cũng có thể nói được rằng các đạo giáo giống nhau về cơ cấu, nhưng khác nhau về hình thức.

Nhưng cơ cấu tương đồng của các đạo giáo có thể toát lược như sau:

1. Vũ trụ này đã được thoát thai từ một Nguyên lý, từ một Bản thể duy nhất.

2. Bản thể duy nhất ấy tràn ngập vũ trụ, và hằng ngự trong lòng con người, để làm căn cơ, cốt cách cho tâm hồn.

Mỗi đạo giáo, mỗi triết học lại dùng những danh từ riêng để diễn tả căn bản tâm thần ấy. Đó là:

- Atman (Đại Ngã) trong triết học Bà la môn.
- Chân Như, Phật tính, Bản Lai diện mục v.v... trong Phật giáo.
- Đạo, Cốc thần, Huyền tẩn, v.v. trong đạo Lão.
- Thần (Le Nus) của Anaxagore.
- Đạo (Logos) của Philon và của Plotin, của thánh Jean.
- Tính, Thiên địa chi tâm, Đạo tâm của Khổng giáo.
- Toàn Nhất (L'Un Tout) của Hartmann.
- Tuyệt đối thể (Absolu) của Shelling.
- Tự thể (Noumène) của Kant.
- Vô thức đại đồng (Inconscient collectif) của C. Jung.
- Thực thể (Être)
- Tâm đại đồng (Conscience universelle)
- Thiên địa chi tâm (Conscience cosmique)
- Hư Vô (Sunya) v.v...

3. Tâm hồn ta có 2 phần:

– Một phần Trời làm căn bản. Phần này các đạo giáo gọi là Thần (Esprit, Pneuma, Ruah), hay Chân tâm, hay Đại Ngã, hay Atman, hay Đạo, hay Đạo tâm, hay Thiên địa chi tâm.

– Một phần người làm công dụng, làm hiện tượng. Phần này các đạo giáo gọi là Hồn (Âme, Psyché, Néphesh), là vọng tâm, là tiểu ngã, là vọng tâm, v.v.

Chính vì trong con người có phần Trời, nên bất kỳ ai cũng có những khát vọng siêu nhiên, nên đạo giáo nào cũng muốn đem Trời lồng vào trong tâm hồn con người, hoặc bằng phương pháp tu trì, tĩnh tâm, giác ngộ, hoặc bằng các lễ nghi, bí tích bên ngoài...

4. Như vậy, người chẳng thể xa Trời, cho nên các đạo giáo luôn muốn bắc nhịp cầu nối kết Trời với Người, giữa Bản thể và Hiện tượng, giữa Hằng cửu và Biến thiên, giữa Đại Ngã với Tiểu Ngã, giữa Chân tâm với vọng tâm. Lời lẽ tuy khác nhau, nhưng nội dung, ý nghĩa chỉ là một.

5. Trời vốn hoàn thiện, nên con người có bốn phận tiến tới hoàn thiện. Tất cả những lời huấn dụ, tất cả những giới răn, những giáo luật, qui điều đều có mục đích đưa dần con người tới hoàn thiện.

6. Có tiến tới hoàn thiện mới giác ngộ được căn bản tuyệt vời của mình, mới thực hiện được định mạng cao siêu của mình là phối hợp với Thượng đế.

Dịch kinh viết: «Kiên đạo biến hóa các chính tính mệnh, bảo hợp Thái hòa nãi lợi trinh.» 乾道變化各正性命保合泰和乃利貞.

Cơ Trời biến hóa vần xoay,

Làm cho vạn vật thêm hay thêm tình.

Kiên toàn tính mệnh của mình,

Giữ gìn toàn vẹn tính lành Trời cho.

Thế là ích lợi không bờ,

Thế là vĩnh cửu, thế là lợi trinh. (Kiên quái, Thoán).

Các đạo giáo Âu Châu thường chia con đường hoàn thiện thành ba giai đoạn:

- Giai đoạn tẩy tâm (via purgativa)
- Giai đoạn minh giác (via illuminativa)
- Giai đoạn đồng nhất (via unitiva) (với Thượng đế)

7. Con đường nội tâm là con đường đích thực đưa tới Thượng đế. Thánh kinh viết: Nước Trời ở trong anh em (Lúc 17, 21).

Pháp Bảo Đàn kinh viết: «Phật tự tính trung tác, mạc hướng thân ngoại cầu.» 佛自性中作莫向外求 (Phật do nơi Tính khởi lên, Chớ đừng vất vả kiếm tìm ngoài thân) (Pháp Bảo Đàn kinh, Quyết nghi phẩm)

8. Đạo giáo là những phương tiện giúp ta chuyển hóa tâm thần không ngừng nghỉ để tiến tới Thượng đế, tới Bản thể.

9. Tác thành mình chưa đủ, chúng ta còn có bốn phận tác thành cho người. Vì thế cho nên các đạo giáo xưa nay bao giờ cũng tha thiết đến vấn đề tha nhân.

10. Đạo giáo cao siêu nhất là đạo giáo có sức hoán cải được mọi bình diện con người, từ nội tâm đến ngoại cảnh, từ cá nhân đến hoàn thể, để tất cả vũ trụ trong ngoài đều trở nên toàn hảo.



Từ trước tới nay, các đạo giáo đua nhau tìm ra những điều tương dị. Từ nay về sau, các đạo giáo sẽ đua nhau tìm cho ra những điểm tương đồng.

Tim những điều tương dị để đả kích, phê báng lẫn nhau, sẽ sinh ra mâu thuẫn, chia rẽ, đấu tranh, bách hại, giết lát. Tim những điểm tương đồng sẽ tạo nên tình huynh đệ, thực hiện tương thân, tương ái.

Mà thực hiện được tình tương thân tương ái, tức là thực hiện được Thượng đế vì Thượng đế là tình yêu, tức là đem được Thượng đế xuống sống chung với con người.

Phải chăng đó là mục đích tối hậu của các đạo giáo.

Và chúng ta có thể kết thúc bằng một lời ước nguyện: Ước gì Thượng đế là mọi sự trong mọi người. (I Cor. 15, 28).

CHÚ THÍCH

[1] The missionary is the initiator and center of the religious revolution now taking place in Africa. He would not be true to his vocation, if he ever agreed to act on the principle that Christianity is as “any other form of cult”. As a matter of fact, his brief is to regard all the other forms of religion as misguided, fit only for destruction, and to regard Christianity as entirely different, the only true religion to be implanted. Far from leaving other cults side by side in juxtaposition with the message of the Gospels, the missionary is engaged in superseding them.

Bronislaw Malinowski, *The Dynamics of Culture Change*, p. 16.

[2] Cf. Võ Long Tê, *Lịch sử văn học Công giáo Việt Nam*, tr. 255.

[3] These «true disciples of Jesus Christ» ... arrived in China ... armed with all the arrogance of the West. They despite the «yellow races» of the Orient; they tried to convert these inferior beings, and at the same time told each other, in print, and even told them to their face, that they were so brutish, so contemptible, that they were hardly worth converting. «Chinese civilization,» wrote a distinguished missionary priest in the middle of the 19th century, «is a monstrosity, not only anti-Christian, but anti-human ... The religions of the Chinese are monstrous, absurd, the most ridiculous in the world.» One does not find humanity, he concluded, among the peoples of the Orient, but «only monkeydom.»

(Cited by Pierre Charles, S. L.J., *Tactique missionnaire ou théologie de l’apostolat?* In *Nouvelle Revue Théologique*, Avril-Mai 1940, p388. See also by the same writer «Europe and the Far East», in *Eyre’s European Civilization*, Oxford 1939, vol. VII, p. 717. – Cf. Malcolm Hay, *Failure in the Far East*, p. 167.

[4] Thiên hạ hà tư hà lục? Thiên hạ đồng qui nhi thù đồ, nhất trí nhi bác lục. Thiên hạ hà tư, hà lục. (Dịch, Hệ từ hạ).

[5] Xem *Originalité des Cultures*, (Unesco), pp. 136, 137.

Yoga vasistha, VI, III, 96, 51, 52, 53.

Yoga vasistha V, 87, 18-20.

[6] Annie Besant, *La sagesse antique*, chương *Unité fondamentale de toutes les religions*, từ tr. 9 đến 60. (Xem *Mundakopanishad*, II, ii, 1, 2, 9, 11 – *Shvetâhvataropanishad*, III, 7, 8, 21 – và *Ibid*, IV, 18-20 – *Mundakopanishad*, IV, iv, 20, 22 – *Shvetash*, I, 8 – *Mund. III* i, 8 – *Ibid*, III, ii, 4 – *Ibid.*, II, ii, 9 – *Kathop.* VI, 15 v.v...)

[7] Illan de Casa Fuerte, *La Religion essentielle*, tr. 10-24.

[8] Première loi. – L’Homme doit trouver à la clarté de son flambeau intérieur la voie de sa libération.
Deuxième loi. – Pour que l’homme trouve la voie de sa libération il faut qu’il développe ses facultés d’intériorisation.

Troisième loi. – En vertu du principe de la gravitation spirituelle, l’homme doit atteindre le centre.

(*La Religion essentielle*, pp. 8, 9).

[9] Les méditation prolongées, l’ascétisme, les exercices spirituels, et corporels n’avaient qu’un objet, la construction de l’homme nouveau né à la vie nouvelle; il est particulièrement intéressant de

constater que les mystiques de toutes les époques ont toujours réussi à se mettre en contact direct avec leur esprit, parvenant au cours de leurs extases, à communiquer avec les plans de la divinité ... (La Religion essentielle, p. 16).

... Si le domaine terrestre qui est le creuset où se perfectionne et se purifie l'Humanité, ne saurait être négligé, et encore moins par les créateurs d'un rythme intérieur, par les représentants des diverses confessions, c'est exclusivement vers la divinité que devraient s'élever les religions, de telle sorte que tous, maîtres, disciples et adeptes, s'y dirigent de leurs regards, de leurs pensées, de leurs méditations, empruntant pour cela la seule voie de salut: le chemin intérieur. (Ibid. 22).

[10] La recherche par l'homme et dans l'homme de sa propre divinisation, la recherche par l'homme et dans l'homme du Dieu Un. (Ibid. 23)

[11] Aldous Huxley gọi Triết lý vĩnh cửu là philosophia perennis, chân lý rốt ráo là Ultimate truth. (Xem R. C. Zaehner, Mysticism, sacred and profane, p. 2).

» [mục lục](#) | [tựa](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) **10** | [sách tham khảo](#)

HƯƠNG TINH THÂN

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» [mục lục](#) | [tựa](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) | [sách tham khảo](#)

sách tham khảo



I. ANH VĂN

- Almad, Harzat, The Philosophy of the Teachings of Islam, Lion Press, Hospital Road, Lahore 1952.
- Besant, Annie, The Bhagavad Gita or the Lord's Song, (translation), G. A Natesan and Co, Madras.
- Bouquet, A. C., Comparative Religion, Penguin Books, Baltimore, Maryland.
- Butt, Edwin A., Man seeks the Divine, Harper and Brother publishers, N. Y.
- Davis, A. Povell, The meaning of the Dead Sea Scrolls, A Mentor Book.
- Ferm, Vergilius, An Encyclopedia of Religions.
- Finegan, Jack, The Archeology of World Religion, Princeton University press, 1952.
- From, Leroy Edwin, The Prophetic Faith of our Father, Review and Herald, Washington D.C.
- Gaer, Joseph, The wisdom of the living religions, Dodd Mead and Co New York, 1956.
- Halley, Henry H., Pocket Bible Handbook, Box 774, Chicago 90 Illinois.
- Hay Malcolm, Failure in the Far East, Philadelphia Dufour Editions, 1957.
- Hume, Robert Ernest, The World's living Religions, Charles Scribner's Sons, New York, 1955.
- Hume, Robert Ernest, The Thirteen principal Upanishads.
- Jung, C. G., The undiscovered Self, A Mentor Book.
- Kadloubousky and Palmer, Writings from the Philokalia on Prayer of the Heart, Faber and Faber, 24 Russell Square London.
- Wilson Edmond, The Scolls from the Dead Sea, Fontana Book.
- Zaehner, R. C., The Comparison of Religion, Beacon press Boston.
- Zaehner, R. C., At Sundry times, Faber and Faber, 24 Russell Square, London.
- Zaehner, R. C., Hindu and Muslim Mysticism, University of London.
- Zaehner, R. C., Mysticism Sacred and Profane, Oxford University Press.

II. PHÁP VĂN

- Altaner, Berthold, Précis de Patrologie.
- Batiffol, P., L'Église naissante et le Catholicisme, Lib. Victor Lecoffre, Rue Bonaparte 90, 1909.
- Besant, Annie, La Sagesse antique, La Famille thésophique, 4 Square Rapp., Paris, 1925.
- Boulaye, Pinard de la, L'Étude comparée des religions, Gabriel Beauchesne Ed. Rue de Rennes, 117, Paris, 1929.
- Biron, Marcel., Colonisation et conscience chrétienne, Recherches et Débats, Librairie Arthème Fayard Paris.
- Challaye, Félicien, Petite histoire des grandes religions, P. U. F.
- Descamps, Le génie des Religions, Librairie Félix Alcan, 108 Bd St Germain, Paris, 1930.
- Dheilley, J., Dictionnaire biblique.
- Eliade, Mircea, Images et Symboles, Gallimard.
- Fuerte, Illan de Casa, La Religion essentielle, Maisonneuve Frères éditeurs, Rue du Sabot 3, Paris, 1929.
- Glasenapp, H. de, Les cinq grandes religions du Monde, Payot, Paris.
- Herbert, Jean, L'Enseignement de Ramakrishna.
- Katigawa, J. M., Religions orientales, Payot Paris.
- Leeuw, G. Van der, La religion dans son essence et dans ses manifestations, Payot Paris.
- Monestier, Marianne, Les Jésuites en Extrême– Orient, La Table Ronde.
- Müller, Max, Essai sur l'histoire des Religions.
- Muhammad, Hamidullah, Le Coran, Le Club Français du Livre.
- Ott Louis, Précis de Théologie dogmatique, Éditions Savator, Mulhouse.
- Pike E. Royston, Dictionnaire des Religions.
- Rolland, Romain, La Vie de Vivekananda, Librairie Stock, 6 Casimir Delavigne, Paris.
- Ringgren H. et Strom A. V., Les Religions du monde, Payot, Paris.
- Soderblom, Nathan, La vie future d'après le Mazdéisme, Ernest Leroux éditeurs, 28 Rue Bonaparte, Paris, 1901.
- Wiegner, Léon, Histoire des Croyances religieuses et des Opinions philosophiques en Chine de l'origine jusqu'à nos jours, Hien-hien, 1922.
- Wang Tchang Tche, La philosophie morale de Wang Yang Ming, Variétés Sinologiques 63.
- Zaehner, R. C., Religions mystiques et révélations prophétiques, Desclée et Brower.
- Bible de Jérusalem.

III. VIỆT VĂN

- Nguyễn Văn Thọ, Lecomte du Noüy và học thuyết viễn đích, Văn Đàn xuất bản, 1969.
- Nguyễn Văn Thọ, Khổng học tinh hoa, Khai Trí xuất bản, 1970.
- Nguyễn Văn Thọ, Trung Dung tân khảo, 1960.
- Nguyễn Đăng Thục, Văn Hóa Á Châu (tạp chí).

IV. HÁN VĂN

- Âm phù kinh 陰符經
- Đạo đức kinh 道德經
- Đạt Ma huyết mạch luận 達摩血脈論
- Đại đồng chân kinh 大洞真經
- Kim cương kinh 金剛經
- Lăng Nghiêm kinh 楞嚴經
- Nam Hoa kinh 南華經
- Pháp Hoa kinh 法華經
- Tứ thư Ngũ kinh 四書五經
- Xung Hư chân kinh 沖虛真經

» [mục lục](#) | [tựa](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) | [sách tham khảo](#)